

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

---

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MÔN NGỮ VĂN**

**Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

**HÀ NỘI, 2019**

**Người biên soạn:**

1. GS.TS Đỗ Việt Hùng (*Chủ biên*)
2. PGS.TS Đỗ Ngọc Thống
3. PGS.TS Hà Văn Minh
4. TS Lương Thị Hiền
5. PGS.TS Phạm Thị Thu Hương
6. PGS.TS Trịnh Thị Lan
7. GS.TS Lê Phương Nga.
8. PGS.TS Nguyễn Thị Mai Liên
9. TS. Đỗ Văn Hiểu
10. PGS.TS Trần Văn Toàn

**Cộng tác viên:**

1. PGS.TS Đỗ Xuân Thảo
2. TS. Phạm Thị Thu Hiền

## MỤC LỤC

KÍ HIỆU VIẾT TẮT .....	3
CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ.....	4
A. MỤC TIÊU .....	8
B. NỘI DUNG TẬP HUẤN .....	8
NỘI DUNG 1. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC NGỮ VĂN.....	8
NỘI DUNG 2. TÌM HIỂU MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC NGỮ VĂN 2018.....	14
NỘI DUNG 3. TÌM HIỂU NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN HỌC NGỮ VĂN TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018.....	30
NỘI DUNG 4. THỰC HIỆN DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THEO CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC NGỮ VĂN 2018.....	40
C. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TẬP HUẤN.....	62
D. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TẬP HUẤN.....	63
PHỤ LỤC 1. GIÁO ÁN MINH HỌA .....	64
PHỤ LỤC 2. ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ .....	103

## **KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BCV	: Báo cáo viên
CT GDPT	: Chương trình Giáo dục phổ thông
CT	: Chương trình
GD	: Giáo dục
HĐ	: Hoạt động
HS	: Học sinh
HV	: Học viên
MT	: Mục tiêu
NL	: Năng lực
NXB	: Nhà xuất bản
SGK	: Sách giáo khoa

# CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

## 1. Chương trình tổng thể:

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) là văn bản quy định những vấn đề chung nhất, có tính chất định hướng của chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu chương trình từng cấp học, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh cuối mỗi cấp học, hệ thống môn học và hoạt động giáo dục, thời lượng của từng môn học và hoạt động giáo dục, định hướng nội dung giáo dục bắt buộc ở từng cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc, định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

## 2. Năng lực:

Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

## 3. Phẩm chất:

Phẩm chất là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người.

## 4. Yêu cầu cần đạt:

Yêu cầu cần đạt là kết quả mà học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và hoạt động giáo dục; trong đó, mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu riêng cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó.

## 5. Môn học

Môn học là lĩnh vực nội dung dạy học được thực hiện trong nhà trường có cấu trúc và logic phù hợp với ngành khoa học và thực tiễn tương ứng, phù hợp với những quy luật Tâm- Sinh lí của dạy học.

## 6. Giáo dục hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp bao gồm toàn bộ các hoạt động của nhà trường phối

hợp với gia đình và xã hội nhằm trang bị kiến thức, hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh, từ đó giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích, quan niệm về giá trị của bản thân, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Giáo dục hướng nghiệp có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông.

Trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục hướng nghiệp được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, tập trung ở các môn Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật, Giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở, các môn học ở cấp trung học phổ thông và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cùng với Nội dung giáo dục của địa phương.

## **7. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông**

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông được thực hiện thường xuyên và liên tục, trong đó tập trung vào các năm học cuối của giai đoạn giáo dục cơ bản và toàn bộ thời gian của giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

## **8. Trải nghiệm**

Trải nghiệm là quá trình hoạt động để thu nhận những kinh nghiệm, từ đó vận dụng một cách có hiệu quả vào thực tiễn cuộc sống.

## **9. STEM**

STEM là thuật ngữ viết tắt của các từ *Science* (khoa học) *Technology* (công nghệ), *Engineering* (kỹ thuật), và *Math* (toán học) được sử dụng khi bàn đến các chính sách phát triển về Khoa học, Công nghệ, kỹ thuật và Toán học. Thuật ngữ này lần đầu tiên được giới thiệu bởi Quỹ Khoa học Mĩ vào năm 2001.

## **10. Giáo dục STEM**

Giáo dục STEM được hiểu là mô hình giáo dục dựa trên tiếp cận liên môn, giúp học sinh áp dụng các kiến thức khoa học, công nghệ, kỹ thuật và Toán học vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong bối cảnh cụ thể.

## **11. Đánh giá tổng kết**

Đánh giá tổng kết còn được gọi là đánh giá kết quả, là đánh giá có tính tổng hợp, bao quát nhằm cung cấp thông tin về sự tinh thông/ thành thạo của học

sinh ở các mặt nội dung, kiến thức, kỹ năng và thái độ sau khi kết thúc một khóa học/lớp học hoặc một môn học/học phần/ chương trình.

## **12. Đánh giá quá trình**

Đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình hoạt động giảng dạy môn học/ khóa học, cung cấp thông tin phản hồi cho người học biết được mức độ đạt được của bản thân so với mục tiêu giáo dục, qua đó điều chỉnh cách học, cách dạy giúp người học tiến bộ. Đánh giá quá trình chính là đánh giá vì sự tiến bộ của người học.

## **13. Tích hợp**

Tích hợp là sự hợp nhất/ nhất thể hóa các bộ phận khác nhau để đưa tới một đối tượng mới như là một thể thống nhất dựa trên những nét bản chất của các thành phần đối tượng chứ không phải là phép cộng đơn giản những thuộc tính của đối tượng ấy.

## **14. Dạy học tích hợp**

Dạy học tích hợp: là định hướng dạy học giúp học sinh phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống, được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng.

## **15. Phân hóa**

Phân hóa là chia một khối/ một nhóm thành nhiều phần / nhiều đối tượng có các tính chất khác biệt nhau để thực hiện những tác động cho phù hợp.

## **16. Dạy học phân hóa:**

Dạy học phân hóa: là định hướng dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh khác nhau, nhằm phát triển tối đa tiềm năng vốn có của mỗi học sinh dựa vào đặc điểm tâm - sinh lý, khả năng, nhu cầu, hứng thú và định hướng nghề nghiệp khác nhau của học sinh.

## **17. Nội dung giáo dục địa phương**

Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp ... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những

điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

### **18. Kế hoạch giáo dục nhà trường**

Kế hoạch giáo dục nhà trường là sự cụ thể hóa tiến trình thực hiện CTGDPT (bao gồm cả nội dung giáo dục địa phương) phù hợp với điều kiện cụ thể về thời gian, đặc điểm của người học, nhân lực, vật lực ...của nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng hàng năm dựa trên kế hoạch giáo dục chung và các hướng dẫn trong CTGDPT.



## **NỘI DUNG KHOÁ TẬP HUẤN**

### **A. MỤC TIÊU**

Sau khóa tập huấn, học viên:

- Trình bày được đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu, cấu trúc, nội dung, định hướng phương pháp dạy học của CTGDPT tổng thể và CT môn Ngữ văn 2018;

- Lí giải được các điểm mấu chốt, mới mẻ của các chương trình, giải đáp được các vướng mắc của giáo viên Ngữ văn trong tìm hiểu và thực hiện chương trình;

- Xác định được các công việc cán bộ quản lí chuyên môn Ngữ văn các cấp, giáo viên dạy Ngữ văn cần làm để triển khai CT môn Ngữ văn 2018;

- Trình bày, làm mẫu các phương pháp, kĩ thuật dạy học Ngữ văn nhằm phát triển năng lực học sinh;

- Thiết kế và đánh giá được kế hoạch dạy học môn học, chủ đề dạy học, bài học và các hoạt động dạy học Ngữ văn theo CT môn Ngữ văn 2018

### **B. NỘI DUNG TẬP HUẤN**

#### **1. Nội dung 1: Tìm hiểu đặc điểm môn học và quan điểm xây dựng chương trình môn học Ngữ văn**

##### *1.1. Mục tiêu*

- Trình bày được: (1) vị trí và tên môn học Ngữ văn trong chương trình GDPT, vai trò; (2) tính chất của môn học trong giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp; (3) quan hệ giữa môn học Ngữ văn và các môn học/hoạt động giáo dục khác.

- Trình bày được sự thể hiện của quan điểm xây dựng chương trình môn Ngữ văn 2018.

##### *1.2. Nguồn tài liệu, học liệu*

- **Mục I và mục II** của Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018.

- Chương trình môn học, tài liệu hỏi đáp, INFOGRAPHIC và VIDEO

##### *1.3. Tiến trình tổ chức hoạt động*

Nội dung các hoạt động	Thời gian
<p><b>Hoạt động 1. Giới thiệu về đợt tập huấn</b></p> <p>+ Kiểm tra số lượng;            + Mời học viên (HV) chia sẻ ý tưởng về chủ đề tập huấn (học viên đã đọc CT tổng thể/ CT môn Ngữ văn hay chưa, học viên có tài liệu gì, có khó khăn hay mong muốn gì khi tham gia tập huấn...);            + Báo cáo viên (BCV) đặt vấn đề về:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) <b>nhiệm vụ triển khai</b> Chương trình giáo dục mới</li> <li>2) <b>giới thiệu tài liệu</b> (CTGDPT tổng thể và Chương trình môn Ngữ văn 2018, tài liệu hỏi- đáp, Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018, INFOGRAPHIC và VIDEO)</li> <li>3) <b>mục tiêu và kế hoạch</b> tập huấn;</li> <li>4) <b>nhiệm vụ và sản phẩm</b> của cả đợt tập huấn;</li> <li>5) <b>ghi nhận phản hồi</b></li> </ol>	20 ph
<p><b>Hoạt động 2. Đặc điểm môn học Ngữ văn, vai trò của môn học Ngữ văn trong việc phát triển phẩm chất, năng lực người học</b></p> <p>- <b>BCV</b> chia nhóm HV, giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hiện <b>Phiếu giao nhiệm vụ số 01</b></p> <p>- <b>HV</b> nghiên cứu CTGD tổng thể, CT môn Ngữ văn, đọc <b>Mục I. Đặc điểm môn học</b> (Tài liệu TEXT), thảo luận, chia sẻ trong nhóm. Đại diện nhóm chia sẻ toàn lớp (30 phút)</p> <p>- <b>BCV</b> chốt lại một số điểm cốt lõi.</p>	40 phút
<p style="text-align: center;"><b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 01 (phần 1)</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 1. Đọc tài liệu, thảo luận các vấn đề sau về đặc điểm CT môn Ngữ văn</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày về đặc điểm môn học Ngữ văn</li> <li>2. Vai trò của môn học Ngữ văn trong việc phát triển phẩm chất, năng lực người học</li> <li>3. Quan hệ với môn học/hoạt động giáo dục khác</li> </ol> <p><b>Nhiệm vụ 2. Mỗi nhóm đặt ít nhất 1 câu hỏi về điều tôi muốn biết liên quan đến hai nội dung trên.</b></p>	

<b>Yêu cầu:</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân nghiên cứu tài liệu, trao đổi trong nhóm.</li> <li>- Nhóm báo cáo sản phẩm bằng bài trình bày powerpoint hoặc trên giấy A0</li> </ul>	
- <b>Học viên (HV)</b> làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ trong phiếu giao nhiệm vụ số 01	<b>15 ph</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>BCV</b> mời đại diện các nhóm trình bày</li> <li>- <b>HV</b> trình bày</li> </ul>	<b>15 ph</b>
<b>BCV</b> tổ chức cho các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	<b>15 ph</b>
<b>Hoạt động 3: Quan điểm xây dựng Chương trình Ngữ văn 2018</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>BCV</b> giao các nhóm đọc tài liệu, thảo luận về quan điểm xây dựng chương trình môn Ngữ văn theo những điểm gợi ý sau: thực hiện <b>Phiếu giao nhiệm vụ số 02</b></li> <li>- Học viên nghiên cứu CTGD tổng thể, CT môn Ngữ văn, đọc mục II. Quan điểm xây dựng chương trình(Tài liệu TEXT), thảo luận.Đại diện trình bày trên power point; thảo luận, chia sẻ ngắn gọn</li> <li>- Báo cáo viên chốt một số vấn đề cốt lõi liên quan (bằng slide).</li> </ul>	
<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 01 (phần 2)</b>	
<p><b>Nhiệm vụ 3: Đọc tài liệu, thảo luận và trình bày ngắn gọn các vấn đề sau về quan điểm xây dựng chương trình môn Ngữ văn theo những điểm gợi ý sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vì sao CT môn Ngữ văn phải tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình tổng thể.</li> <li>2. CT môn Ngữ văn được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn nào? Lấy ví dụ.</li> <li>3. Vì sao xây dựng CT dựa trên trực chính: Đọc, viết, nói và nghe? So sánh với chương trình 2000.</li> <li>4. Nêu những biểu hiện của tính mở của CT Ngữ văn 2018. Vì sao CT phải “mở”? Lấy ví dụ trong Chương trình 2018 (GV khoa nào lấy ví dụ cấp học đó. VD: tiểu học, trung học)</li> <li>5. Vì sao CT Ngữ văn 2018 cần đáp ứng yêu cầu đổi mới? Có kế thừa gì ở CT truyền thống? Có gì tiếp thu ở CT của các nước tiên tiến?</li> </ol>	

<b>Yêu cầu mỗi nhóm:</b> - Cá nhân nghiên cứu tài liệu, trao đổi trong nhóm. - Nhóm báo cáo sản phẩm bằng bài trình bày powerpoint hoặc trên giấy A0	
- <b>Học viên (HV)</b> làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ trong phiếu giao nhiệm vụ số 02	<b>20 ph</b>
- <b>BCV</b> mời đại diện các nhóm trình bày - <b>HV</b> trình bày	<b>20 ph</b>
<b>BCV</b> tổ chức cho các nhóm khác góp ý kiến, tổng kết, đánh giá. Thảo luận các câu hỏi nếu có.	<b>20 ph</b>

#### 1.4. Dự kiến sản phẩm hoạt động và định hướng đánh giá quá trình

- **Sản phẩm:** Các slide/phần trình bày của nhóm thể hiện sự nhận biết, thông hiểu của học viên về đặc điểm môn học và quan điểm xây dựng chương trình. Học viên nộp sản phẩm về email chung hoặc đưa lên group.

- **Định hướng đánh giá:** So sánh bài trình bày của nhóm học viên với các tài liệu do Chủ biên CT xây dựng.

## THÔNG TIN CHO NỘI DUNG 1

### I. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN HỌC

#### 1. Vị trí và tên môn học trong chương trình GDPT

Môn Ngữ văn là môn học bắt buộc thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ và văn học, được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở tiểu học gọi là môn **Tiếng Việt**, mỗi năm học 35 tuần với số tiết học cho mỗi lớp là: lớp 1 (420 tiết), lớp 2 (350 tiết), lớp 3 (280 tiết), lớp 4 (245 tiết) lớp 5 (245 tiết)<sup>1</sup>. Ở trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) môn học này tên là **Ngữ văn**, mỗi năm học 35 tuần, số tiết học cho mỗi lớp của cấp THCS là 140 tiết; cấp THPT mỗi lớp là 105 tiết, ngoài ra có 35 tiết chuyên đề tự chọn.

#### 2. Vai trò và tính chất nổi bật của môn học trong giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp

CT Ngữ văn 2018 chú ý đến tính chất công cụ và thẩm mỹ - nhân văn; chú trọng

<sup>1</sup> Mỗi tiết ở Tiểu học từ 35-40 phút; ở THCS và THPT là 45 phút.

mục tiêu và giải pháp giúp HS phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực; kết hợp phát triển các năng lực chung (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) với phát triển các năng lực đặc thù (NL ngôn ngữ, NL văn học,...); kết hợp phát triển năng lực với phát triển phẩm chất. Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp và các năng lực cốt lõi để học tập tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả, và để học suốt đời.

CT Ngữ văn mới phân chia nội dung dạy học theo 2 giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản và Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Nội dung giáo dục ở mỗi giai đoạn có những đặc điểm riêng:

– Giai đoạn giáo dục cơ bản:

Giúp HS trên cơ sở phát triển năng lực ngôn ngữ, sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học khác hình thành và phát triển năng lực văn học, biểu hiện đặc thù của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để HS phát triển về tâm hồn, nhân cách. Kiến thức văn học và tiếng Việt được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS ở mỗi cấp học.

– Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp:

Củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp HS nâng cao năng lực ngôn ngữ, yêu cầu cao hơn về năng lực văn học, nhất là năng lực tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp cao hơn về nội dung và kĩ thuật viết, trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học.

Ngoài ra, trong mỗi năm, những HS có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

Tính hướng nghiệp với môn Ngữ văn thể hiện ở mấy điểm sau: i) trang bị cho HS công cụ giao tiếp chắc chắn để có thể học tập và làm việc hiệu quả; ii) cung cấp thêm những hiểu biết sâu về văn học, ngôn ngữ học để HS có cơ sở bước đầu lựa chọn đúng các ngành liên quan cần đến các hiểu biết này; iii) ngữ liệu-văn bản đưa vào SGK chú ý hơn đến văn bản thuyết minh về các ngành nghề trong xã hội, nhất là các VB thông tin và nghị luận.

### **3. Quan hệ với môn học/hoạt động giáo dục khác**

Chương trình NV 2018 nhấn mạnh tính chất tổng hợp liên ngành, thể hiện rõ mối quan hệ qua lại giữa các môn học: Nội dung môn Ngữ văn mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hóa, đạo đức, triết học, lịch sử, địa lí,... nên liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Đạo đức, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm. Các kỹ năng được phát triển trong môn Ngữ văn, với chức năng của môn học công cụ, giúp HS học các môn khác thuận lợi, hiệu quả hơn; ngược lại nội dung giáo dục của các môn học khác cũng cung cấp thêm dữ liệu để môn Ngữ văn khai thác.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN 2018**

**1.** *Tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong CT tổng thể*, gồm: i) Định hướng chung cho tất cả các môn học; ii) Định hướng xây dựng CT môn Ngữ văn ở cả hai giai đoạn. Quan điểm này giúp cho việc xây dựng CT môn học Ngữ văn thống nhất với CT tổng thể, nhất quán với CT các môn học khác.

**2.** *Dựa trên các cơ sở khoa học* sau: a) Kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học Ngữ văn hiện đại; b) Thành tựu nghiên cứu về văn học, ngôn ngữ học; thành tựu văn học Việt Nam; c) Kinh nghiệm xây dựng CT môn Ngữ văn của Việt Nam và cập nhật xu thế quốc tế trong phát triển CT nói chung, CT môn Ngữ văn nói riêng; d) Thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam.

**3.** *Lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học.* Lần đầu tiên việc xây dựng CT môn học này được thống nhất cùng một hệ thống là kỹ năng giao tiếp. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về văn học và tiếng Việt được tích hợp vào hoạt động dạy đọc, viết, nói và nghe. Quan điểm này vừa bảo đảm tính chất thống nhất trong toàn CT, vừa giúp cho việc tích hợp tốt hơn, thể hiện rõ đặc điểm của CT phát triển năng lực, việc trang bị kiến thức phải hướng đến mục tiêu giáo dục là phát triển năng lực.

**4.** *Xây dựng theo hướng mở:* đây là điểm đổi mới thực sự trong việc xây dựng CT môn Ngữ văn. Tính chất mở của CT được thể hiện ở những điểm quan trọng sau đây: *Một là* không quy định chi tiết về nội dung dạy học, nhất là các văn bản - tác phẩm (VB-TP) cụ thể mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt, văn học và một số VB-TP có vị trí, ý nghĩa quan trọng của văn học dân tộc và thế giới. Đây là nội dung thống nhất, bắt buộc đối với HS toàn quốc. *Hai là* những VB-TP khác được CT nêu lên

trong phần cuối văn bản chỉ là sự gợi ý về ngữ liệu, minh họa về thể loại, kiểu loại VB. *Ba* là cho phép các tác giả sách giáo khoa (SGK) căn cứ vào các yêu cầu bắt buộc của CT, chủ động, sáng tạo trong việc triển khai các nội dung dạy học cụ thể theo yêu cầu phát triển CT. *Bốn* là cho phép GV được lựa chọn SGK, sử dụng một hay kết hợp nhiều sách, nhiều nguồn tư liệu khác nhau để dạy học trên cơ sở bám sát mục tiêu và đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT. *Năm* là yêu cầu việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cuối cấp không dựa vào các ngữ liệu đã học trong một cuốn SGK Ngữ văn cụ thể mà lấy yêu cầu cần đạt nêu trong văn bản CT môn học làm căn cứ để biên soạn đề kiểm tra, đánh giá.

**5. Đáp ứng yêu cầu kế thừa và đổi mới, phát triển:** CT cần đáp ứng sự thay đổi của khoa học và thực tiễn cuộc sống cho nên không thể không có đổi mới, phát triển. Tuy nhiên, CT nào cũng được xây dựng trên cơ sở kế thừa từ CT truyền thống, từ đó mà đổi mới, bổ sung, phát triển. Việc tiếp thu CT của các nước tiên tiến (trong phạm vi đặc trưng môn học Ngữ văn – vốn mang đậm tính dân tộc) cũng được chú ý ở những mức độ nhất định.

## **2. Nội dung 2: Tìm hiểu mục tiêu của chương trình môn Ngữ văn và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực**

### *2.1. Mục tiêu*

Sau khi hoàn thành mô đun này, học viên:

- Nêu được mục tiêu của CT môn Ngữ văn.
- Trình bày và phân tích được yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của CT môn Ngữ văn.

### *2.2. Nguồn tài liệu, học liệu*

- **Mục III và mục IV** của Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018.
- Chương trình môn học, tài liệu hỏi đáp, INFOGRAPHIC và VIDEO

### *2.3. Tiến trình tổ chức hoạt động*

<b>Nội dung các hoạt động</b>	<b>Thời gian</b>
<b><i>Hoạt động 1. Tìm hiểu mục tiêu của CT môn Ngữ văn</i></b>	
<b>BCV</b> trình bày các vấn đề cơ bản về mục tiêu của CT môn Ngữ văn và giao nhiệm vụ cho học viên theo phiếu giao nhiệm vụ số 02 .	<b>10 ph</b>
<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 02</b>	

**Nhiệm vụ 1: Cá nhân tự nghiên cứu**

1. Nêu được căn cứ để xác định mục tiêu của CT môn Ngữ văn
2. Nêu được mục tiêu cụ thể của CT môn Ngữ văn
3. Đặt các câu hỏi có liên quan.

**Nhiệm vụ 2: Hoạt động theo nhóm**

1. Nêu được căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.
2. Nêu được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn Ngữ văn trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh.
3. Nêu được yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn Ngữ văn trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh.
4. Nêu được yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Ngữ văn.
5. Yêu cầu mỗi nhóm học viên lựa chọn một chủ đề cụ thể trong CT môn Ngữ văn 2018, phân tích yêu cầu cần đạt để cho biết:
  - Các yêu cầu cần đạt trong chủ đề đó góp phần hình thành, phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực nào?
  - Các yêu cầu cần đạt đó được diễn tả như thế nào?
  - Các yêu cầu cần đạt đó quan hệ như thế nào với yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ?
6. Đặt câu hỏi có liên quan?

- HV thực hiện nhiệm vụ 1 (hoạt động cá nhân) phiếu giao nhiệm vụ số 02	<b>10 ph</b>
---	--------------

- BCV: Mời bất kì một học viên trình bày nhiệm vụ này. - HV trình bày.	<b>10 ph</b>
---	--------------

- BCV tổ chức cho các học viên khác chia sẻ, thảo luận. Trao đổi các câu hỏi được đặt ra. BCV tổng kết, đánh giá.	<b>10 ph</b>
---	--------------

**Hoạt động 2. Tìm hiểu yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực**

BCV: Trình bày phân tích yêu cầu cần đạt để xác định các phẩm chất, năng lực mà chủ đề có thể góp phần hình thành, phát triển.	<b>10 ph</b>
--	--------------

Giao nhiệm vụ 2 làm việc theo nhóm, phiếu giao nhiệm vụ số 02

HV làm việc theo nhóm thực hiện nhiệm vụ 2 trong phiếu giao nhiệm vụ số 02.	<b>20 ph</b>
---	--------------

BCV: Mời đại diện nhóm trình bày nhiệm vụ và nêu câu hỏi. HV trình bày	<b>10 ph</b>
---	--------------

BCV tổ chức cho các học viên khác chia sẻ. Trao đổi các câu hỏi được	<b>20 ph</b>
--	--------------



đặt ra. BCV tổng kết, đánh giá.	
---------------------------------	--

#### 2.4. Dự kiến sản phẩm hoạt động và định hướng đánh giá quá trình

- Sản phẩm: Tờ tranh A0, PowerPoint trình bày về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của CT môn Ngữ văn 2018.
- Định hướng đánh giá: So sánh bài trình bày của nhóm học viên với các tài liệu do Chủ biên CT xây dựng; đánh giá chéo giữa các nhóm.

### THÔNG TIN CHO NỘI DUNG 2

#### I. HOẠT ĐỘNG 1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN

##### 1. Căn cứ xác định mục tiêu của chương trình môn Ngữ văn

**1.1.** *Căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng, phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước, đặc biệt là yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.*

Cũng như CT giáo dục phổ thông tổng thể và các CT môn học, hoạt động giáo dục khác, CT môn Ngữ văn vận dụng phương pháp *Sơ đồ ngược* (back mapping) trong xây dựng CT. Phương pháp này không bắt đầu bằng việc xác định nội dung giáo dục chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của người xây dựng CT, mà bắt đầu bằng việc xác định mục tiêu giáo dục, trên cơ sở đó tiến hành các bước tiếp theo là: xác định yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục.

Để xác định mục tiêu giáo dục, CT phải căn cứ vào nhu cầu phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước. Nhu cầu này được thể hiện trong đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng, phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước, đặc biệt là yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới. Cụ thể là:

- Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cho từng bậc học.
- Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng

con người Việt Nam phát triển toàn diện.

- Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về mục tiêu giáo dục phổ thông.

**1.2. Căn cứ vào mục tiêu của CT giáo dục phổ thông đã nêu trong CT tổng thể**, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu của các cấp học.

**1.3. Kế thừa mục tiêu CT môn Ngữ văn của một số nước có nền GD tiên tiến**

Tuy CT môn Ngữ văn ở mỗi nước có mục tiêu giáo dục khác nhau nhưng đều khá thống nhất ở chỗ: (1) là tập trung giáo dục cho học sinh những phẩm chất chủ yếu của một công dân, qua đó giúp hình thành trong thực tế những yếu tố cơ bản của nhân cách con người; (2) là hình thành, phát triển cho học sinh năng lực cốt lõi của người công dân.

**1.4. Kế thừa mục tiêu CT môn Ngữ văn hiện hành của Việt Nam**

Mục tiêu của CT môn Ngữ văn hiện hành (ban hành năm 2006) là kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mục tiêu CT môn Ngữ văn mới là phẩm chất và năng lực. Trong CT mới, đích đến cuối cùng của dạy học môn Ngữ văn không phải là trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng, thái độ mà là hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực. Vì mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ không mâu thuẫn với mục tiêu về phẩm chất và năng lực, mà là phương tiện để đạt mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nên các nội dung phù hợp về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã nêu trong mục tiêu CT hiện hành được kế thừa trong mục tiêu CT môn Ngữ văn mới về phẩm chất và năng lực.

## **2. Mục tiêu cụ thể của chương trình môn Ngữ văn**

### **2.1. Mục tiêu chung**

a) Hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. CT môn Ngữ văn giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

b) Góp phần giúp HS phát triển các năng lực chung như năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, CT

môn Ngữ văn giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe; phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá: có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

Như thế, cách trình bày mục tiêu của CT lần này có khác với cách trình bày mục tiêu của CT hiện hành. Trong CT môn Ngữ văn hiện hành, mục tiêu chung và mục tiêu mỗi cấp học gồm 3 nội dung: a) Mục tiêu trang bị kiến thức phổ thông cơ bản, hiện đại có tính hệ thống về ngôn ngữ và văn học...; b) Mục tiêu phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mỹ,... phương pháp học tập...; c) Mục tiêu giáo dục tư tưởng, tình cảm, ý thức và thái độ,...

Để đạt được mục tiêu môn học, việc dạy học phải thông qua những kiến thức phổ thông cơ bản về tiếng Việt, văn học và bằng các hoạt động đọc, viết, nói, nghe các kiểu loại VB. Có nghĩa là với CT mới, hệ thống kiến thức tiếng Việt và văn học là phương tiện để đạt được mục tiêu phát triển PC và NL.

Mục tiêu của cấp học sau được hiểu là tiếp tục phát triển PC và NL của cấp học trước, nhưng có thêm một số yêu cầu cao hơn cấp trước, vì thế MT cấp sau chỉ nêu thêm các biểu hiện nâng cao và mở rộng cho mỗi cấp để tránh trùng lặp do phải nhắc lại.

## **2.2. Mục tiêu cấp tiểu học**

a. Thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản, nhất là văn bản văn học, môn Tiếng Việt góp phần giúp học sinh phát triển những phẩm chất cao đẹp như: tình yêu đối với thiên nhiên, gia đình, quê hương; ý thức đối với cội nguồn; lòng nhân ái; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; trung thực và có trách nhiệm

b. Giúp học sinh bước đầu phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe ở mức độ căn bản thông qua những kiến thức phổ thông sơ giản về tiếng Việt và văn học. Kết thúc cấp tiểu học, học sinh biết cách đọc, đọc hiểu được các văn bản văn học và văn bản thông tin có chủ đề thiết thực, gần gũi với lứa tuổi; viết được các bài văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh đơn giản theo đúng các bước và đảm bảo yêu cầu về chữ viết, chính tả, đặc điểm của kiểu loại văn bản; biết phát biểu ý kiến, kể lại câu chuyện; biết lắng nghe để

hiểu đúng ý kiến của người khác, biết trao đổi với người nói trong quá trình nghe.

Chương trình góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh chủ yếu thông qua cảm thụ, thưởng thức văn học. Những câu chuyện, bài thơ, bài văn, kịch bản văn học được đọc, được nghe kể trong chương trình giúp học sinh có hiểu biết về cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh. Thông qua phát triển kỹ năng nói nghe tương tác, học sinh biết tự làm chủ tình cảm, thái độ, hành vi của mình. Việc đọc hiểu những văn bản viết về cuộc sống và con người nước ngoài sẽ giúp học sinh có hiểu biết ban đầu về văn hoá, con người ở một số quốc gia trên thế giới. Qua việc đọc hiểu và tạo lập văn bản, học sinh biết tiếp nhận có chọn lọc những thông tin, tạo ý tưởng mới, đồng thời biết liên hệ và giải quyết các tình huống gần gũi, tương tự trong đời sống.

### **2.3. Mục tiêu cấp trung học cơ sở**

a) Thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản, nhất là văn bản văn học, môn Ngữ văn góp phần giúp học sinh phát triển những phẩm chất cao đẹp như: tình yêu đối với thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước; ý thức đối với cội nguồn, tự hào về lịch sử dân tộc; lòng nhân ái, vị tha; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; có tinh thần tự học và ý thức nghề nghiệp; trung thực và có trách nhiệm, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam.

b) Chương trình Ngữ văn trung học cơ sở tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ đã hình thành ở cấp tiểu học. Thông qua những kiến thức và kỹ năng ngữ văn phổ thông cơ bản, chương trình giúp học sinh tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia cuộc sống lao động. Kết thúc cấp trung học cơ sở, học sinh biết đọc hiểu dựa trên kiến thức đầy đủ hơn, sâu hơn về văn học và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân; biết viết các kiểu loại văn bản (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng) đúng quy cách, quy trình; biết trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; nói rõ ràng, đúng trọng tâm, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; biết nghe hiểu với thái độ phù hợp và phản hồi hiệu quả.

Chương trình Ngữ văn góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ qua việc tiếp

nhận, cảm thụ, thưởng thức vẻ đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật, qua lời ăn tiếng nói khi giao tiếp, qua vẻ đẹp nhân văn của đề tài, chủ đề, của tư tưởng và hình tượng nghệ thuật. Qua các tình huống giao tiếp hàng ngày và thế giới hình tượng trong tác phẩm văn học, học sinh biết làm chủ bản thân và có hành vi ứng xử phù hợp. Qua đọc hiểu các văn bản, học sinh có được những hiểu biết cơ bản về sự đa dạng của văn hoá và biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. Học sinh biết chú ý lắng nghe; biết đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, sự việc; biết phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề, yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; biết tìm kiếm và lựa chọn thông tin, hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã có; biết nhìn nhận, quan tâm tới các chứng cứ, đánh giá sự vật, hiện tượng dưới những góc nhìn khác nhau khi viết và nói; biết cân nhắc, chọn lọc từ ngữ, dẫn chứng, ý tưởng khi thuyết trình, đối thoại.

#### ***2.4. Mục tiêu cấp trung học phổ thông***

a) Thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản, nhất là văn bản văn học, môn Ngữ văn góp phần giúp học sinh phát triển những phẩm chất cao đẹp như: tình yêu đối với thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước; ý thức đối với cội nguồn, tự hào về lịch sử dân tộc; lòng nhân ái, vị tha; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động, tinh thần tự học, phát triển ý thức nghề nghiệp; trung thực và có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân, góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

b) Chương trình Ngữ văn trung học phổ thông tiếp tục phát triển năng lực giao tiếp đã hình thành ở trung học cơ sở. Thông qua những kiến thức phổ thông nền tảng, có tính hệ thống và sâu rộng hơn về văn học, tiếng Việt, chương trình giúp học sinh có năng lực vững vàng để tiếp tục học lên cao đẳng, đại học, các trường nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động. Kết thúc cấp trung học phổ thông, học sinh biết đọc hiểu các kiểu loại văn bản dựa trên những kiến thức sâu rộng hơn và hệ thống hơn, kết hợp với những trải nghiệm và khả năng suy luận, tư duy độc lập của bản thân; biết viết các kiểu loại văn bản tương đối phức tạp (nhất là văn bản nghị luận, văn bản thông tin) đúng quy cách, quy trình; biết trình bày dễ hiểu, mạch lạc, sinh động các ý tưởng và cảm xúc; nói có nội dung, rõ ràng, đúng trọng tâm, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người, biết nghe hiểu với thái độ phù hợp và phản hồi hiệu quả.

Năng lực thẩm mỹ được phát triển thông qua thưởng thức vẻ đẹp của con người, thiên nhiên, cuộc sống, sự việc và ngôn từ trong tác phẩm văn học. Qua những ngữ

liệu chọn lọc đặc sắc, học sinh có được những trải nghiệm thú vị trong đọc, viết, nói, nghe và rút ra được những bài học cụ thể, sâu sắc; có khả năng phản hồi một cách tích cực và hiệu quả những nội dung đã đọc, khả năng làm chủ tình cảm, hành vi cũng như khả năng ứng xử phù hợp trước các tình huống phức tạp trong đời sống. Cũng qua đọc hiểu các kiểu loại văn bản, học sinh có được hiểu biết cơ bản về sự đa dạng văn hoá, có khả năng tìm tòi khám phá, đề cập, mở rộng vốn sống và tri thức văn hoá; biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá, giữa mọi người. Qua yêu cầu viết các kiểu loại văn bản, chương trình giúp học sinh có khả năng suy nghĩ độc lập, sáng tạo; khả năng tìm kiếm, lựa chọn cách giải quyết vấn đề, đề xuất giải pháp. Nội dung luyện nói và nghe giúp học sinh biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống một cách phù hợp, hiệu quả.

### **3. Trao đổi về các câu hỏi liên quan**

#### **II. HOẠT ĐỘNG 2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

##### **1. Căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt**

##### **1.1. Căn cứ vào mục tiêu của CT môn Ngữ Văn**

Việc xác định yêu cầu cần đạt của CT môn Ngữ Văn phải căn cứ vào mục tiêu của CT môn học này vì yêu cầu cần đạt là cụ thể hóa mục tiêu.

Về *phẩm chất*, môn Ngữ Văn có mục tiêu chủ yếu là hình thành, phát triển cho học sinh cả 5 phẩm chất đạo đức đã nêu trong CT tổng thể (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm). Theo đó, yêu cầu cần đạt của môn Ngữ Văn về phẩm chất cơ bản trùng khớp với biểu hiện phẩm chất của học sinh đã nêu trong CT tổng thể. Văn bản CT môn Ngữ Văn không trình bày yêu cầu cần đạt về phẩm chất của toàn bộ CT môn học vì để tránh trùng lặp với các yêu cầu cần đạt đã được trình bày trong CT tổng thể.

Về *năng lực*, căn cứ để xác định yêu cầu cần đạt của các năng lực trong môn Ngữ Văn là các yêu cầu cần đạt đã nêu trong CT tổng thể về các năng lực chung và năng lực khoa học (năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo).

##### **1.2. Căn cứ vào đặc điểm môn Ngữ Văn**

Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ và văn học, được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở tiểu học, môn học này có tên là Tiếng Việt; ở trung học cơ sở và trung học phổ thông có tên là Ngữ văn.

Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp học sinh phát triển những phẩm chất cao đẹp; có những cảm xúc lành mạnh, biết tôn trọng cái đẹp; có đời sống tinh thần phong phú; có tâm hồn nhân hậu và lối sống nhân ái, vị tha.

Là một môn học vừa có tính công cụ, vừa có tính thẩm mỹ – nhân văn, môn Ngữ văn giúp học sinh hình thành, phát triển các năng lực chung và năng lực môn học như năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ để học tập tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời.

Nội dung chương trình môn Ngữ văn liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Đạo đức, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về văn học và tiếng Việt, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh ở từng cấp học; được phân chia theo hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản và Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

### 1.3. Kế thừa chương trình hiện hành (CT ban hành năm 2006)

Trong CT môn Ngữ Văn hiện hành, mỗi bài học ở các lớp đều có quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, được trình bày trong cột “Mức độ cần đạt”. CT môn Ngữ Văn mới kế thừa các yêu cầu về “mức độ cần đạt” này để xây dựng yêu cầu cần đạt chi tiết ở các lớp học theo cách là lựa chọn những “mức độ cần đạt” phù hợp với yêu cầu của CT mới và tổ chức lại để từ “mức độ cần đạt” về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà xây dựng thành yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Việc kế thừa này được thực hiện trong xây dựng yêu cầu cần đạt của các chủ đề nội dung dạy học chi tiết ở các lớp học.

1.4. Tham khảo, kế thừa kinh nghiệm xây dựng yêu cầu cần đạt của một số nước phát triển (Hàn Quốc, Singapore, Anh, Mỹ,...) và thang nhận thức từ Bloom đến Anderson để điều chỉnh các yêu cầu cần đạt của môn học nhằm cập nhật, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

## **2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đóng góp của môn Ngữ Văn trong việc giáo dục phẩm chất cho học sinh**

### **2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất**

Môn Ngữ văn là một trong những môn học trực tiếp hình thành và phát triển

cho học sinh các phẩm chất cao đẹp mà Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã nêu lên: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm với các biểu hiện cụ thể sau:

a) Biết yêu thiên nhiên trong cuộc sống cũng như trong văn bản văn học, chủ động vận động người khác bảo vệ thiên nhiên; yêu quý và tự hào về truyền thống của quê hương; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước; biết trân trọng, giữ gìn và bảo vệ cái đẹp; yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu và bảo vệ các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

b) Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn và tha thứ; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác, quý trọng những hành động cao đẹp trong cuộc sống cũng như trong tác phẩm văn học; phản đối cái ác, tham gia và chủ động vận động người khác ngăn chặn các hành vi bạo lực; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết cảm thông, độ lượng với người có lỗi.

c) Có hứng thú học tiếng Việt, ham thích đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập và tích cực tham gia công việc gia đình, nhà trường; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng; có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai

d) Trung thực và có trách nhiệm trong học tập, sinh hoạt hàng ngày; mạnh dạn, tự tin phát biểu ý kiến của mình trước tập thể; giữ lời hứa và dám nhận lỗi do mình gây ra; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức tìm hiểu và tuyên truyền, vận động mọi người làm theo pháp luật; yêu lao động, có ý chí vượt khó, tự học và có định hướng và chủ kiến về nghề nghiệp tương lai; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế và trở thành công dân toàn cầu.

## *2.2. Đóng góp của môn Ngữ Văn trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh?*

CT tổng thể xác định 5 phẩm chất chủ yếu mà tất cả các môn học và hoạt động giáo dục đều phải góp phần giáo dục cho học sinh là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Tùy theo đặc điểm của mình, mỗi môn học và hoạt động giáo dục



góp phần khác nhau trong thực hiện yêu cầu cần đạt trên. Ngữ Văn là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Vì vậy, khác với nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác, môn Ngữ Văn phải góp phần giáo dục toàn diện cả 5 phẩm chất chủ yếu trên.

### **3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn Ngữ Văn trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh**

#### ***3.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung***

Yêu cầu cần đạt về năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) đã nêu trong CT tổng thể.

#### ***3.2. Đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh***

Môn Ngữ văn có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung đã được nêu trong CT tổng thể. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản. Chẳng hạn môn Ngữ văn đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển năng lực giao tiếp. HS biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung và các phương tiện giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp; biết tiếp nhận các kiểu văn bản đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp. Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn được thể hiện ở khả năng nhận biết, nhận xét, đánh giá văn bản; biết thu thập, phân tích làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng dưới những góc nhìn khác nhau. Qua môn Ngữ văn, HS được rèn luyện để trở thành người học tích cực độc lập, sáng tạo trong tiếp nhận và tạo lập văn bản.

### **4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Ngữ Văn**

Môn Ngữ văn có ưu thế hình thành và phát triển cho HS năng lực thẩm mỹ và năng lực ngôn ngữ.

#### ***4.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ***

Môn Ngữ văn là một trong những môn có nhiều lợi thế trong việc trực tiếp hình thành và phát triển năng lực thẩm mỹ. Đó là khả năng nhận biết cái đẹp; phân tích đánh giá được cái đẹp; tái hiện và tạo ra cái đẹp; sống nhân ái, nhân văn. Cái đẹp cần hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả cái bi, cái hài, cái chân, cái thiện, cái cao cả, cái tốt, cái nhân văn... Dạy học Ngữ văn góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ qua việc tiếp nhận, cảm thụ, thưởng thức vẻ đẹp của con người, thiên nhiên, sự việc, của ngôn từ nghệ thuật; qua lời ăn tiếng nói khi giao tiếp; qua vẻ đẹp nhân văn của đề tài, chủ đề, của tư tưởng và hình tượng nghệ thuật. Qua các tình huống giao tiếp hàng ngày và thế giới hình tượng trong tác phẩm văn học, học sinh biết làm chủ bản thân và có hành vi ứng xử phù hợp.

Qua những ngữ liệu chọn lọc đặc sắc, học sinh có được những trải nghiệm thú vị trong đọc, viết, nói, nghe và rút ra được những bài học cụ thể, sâu sắc; có khả năng phản hồi một cách tích cực và hiệu quả những nội dung đã đọc, khả năng làm chủ tình cảm, hành vi cũng như khả năng ứng xử phù hợp trước các tình huống phức tạp trong đời sống.

Thông qua môn học Ngữ văn, học sinh có được năng lực thẩm mỹ với các biểu hiện cụ thể sau:

- Chỉ ra, phân tích và đánh giá được vẻ đẹp của các hình thức ngôn từ trong các văn bản văn học. Hứng thú và xúc động trước những hình ảnh, hình tượng cao đẹp về thiên nhiên, con người, cuộc sống trong tác phẩm.

– Nêu ra và phân tích được những giá trị thẩm mỹ được thể hiện trong tác phẩm văn học: cái đẹp, cái xấu, cái hài, cái bi, cái cao cả, cái thấp hèn,... từ đó hiểu và đánh giá được những giá trị tư tưởng và cảm hứng nhân văn của tác giả được thể hiện qua tác phẩm.

– Trình bày được những tác động của văn bản tác phẩm đã giúp người đọc hiểu được những giá trị của bản thân như thế nào; hình thành và nâng cao nhận thức về cái đẹp và xúc cảm thẩm mỹ của cá nhân ra sao; có những suy nghĩ và hành vi đẹp đối với bản thân và những người xung quanh.

Tạo ra được những sản phẩm đẹp như biết sử dụng từ ngữ, câu văn, đoạn văn, bài văn hay và đẹp trong giao tiếp nói và viết hàng ngày...

Cần lưu ý 2 điểm khái quát về “năng lực thẩm mỹ”: + Năng lực thẩm mỹ với tác phẩm văn học; + Từ tác phẩm văn học phát triển năng lực thẩm mỹ với đời sống.

#### **4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ**

– Đọc trôi chảy, hiểu đúng các văn bản thuộc những kiểu, loại khác nhau với nội dung và hình thức biểu đạt có độ phức tạp tăng dần qua từng lớp học, cấp học; nhận biết, phân tích, đánh giá được nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân và bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng,... để đọc hiểu các văn bản; có thói quen tìm tòi, mở rộng phạm vi đọc. Từ đó biết chuyển hoá được những gì đã đọc thành giá trị sống.

–Viết được các kiểu văn bản khác nhau với nội dung và hình thức biểu đạt có độ phức tạp tăng dần qua từng lớp học, cấp học; bảo đảm các yêu cầu về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách, ngữ dụng, yêu cầu về đặc điểm của kiểu văn bản; biết thể hiện các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ một cách rõ ràng, mạch lạc và thuyết phục.

–Nói rõ ràng và mạch lạc các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục, có tính đến quan điểm của người khác; tự tin khi nói trước nhiều người; có thái độ cầu thị và văn hoá thảo luận, tranh luận phù hợp; thể hiện được chủ kiến, cá tính trong thảo luận, tranh luận.

– Hiểu được ý kiến người khác trong giao tiếp thông thường; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các bài thuyết trình, các cuộc đối thoại, thảo luận, tranh luận, có phản hồi linh hoạt và phù hợp; nhận biết, phân tích, đánh giá được cách mà người nói biểu đạt ý tưởng, cảm xúc và thuyết phục người nghe.

Từ nội dung của năng lực ngôn ngữ vừa nêu, CT cụ thể hóa thành các yêu cầu cần đạt cho mỗi cấp học và cho mỗi giai đoạn trong mỗi cấp (tiểu học có 2 giai đoạn: lớp 1 – 3 và lớp 4 – 5; cấp THCS có 2 giai đoạn: lớp 6 – 7 và lớp 8 – 9; cấp THPT 1 giai đoạn: lớp 10 – 12. ( Yêu cầu cụ thể xem trong văn bản Chương trình Ngữ văn 2018)

### **Ở tiểu học**

a) Về kĩ năng đọc, chương trình tập trung vào hai yêu cầu chính là đọc đúng và đọc hiểu. Yêu cầu về đọc với học sinh các lớp đầu cấp (lớp 1, lớp 2) trước hết là biết đọc đúng với tốc độ phù hợp và biết đọc thầm, đọc hiểu những câu chuyện, bài thơ, bài văn, kịch bản văn học và văn bản thông tin. Yêu cầu đọc hiểu ở lớp 3, lớp 4 và lớp 5 gồm: đọc để hiểu ý nghĩa của các chi tiết quan trọng, hiểu chủ đề, hiểu bài học mà chính các em rút ra được từ văn bản dựa trên sự liên hệ giữa văn bản với những trải nghiệm của bản thân, sự vận dụng vào hoàn cảnh sống của các em. Ngoài ra, yêu cầu đọc với học sinh lớp 4 và lớp 5 còn là biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học để hiểu cái hay, sự thú vị trong sử dụng ngôn từ, hình ảnh, trong cách thể hiện ý tưởng theo đặc điểm của từng kiểu loại văn bản. Qua từng năm học, năng lực đọc của học sinh được

phát triển đáp ứng được yêu cầu làm công cụ để học tốt các môn học khác và các yêu cầu đọc của cá nhân.

b) Về kĩ năng viết, chương trình tập trung vào hai yêu cầu chủ yếu là kĩ thuật viết (bao gồm viết chữ đúng kiểu, viết đúng chính tả, trình bày bài viết, chủ yếu đối với lớp 1 và lớp 2) và viết một số kiểu loại văn bản theo đúng quy cách, quy trình (đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5). Yêu cầu viết văn bản đối với học sinh tiểu học bao gồm: viết đoạn văn và bài văn tự sự (kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện học sinh tự tạo cốt truyện dựa trên trí tưởng tượng của các em); viết đoạn văn và bài văn miêu tả (tả thực và bước đầu tả có hư cấu những sự vật, hiện tượng gần gũi); viết đoạn văn và bài văn biểu cảm (nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học sinh khi đọc một câu chuyện, bài thơ, kịch chứng kiến một sự kiện gọi cho các em nhiều cảm xúc); viết đoạn văn và bài văn thuyết minh về sự vật và các hoạt động gần gũi với cuộc sống của chính các em; viết đoạn văn nghị luận sơ giản dưới dạng nêu ý kiến hoặc giải thích lí do vì sao. Mỗi bài viết có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài), được viết theo đúng quy trình. Ngoài những kiểu văn bản trên, học sinh còn được viết một số kiểu văn bản thông tin đơn giản để đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong đời sống như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, thư thăm hỏi, báo cáo ngắn về những hoạt động của nhóm hoặc lớp, văn bản chỉ dẫn hoạt động, đơn từ thông thường.

c) Về kĩ năng nói và nghe, chương trình tập trung vào yêu cầu phát biểu rõ ràng các ý kiến ngắn trong thảo luận, đối thoại; thuyết minh về sự vật, hoạt động gần gũi; kể chuyện, thuật việc mạch lạc, có bộc lộ cảm xúc và ý kiến nhận xét của cá nhân; nghe hiểu ý kiến người nói, ghi chép và tóm tắt được ý kiến đã nghe để bước đầu có phản hồi tích cực bằng ý kiến hoặc bằng việc làm, tạo tiền đề để tự ghi bài học ở cấp học tiếp theo.

### **Ở trung học cơ sở**

a) Về kĩ năng đọc, chương trình tiếp tục phát triển yêu cầu đọc đúng, đọc diễn cảm, đọc hiểu có cơ sở lí tính nhiều hơn so với tiểu học, dựa trên kiến thức đầy đủ hơn và sâu hơn về văn học, giao tiếp và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân. Yêu cầu chung về đọc đối với cấp trung học cơ sở là hiểu các nội dung tường minh và/hoặc hàm ẩn của các kiểu loại văn bản (văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin), bước đầu biết phân tích và đánh giá nội dung, ý nghĩa của các kiểu loại văn bản đó; nhận biết, phân tích, đánh giá được những đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết cách liên hệ, mở rộng, so sánh văn bản này với văn bản khác và với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về vẻ đẹp của cuộc sống, làm giàu cho đời sống tinh thần; thấy được tác động của văn học với đời sống của bản thân; có hứng

thú đọc và biết cách tìm tài liệu đọc để đáp ứng nhu cầu hiểu biết, giải trí, phát triển và nhu cầu giải quyết những vấn đề đặt ra trong học tập và cuộc sống của bản thân. Biết cách tìm kiếm, đọc và xử lý thông tin trong các văn bản điện tử. Việc phân tích, đánh giá hình thức biểu đạt của văn bản chủ yếu nhằm phục vụ cho hoạt động viết và nói.

b) Về kĩ năng viết, chương trình yêu cầu học sinh viết được các kiểu văn bản với mức độ cao hơn tiêu học, cụ thể là:

i) Viết được văn bản tự sự kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tự tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; ii) Viết được văn bản biểu cảm thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học (phản hồi văn học); làm được một số câu thơ có ý, có vần, có hình ảnh; viết được bài tùy bút; iii) Viết được văn bản nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng dễ tìm kiếm; iv) Viết được văn bản thuyết minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của học sinh với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số văn bản nhật dụng phức tạp hơn so với tiêu học. Học sinh phải biết viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản; biết cách tạo lập và trình bày các văn bản điện tử thông dụng; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn văn bản của người khác.

c) Về kĩ năng nói và nghe, chương trình trước hết tập trung vào yêu cầu nói, cụ thể là: trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói. Học sinh phải có khả năng kể lại một câu chuyện đã đọc (đã nghe); biết cách trình bày, chia sẻ những trải nghiệm, cách nhìn, cảm xúc, ý tưởng và thái độ của mình đối với những vấn đề được nói đến; thảo luận ý kiến về một vấn đề, trước hết là những vấn đề được gọi lên từ các văn bản đã đọc (đã nghe); thuyết minh về một đối tượng hay quy trình. Học sinh biết cách nói thích hợp với mục đích, đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; biết ứng dụng công nghệ thông tin và hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ,... để trình bày vấn đề một cách hiệu quả. Về kĩ năng nghe, học sinh nghe hiểu với thái độ phù hợp và tóm tắt được nội dung; nhận biết và bước đầu đánh giá được lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe, nhận biết được cảm xúc của người nói, từ đó biết cách phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

### **Ở trung học phổ thông**

a) Kĩ năng đọc được nâng cao hơn so với trung học cơ sở sau khi học sinh đã được trang bị có hệ thống và đầy đủ hơn những kiến thức căn bản về văn học và tiếng Việt. Yêu cầu chung về đọc đối với cấp trung học phổ thông là không chỉ hiểu nội

dung, ý nghĩa của văn bản, những đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, mà còn chú trọng đến yêu cầu phân tích, đánh giá nội dung, ý nghĩa và hình thức biểu đạt của văn bản, nhất là những tìm tòi sáng tạo về ngôn ngữ, cách viết và kiểu loại văn bản; tập trung vào yêu cầu đọc hiểu sâu, giúp học sinh tiếp nhận được các văn bản phức tạp hơn. Biết cách đọc và xử lý thông tin với các văn bản điện tử đa dạng và phức tạp hơn. Qua đọc hiểu, học sinh biết liên hệ, mở rộng, so sánh văn bản này với văn bản khác, văn bản với bối cảnh và với những trải nghiệm cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ, cách bình luận, đánh giá theo một cảm quan riêng; thấy vai trò và tác dụng của việc đọc văn bản, nhất là văn bản văn học, đối với bản thân.

b) Kỹ năng viết được phát triển trên cơ sở tập trung hơn vào văn bản nghị luận và văn bản thông tin có đề tài tương đối phức tạp nhưng vẫn phù hợp với những vấn đề mà học sinh trung học phổ thông thường gặp trong học tập và đời sống. Về văn bản nghị luận, chương trình yêu cầu bàn về những vấn đề phù hợp với đối tượng gần đến tuổi thành niên, đòi hỏi cấu trúc và thao tác lập luận tương đối phức tạp, bằng chứng cần phải tìm kiếm từ nhiều nguồn, nhất là trên Internet. Về văn bản thuyết minh, chương trình chủ yếu yêu cầu viết về những vấn đề có tính khoa học dưới hình thức một báo cáo nghiên cứu có những quy ước theo thông lệ; biết kết hợp thuyết minh với các yếu tố nghị luận, tự sự, miêu tả, biểu cảm khi cần; kết hợp các thông tin khách quan với cách nhìn nhận, đánh giá mang dấu ấn cá nhân của người viết. Biết cách tạo lập và trình bày các văn bản điện tử với yêu cầu cao hơn cấp trung học cơ sở về nội dung và hình thức thể hiện; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và chống đạo văn. Qua bài viết, học sinh thể hiện được những trải nghiệm, cảm xúc, ý tưởng và thái độ của cá nhân đối với những vấn đề được đặt ra trong văn bản; từng bước xây dựng cho mình một cách nhìn, cách nghĩ, cách sống mang đậm cá tính.

c) Về kỹ năng nói và nghe, chương trình yêu cầu học sinh nói và nghe linh hoạt; biết tham gia tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau. Qua thực hành giao tiếp, học sinh nắm được phương pháp, quy trình tiến hành một cuộc tranh luận; nắm bắt và đánh giá được quan điểm trái ngược với mình để tranh luận một cách hiệu quả; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; có nhu cầu, hứng thú thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận. So với cấp trung học cơ sở, yêu cầu cần đạt về các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe ở trung học phổ thông được phát triển rõ rệt (theo hướng vừa nâng cao, vừa phân hoá). Năng lực giao tiếp và năng lực thẩm mỹ của học sinh được phát triển tập trung hơn trên cơ sở gia tăng mức độ phức tạp của hoạt động luyện tập, thực hành đồng thời với việc cung cấp thêm những kiến thức phổ thông, thiết yếu về đời sống, văn hoá, lịch sử và văn học.

### 3. Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung giáo dục môn học Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông 2018

#### 3.1. Mục tiêu

- Trình bày được cấu trúc và nội dung của chương trình môn Ngữ văn 2018.
- Phân tích được những điểm mới trong chương trình môn Ngữ văn 2018 so với chương trình hiện hành.

#### 3.2. Nguồn tài liệu, học liệu

- **Mục V** của Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018.
- Chương trình môn học, tài liệu hỏi đáp, INFOGRAPHIC và VIDEO

#### 3.3. Tiến trình tổ chức hoạt động

Nội dung các hoạt động	Thời gian
<b>Hoạt động 1. Cấu trúc và nội dung của chương trình môn Ngữ văn 2018</b>	<b>90ph</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>BCV</b> trình bày các vấn đề cơ bản về cấu trúc của chương trình môn Ngữ văn 2018; hướng dẫn học viên đọc Chương trình môn Ngữ văn và <b>mục V</b> Tài liệu TEXT, giải thích cách trình bày nội dung trong chương trình Ngữ văn 2018, và yêu cầu học viên: Trình bày các mạch nội dung Ngữ văn trong chương trình GDPT 2018.</li><li>- Học viên làm việc theo nhóm, nhiệm vụ: Mỗi nhóm lựa chọn đọc và trình bày 01 trong 03 phần nội dung: a) Kiến thức tiếng Việt, b) Kiến thức văn học, c) Ngữ liệu</li><li>- Các nhóm phân công nhiệm vụ đọc cho mỗi thành viên. Sau đó, trưởng nhóm tổ chức thảo luận trong nhóm về phần nội dung được phân công, tìm hiểu và thống nhất các nội dung sẽ trình bày trước toàn lớp trên PowerPoint cũng như các vấn đề còn vướng mắc để hỏi báo cáo viên.</li><li>- Báo cáo viên theo dõi các nhóm làm việc và lựa chọn 03 nhóm trình bày về 03 phần nội dung của chương trình Ngữ văn; nhận xét về kết quả tìm hiểu của các nhóm cũng như trả lời các câu hỏi của học viên. Báo cáo viên chốt lại các vấn đề quan trọng về 03 phần nội dung dạy học của chương trình Ngữ văn 2018; hướng dẫn học viên tìm hiểu thêm qua tài</li></ul>	

liệu Hỏi đáp, INFOGRAPHIC và VIDEO.																														
<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 03 (a)</b>																														
<b><i>Hoạt động 2: Những điểm mới trong chương trình môn Ngữ văn 2018</i></b>					<b>90ph</b>																									
<p>- Báo cáo viên yêu cầu các nhóm học viên đọc Chương trình môn Ngữ văn 2006, Chương trình môn Ngữ văn 2018, đọc mục V (trang 8-17, đặc biệt là trang 15-16) và hoàn thiện bảng đối sánh nội dung giáo dục môn Ngữ văn như sau:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">Vấn đề so sánh</th> <th style="width: 25%;">Nội dung Chương trình Ngữ văn 2006</th> <th style="width: 25%;">Nội dung Chương trình Ngữ văn 2018</th> <th style="width: 10%;">Điểm mới</th> <th style="width: 20%;">Giải thích điểm mới</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Vấn đề 1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Vấn đề 2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Vấn đề 3</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>						Vấn đề so sánh	Nội dung Chương trình Ngữ văn 2006	Nội dung Chương trình Ngữ văn 2018	Điểm mới	Giải thích điểm mới	Vấn đề 1					Vấn đề 2					Vấn đề 3					...				
Vấn đề so sánh	Nội dung Chương trình Ngữ văn 2006	Nội dung Chương trình Ngữ văn 2018	Điểm mới	Giải thích điểm mới																										
Vấn đề 1																														
Vấn đề 2																														
Vấn đề 3																														
...																														
<p>- Học viên được chia thành các nhóm. Mỗi nhóm lựa chọn một vấn đề để thực hiện bảng đối sánh.</p> <p>- Các nhóm phân công nhiệm vụ đọc cho mỗi thành viên. Sau đó, trưởng nhóm tổ chức thảo luận trong nhóm về điểm mới và cách giải thích điểm mới về vấn đề nội dung được phân công. Nhóm thống nhất các nội dung sẽ trình bày trước toàn lớp trên PowerPoint cũng như các vấn đề còn vướng mắc để hỏi báo cáo viên.</p> <p>- Báo cáo viên lựa chọn các nhóm trình bày về từng vấn đề thể hiện tính mới của nội dung chương trình môn Ngữ văn 2018; nhận xét về kết quả tìm hiểu và cách giải thích tính mới của các nhóm; cũng như trả lời các câu hỏi của học viên. Báo cáo viên chốt lại các điểm mới về nội dung chương trình Ngữ văn 2018 và giải thích cặn kẽ tại sao cần thực hiện các điểm mới này. Báo cáo viên hướng dẫn học viên tìm hiểu thêm qua tài liệu Hỏi đáp, INFOGRAPHIC và VIDEO.</p>																														
<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 03 (b)</b>																														
<b><i>Hoạt động 3: Thảo luận nhóm, đánh giá về những điểm mới trong chương trình môn Ngữ văn 2018</i></b>					<b>15ph</b>																									
<i>Đây là hoạt động bổ sung, BCV sẽ cho tiến hành nếu còn thời gian</i>																														



### 3.4. Dự kiến sản phẩm hoạt động và định hướng đánh giá quá trình

- **Sản phẩm:** PowerPoint trình bày về các phần nội dung dạy học của chương trình Ngữ văn 2018, về điểm mới nội dung/giải thích điểm mới và các câu hỏi thảo luận của học viên.
- **Định hướng đánh giá:** So sánh bài trình bày của nhóm học viên với các tài liệu do Chủ biên chương trình xây dựng

## THÔNG TIN CHO NỘI DUNG 3

### Nhiệm vụ 1:

#### 1. Căn cứ xác định nội dung giáo dục của chương trình môn học

Nội dung giáo dục môn Ngữ văn được xác định dựa trên các căn cứ sau:

- **Mục tiêu giáo dục và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực:**  
Xác định mức độ cần đạt về các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, từ đó mà xác định nội dung dạy học. Nội dung dạy học cụ thể, nhất là ngữ liệu thì chủ yếu là để mở, tạo điều kiện cho các tác giả SGK và GV quyền tự chủ, phát huy sáng tạo trong biên soạn SGK và dạy học.

#### - Hệ thống kiến thức ngôn ngữ học và văn học

Dựa trên nền tảng của khoa học Ngữ văn truyền thống (văn học và ngôn ngữ học), bổ sung cập nhật một số thành tựu mới về đọc hiểu văn bản, lí thuyết tiếp nhận văn học, lí thuyết về văn bản, kí hiệu học,...

#### - Tham khảo các CT Ngữ văn đã có của Việt Nam, trong đó có CT Ngữ văn hiện hành

Một số điểm quan trọng của CT 2006 cho đến lần đổi mới CT này vẫn còn giá trị:

- 1) Xác lập được yêu cầu dạy học đọc hiểu, chuyển từ quan niệm giảng văn sang dạy học đọc hiểu văn bản;
- 2) Xác định đọc hiểu dựa vào đặc điểm thể loại của văn bản theo từng giai đoạn lịch sử văn học. Mở rộng phạm vi văn bản đọc hiểu cấp THCS và THPT đến những tác phẩm xuất bản năm 2000 (CT trước chỉ đến 1975).
- 3) Thực hiện quan điểm tích hợp trong xây dựng CT và biên soạn SGK,

tiêu học lấy các kĩ năng và chủ đề làm trục tích hợp; THCS lấy 6 kiểu văn bản của tập làm văn và THPT lấy thể loại văn học từng giai đoạn làm trục tích hợp.

4) Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, hướng tới khả năng sử dụng tiếng Việt, hạn chế xu hướng nặng về khoa học ngôn ngữ.

5) Xác định yêu cầu tạo lập văn bản theo 6 phương thức biểu đạt và dạy quy trình tạo lập 6 kiểu văn bản thông dụng.

6) Đổi mới PPDH theo hướng lấy HS làm trung tâm, phát huy tính tích cực của người học, dạy cách đọc hiểu văn bản.

7) Bước đầu đổi mới kiểm tra, đánh giá: kết hợp cả nghị luận văn học và nghị luận xã hội; bổ sung yêu cầu đánh giá đọc hiểu cả văn bản thông tin; kết hợp đánh giá bằng tự luận và trắc nghiệm khách quan.

7) Với THPT, bước đầu thực hiện 2 bộ SGK Ngữ văn (Cơ bản và Nâng cao)

## **2. Nội dung giáo dục của chương trình môn học**

### ***2.1. Giải thích cách trình bày nội dung giáo dục trong CT***

Trong CT Ngữ văn mới, nội dung giáo dục được trình bày thành hai cột: cột bên trái nêu hệ thống yêu cầu cần đạt như là căn cứ xác định và mục tiêu cần hướng đến của nội dung dạy học, cột bên phải nêu hệ thống kiến thức tiếng Việt, văn học và ngữ liệu dạy học như là phương tiện, chất liệu phục vụ cho các yêu cầu cần đạt ở cột bên trái.

Các yêu cầu cần đạt được biểu đạt dưới hình thức các cụm động từ bắt đầu bằng những động từ thể hiện các **mức độ nhận thức từ thấp đến cao** trong thang đo nhận thức và thể hiện năng lực hành động của người học như: *nhận biết được, xác định được, phân tích được, so sánh được, đánh giá được, chỉ ra được, viết được, nói được,...*

Còn các nội dung ở cột bên phải được biểu đạt bằng **các danh từ/cụm danh từ chỉ hệ thống kiến thức và ngữ liệu**. Cách trình bày này cũng khác với CT Ngữ văn hiện hành (CT 2006): phần đầu nêu nội dung dạy học và phần sau nêu yêu cầu về kiến thức, kĩ năng cần đạt; hai phần tách rời nhau.

### ***2.2. Định hướng nội dung giáo dục của chương trình môn học***

#### ***2.2.1. Về yêu cầu cần đạt***

- Yêu cầu về kỹ năng đọc gồm: kỹ thuật đọc và đọc hiểu. Yêu cầu kỹ thuật đọc gồm: các yêu cầu về tư thế đọc, kỹ năng đọc thành tiếng, kỹ năng đọc thầm, đọc lướt, kỹ năng ghi chép trong khi đọc,... Yêu cầu về đọc hiểu gồm: 1) Đọc hiểu nội dung văn bản thể hiện qua chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,...; 2) Đọc hiểu hình thức thể hiện qua đặc điểm các kiểu văn bản và thể loại, các thành tố của mỗi kiểu văn bản và thể loại (câu chuyện, cốt truyện, truyện kể, nhân vật, không gian, thời gian, người kể chuyện, điểm nhìn, văn thơ, nhịp thơ, lí lẽ, bằng chứng,...), ngôn ngữ biểu đạt; 3) Đọc hiểu qua so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân người đọc và đọc hiểu văn bản đa phương thức; 4) Yêu cầu đọc mở rộng, học thuộc lòng một số đoạn, văn bản văn học chọn lọc.

Đối tượng đọc gồm 03 kiểu văn bản:

+ Văn bản văn học

+ Văn bản thông tin

+ Văn bản nghị luận

- Yêu cầu về kỹ năng viết gồm: 1) Kỹ thuật viết: tư thế viết, kỹ năng viết chữ và viết chính tả, kỹ năng trình bày bài viết,... 2) Viết câu, đoạn, văn bản: các yêu cầu về quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu viết theo đặc điểm của các kiểu văn bản.

- Yêu cầu về các kỹ năng nói và nghe gồm: 1) Kỹ năng nói: chú trọng khả năng diễn đạt rõ ràng, tự tin và tôn trọng người nghe. 2) Kỹ năng nghe: chú trọng khả năng hiểu đúng và tôn trọng người nói. 3) Kỹ năng nói và nghe có tính tương tác: chú trọng thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận.

Các yêu cầu cần đạt của mỗi kỹ năng được cụ thể hóa với các mức độ (độ khó) phù hợp với từng lớp và tăng dần từ thấp đến cao.

### 2.2.2. Về nội dung dạy học

Nội dung dạy học gồm các **kiến thức về tiếng Việt** và **văn học** và **ngữ liệu**. Hệ thống kiến thức được chọn lọc để đáp ứng được các yêu cầu sau:

Một là: **làm cơ sở** cho việc hình thành và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, đáp ứng được các yêu cầu cần đạt cả về phẩm chất và năng lực.

Hai là: **bảo đảm cung cấp cho HS một số tri thức nền tảng**, cơ bản của

học vấn phổ thông về tiếng Việt và văn học, rộng hơn là kiến thức về văn hóa.

Hệ thống kiến thức tiếng Việt bám sát các đơn vị cơ bản gồm **ngữ âm và chữ viết; từ vựng; ngữ pháp; hoạt động giao tiếp; sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ; các kiểu loại văn bản.**

***Phân bổ các mạch kiến thức tiếng Việt ở từng cấp học như sau:***

+ Cấp tiểu học: một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và biến thể ngôn ngữ (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu); có khả năng nhận biết, bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

+ Cấp trung học cơ sở: những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ) giúp HS có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

+ Cấp trung học phổ thông: Một số hiểu biết nâng cao về tiếng Việt giúp HS hiểu, phân tích và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chú trọng những cách diễn đạt sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ trong các báo cáo nghiên cứu và trong giao tiếp.

Hệ thống kiến thức văn học bao gồm: những vấn đề chung về văn học (chủ yếu là lí luận văn học); các thể loại văn học; các yếu tố của tác phẩm văn học; một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam. Riêng với cấp THPT, có thêm hệ thống chuyên đề học tập, giúp HS có điều kiện tìm hiểu sâu và có phần hệ thống hơn về lịch sử văn học dân tộc.

***Phân bổ các mạch kiến thức văn học từng cấp học như sau:***

+ Cấp tiểu học: một số hiểu biết sơ giản về truyện và thơ, văn bản hư cấu và văn bản phi hư cấu; nhân vật trong văn bản văn học, cốt truyện, thời gian, không gian, từ ngữ, văn thơ, nhịp thơ, hình ảnh, lời nhân vật, đối thoại.

+ Cấp trung học cơ sở: những hiểu biết về các thể loại (truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; kí trữ tình và kí tự sự; tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch); chủ thể trữ tình và nhân vật trữ tình; giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học;

một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học (người kể chuyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện ngôi thứ ba, nhân vật, điểm nhìn, sự thay đổi người kể chuyện và điểm nhìn, xung đột, không gian và thời gian, lời người kể chuyện và lời nhân vật, mạch cảm xúc trữ tình, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, luật thơ, kết cấu); cuối lớp 9 có tổng kết sơ giản về lịch sử văn học.

+ Cấp trung học phổ thông: những hiểu biết về một số thể loại, tiểu loại ít thông dụng, đòi hỏi kỹ năng đọc cao hơn (thần thoại, sử thi, chèo hoặc tuồng, thơ dân gian, truyện thơ Nôm, truyện ngắn và thơ hiện đại; tiểu thuyết hiện đại, hậu hiện đại); một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết văn bản văn học (câu chuyện, người kể chuyện toàn tri, người kể chuyện hạn tri, người kể chuyện và sự dịch chuyển, phối hợp điểm nhìn, cách kể, tứ thơ, đặc trưng của hình tượng văn học; phong cách văn học; những hiểu biết về lịch sử văn học và một số tác gia lớn); một số chuyên đề học tập tập trung vào kiến thức về các giai đoạn, trào lưu và phong cách sáng tác văn học.

Trong danh mục chuyên đề, ở mỗi lớp (10,11,12) đều có một chuyên đề “tập nghiên cứu”: *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian* (lớp 10), *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam* (lớp 11), *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại và hậu hiện đại* (lớp 12). Đây là những chuyên đề nhằm tạo cơ hội cho HS tập dượt và trình bày kết quả tập nghiên cứu văn học của mình một cách thiết thực, cụ thể theo tinh thần phát triển năng lực văn học. Các chuyên đề khác được đề xuất theo tinh thần bảo đảm tính thiết thực, đa dạng trong bồi dưỡng, hệ thống hóa kiến thức, nâng cao kỹ năng thực hành về tiếng Việt (*Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại*) và văn học như: *Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học; Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết. Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học; Tìm hiểu một phong cách sáng tác: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn; Sân khấu hóa tác phẩm văn học.*

***Toàn bộ hệ thống kiến thức trong phần nội dung dạy học nêu trên cần được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động đọc, viết, nghe và nói; giúp cho các hoạt động này có hiệu quả; hạn chế tình trạng dạy lí thuyết suông,***

trang bị kiến thức chỉ để biết mà không gắn với các hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp và vận dụng vào thực tiễn.

**Mục Ngữ liệu** chỉ nêu định hướng về các kiểu loại văn bản được dạy ở từng lớp; riêng ở cấp tiểu học có quy định độ dài của văn bản. Danh mục các văn bản bắt buộc, văn bản bắt buộc lựa chọn được quy định ở cuối phần Nội dung CT. Danh mục văn bản gợi ý cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên lựa chọn thêm được giới thiệu cuối văn bản CT.

### 2.2.3. Về văn bản, ngữ liệu

Điểm khác biệt lớn nhất về văn bản tác phẩm của CT lần này so với các CT trước đây là **tính mở của ngữ liệu**, giúp người soạn sách và giáo viên thực hiện được ý đồ thiết kế bài học sáng tạo theo cách của mình, vừa giúp CT gần bó hơn với cuộc sống, gần gũi với HS, tạo hứng thú học tập cho HS nhiều hơn.

#### \* 4 tiêu chí lựa chọn văn bản (ngữ liệu):

1) Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của CT.	2) Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS ở từng lớp học, cấp học.	3) Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu cho các thể loại và kiểu văn bản; nhất là có tính chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ.	4) Phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hoá dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mỹ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.
---	--	---	--

#### \*3 yêu cầu đối với việc lựa chọn văn bản

1) <b>Bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa văn bản văn học với văn bản nghị luận và văn bản thông tin.</b> Trong văn bản văn học, chú ý bảo đảm <b>sự cân</b>	2) <b>Bảo đảm sự phù hợp của văn bản với yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của CT.</b> Độ khó của các văn bản đọc tăng dần qua từng	3) <b>Bảo đảm kế thừa và phát triển</b> các CT Ngữ văn đã có. Bên cạnh các tác phẩm văn học được học trong CT và sách giáo khoa hiện hành, CT
--	--	---

<p><b>đối</b> tương đối giữa các thể loại cơ bản (truyện, thơ, kí, kịch), giữa văn học trung đại và văn học hiện đại, giữa văn học dân gian và văn học viết, giữa văn học dân tộc Kinh và văn học dân tộc thiểu số, giữa văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, giữa Đông và Tây..</p>	<p>năm học. Thời gian để dạy học một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của nó để bảo đảm giáo viên có thể giúp HS tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho HS có cơ hội đọc trực tiếp và trن vẹn những tác phẩm được chọn</p>	<p>Ngữ văn mới lựa chọn và bổ sung một số tác phẩm có vị trí quan trọng, tiêu biểu cho thành tựu văn học dân tộc qua các giai đoạn.</p>
---	---	---

\* **Ba danh mục tác phẩm để dạy học trong nhà trường**, gồm: *tác phẩm bắt buộc* (tác giả SGK và giáo viên bắt buộc thực hiện theo quy định của CT), *tác phẩm bắt buộc lựa chọn* (tác giả SGK và giáo viên bắt buộc lựa chọn trong số tác phẩm cùng cấp độ theo quy định của CT), *tác phẩm gợi ý lựa chọn* (tác giả SGK và giáo viên tự lựa chọn trong và ngoài danh sách gợi ý của CT).

**(1) Tác phẩm bắt buộc**

- *Nam quốc sơn hà* (Thời Lý)
- *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn
- *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi
- *Truyện Kiều* của Nguyễn Du
- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu
- *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh

**(2) Tác phẩm bắt buộc lựa chọn**

a) Tác phẩm văn học dân gian

- Chọn ít nhất 4 tác phẩm đại diện cho 4 thể loại trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam: truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười
- Chọn ít nhất 3 bài ca dao về các chủ đề: quê hương đất nước; tình yêu, tình cảm gia đình; con người và xã hội (trữ tình hoặc trào phúng)

- Chọn ít nhất 1 sử thi Việt Nam
- Chọn ít nhất 1 truyện thơ của các dân tộc ít người Việt Nam
- Chọn ít nhất 1 kịch bản chèo hoặc tuồng

b) Tác phẩm văn học viết

- Văn học Việt Nam, chọn ít nhất 1 tác phẩm của mỗi tác giả sau đây:

- + Thơ Nôm, văn nghị luận của Nguyễn Trãi
- + Thơ chữ Hán của Nguyễn Du
- + Thơ Nôm của Hồ Xuân Hương
- + Thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu
- + Thơ Nôm của Nguyễn Khuyến
- + Truyện và thơ của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh
- + Truyện ngắn, tiểu thuyết của Nam Cao
- + Tiểu thuyết, phóng sự của Vũ Trọng Phụng
- + Thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám
- + Thơ của Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám
- + Truyện ngắn, kí của Nguyễn Tuân
- + Kịch của Nguyễn Huy Tưởng
- + Kịch của Lưu Quang Vũ

– Văn học nước ngoài, chọn ít nhất 1 tác phẩm cho mỗi nền văn học sau đây: Anh, Pháp, Mĩ, Hy Lạp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ

**Về các tác phẩm gợi ý lựa chọn**, CT đưa ra một danh mục khoảng 300 đơn vị văn bản tương đối tiêu biểu về thể loại, tác giả, giai đoạn, thời kì văn học, sắp xếp theo hệ thống kiểu loại (văn bản văn học: truyện, thơ, kịch, kí; văn bản nghị luận; văn bản thông tin) cho các nhóm lớp: lớp 1,2,3; lớp 4,5; lớp 6,7; lớp 8,9; lớp 10,11,12 để rộng đường cho các nhóm tác giả SGK cũng như giáo viên, HS lựa chọn trong quá trình thực hiện CT.

Có một điều cần lưu ý là toàn bộ các văn bản có trong ba danh mục (dù là *bắt buộc*, *bắt buộc lựa chọn* hay *gợi ý lựa chọn*) đều **không phải là** văn bản quy



định ngữ liệu cho việc ra đề kiểm tra, đánh giá. Việc ra đề kiểm tra, đánh giá phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt của CT và sự tổng hợp từ nhiều văn bản khác nhau hoặc vận dụng trên ngữ liệu mới.

***Việc phân bố các văn bản văn học ở các cấp THCS, THPT có chú ý đến khả năng kết nối, tương tác trong dạy học các thể loại văn bản.*** Ví dụ:

- Dạy học truyền thuyết với cổ tích (lớp 6);
- Kết hợp dạy học tục ngữ với “sự tích các câu ví” và với ngụ ngôn (lớp 7);
- Kết hợp dạy học truyện cười với thơ trào phúng trung đại, hiện đại (lớp 8);
- Kết hợp dạy học thể thơ lục bát với thơ trữ tình dân gian (ca dao) và thơ trữ tình hiện đại;
- Kết hợp dạy học thơ luật Đường (thất ngôn bát cú, tứ tuyệt) với thơ trào phúng hay thơ trữ tình trung đại;
- Kết hợp dạy học nghệ thuật tự sự bằng thơ (so với tự sự bằng văn xuôi) với thơ ngụ ngôn (lớp 6), truyện thơ nói chung (lớp 9), truyện thơ dân gian (lớp 10) và truyện thơ Nôm (lớp 11), yếu tố tượng trưng siêu thực với thơ trữ tình hiện đại (lớp 11, và lớp 12); yếu tố sử thi, lãng mạn, hiện thực với sử thi và truyện hiện đại (lớp 10); yếu tố hiện đại, hậu hiện đại với tiểu thuyết, truyện ngắn hiện đại (lớp 12).

Bên cạnh yêu cầu liên kết nói trên, việc lựa chọn các thể loại văn bản cho mỗi lớp cũng cần bảo đảm sự phù hợp với trình độ nhận thức của HS. Ví dụ, cùng thuộc thể loại kí nhưng hồi kí, du kí được dạy học ở lớp 6, còn phóng sự dạy học ở lớp 12.

#### **4. Nội dung 4: Thực hiện dạy học hình thành và phát triển năng lực theo chương trình môn Ngữ văn 2018**

##### ***4.1. Mục tiêu***

- Xác định được các năng lực cần phát triển cho học sinh trong dạy học Ngữ văn theo Chương trình Ngữ văn 2018.
- Xác định và phân tích được cách thức tổ chức triển khai các nội dung dạy học trong chương trình Ngữ văn 2018 nhằm phát triển năng lực học sinh.

- Vận dụng thiết kế kế hoạch dạy học, chủ đề dạy học và bài học Ngữ văn nhằm phát triển năng lực học sinh

#### 4.2. Nguồn tài liệu, học liệu

- **Mục VI, Mục VII và Mục VIII** của Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018.
- Chương trình môn học, tài liệu hỏi đáp, INFOGRAPHIC và VIDEO

#### 4.3. Tiến trình tổ chức hoạt động

<b>Nội dung các hoạt động</b>	<b>Thời gian</b>
<b><i>Hoạt động 1. Các năng lực có thể được/cần được phát triển cho người học trong môn Ngữ văn</i></b>	<b>30ph</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo viên trình bày ngắn gọn về định hướng và yêu cầu phát triển năng lực của Chương trình tổng thể, Chương trình môn Ngữ văn; yêu cầu học viên xem lại Mục IV, đọc mục VI- Chương trình môn Ngữ văn</li> <li>- Mỗi học viên đưa ra ít nhất 1 câu hỏi về năng lực của học sinh trong dạy học Ngữ văn</li> <li>- Trao đổi, thảo luận, thống nhất về các năng lực chung, các năng lực môn học của người học có thể được/ cần được hình thành và phát triển</li> </ul>	
<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 04 (a)</b>	
<b>Nhiệm vụ 1.</b>	
<b><i>Hoạt động 2 : Cách thức tổ chức dạy học và đánh giá nhằm phát triển năng lực người học trong môn Ngữ văn</i></b>	<b>90ph</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học viên đọc mục VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC; VII. ĐÁNH GIÁ Tài liệu TEXT, thảo luận theo nhóm kết hợp trao đổi với giảng viên để làm rõ các cách thức tổ chức dạy học phát triển năng lực học sinh</li> <li>- Mỗi nhóm lựa chọn một số phương pháp và kỹ thuật dạy học và đánh giá phát triển năng lực người học, trình bày trên power point và báo cáo theo nhóm</li> <li>- Báo cáo viên lựa chọn để mỗi nhóm trình bày về một phương pháp/cách thức dạy học</li> </ul>	
<b>PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 04 (b)</b>	
<b>Nhiệm vụ 2.</b>	
<b><i>Hoạt động 3: Kế hoạch tập huấn / Kế hoạch dạy học</i></b>	<b>240ph</b>

- Báo cáo viên trình bày về yêu cầu phát triển chương trình, triển khai chương trình môn học Ngữ văn 2018, giới thiệu một số mô hình dạy học phát triển năng lực, giới thiệu bản thiết kế một số chủ đề, bài học Ngữ văn theo định hướng năng lực người học.
- Học viên làm việc theo nhóm: thảo luận, lựa chọn, thiết kế 1 kế hoạch dạy học cho 1 học kì/ 1 năm học (hoặc 1 chủ đề dạy học) và giáo án 1 bài học cụ thể. Báo cáo viên hỗ trợ các nhóm thiết kế giáo án
- Các nhóm trình bày, thảo luận, ghi nhận phản hồi
- Báo cáo viên chốt một số định hướng cơ bản và đóng gói sản phẩm lớp học

#### 4.4. Dự kiến sản phẩm hoạt động và định hướng đánh giá quá trình

##### - Sản phẩm hoạt động:

+ 01 bản kế hoạch dạy học Ngữ văn/ kế hoạch triển khai một chủ đề cụ thể (giáo án, công cụ đánh giá, phương tiện dạy học,...) theo Chương trình môn Ngữ văn 2018 (đối với giáo viên), 01 bản kế hoạch tập huấn (đối với giảng viên).

+ 01 giáo án dạy học Ngữ văn cụ thể kèm bộ công cụ đánh giá tương ứng theo Chương trình môn Ngữ văn 2018 và (có thể) kèm video bài dạy thử một phần/toàn bộ giáo án.

- **Định hướng đánh giá:** So sánh bài trình bày của nhóm học viên với các tài liệu do Chủ biên CT xây dựng.

## THÔNG TIN CHO NỘI DUNG 4

### Nhiệm vụ: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

#### 1. Căn cứ xác định phương pháp giáo dục của chương trình Ngữ văn 2018

##### 1.1. Căn cứ vào yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDPT

Yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó có giáo dục phổ thông đã được nêu lên trong các nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Đó là Nghị quyết 29 của Ban chấp hành trung ương; Nghị quyết 88 của Quốc hội và quyết định 404 của Chính phủ về đổi mới CT và sách giáo khoa phổ thông. Trong các văn kiện quan trọng này, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học đều được đặt ra. Chẳng hạn Nghị quyết 29 đã khẳng định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức,

kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.”

Những yêu cầu đổi mới PPDH nêu trong các văn kiện, nghị quyết là căn cứ quan trọng để chương trình GDPT nói chung và CT môn học Ngữ văn xác định, điều chỉnh và đổi mới PPGD sao cho đồng bộ với đổi mới mục tiêu và nội dung giáo dục của CT.

### ***1.2. Căn cứ vào mục tiêu môn học***

Mục tiêu môn học nêu rõ 2 yêu cầu: yêu cầu phẩm chất và yêu cầu năng lực. Cả 2 yêu cầu này đều được thực hiện bằng con đường tiếp nhận, tạo lập văn bản. Điều này chi phối PPDH của môn học phải được lựa chọn theo con đường tổ chức cho HS hoạt động. Song hành với hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản, HS cần được trải nghiệm học thông qua các hình thức học hợp tác trong nhóm, học giải quyết các tình huống có vấn đề, học bằng tự học có hướng dẫn.

### ***1.3. Căn cứ vào nội dung môn học***

Chương trình môn Ngữ văn trình bày 2 nội dung lớn: yêu cầu cần đạt (gồm đọc, viết, nói và nghe) và nội dung dạy học (gồm kiến thức tiếng Việt, văn học và ngữ liệu). Để hình thành và phát triển 4 kỹ năng giao tiếp cần chú trọng các PPDH thông qua hoạt động, thực hành. Việc hình thành kiến thức đòi hỏi các PPDH giúp HS hoạt động nhận thức để tiếp thu được các tri thức tiếng Việt, các tri thức văn học theo hướng kiến tạo, giúp HS vận dụng những tri thức đã học vào giải quyết những nhiệm vụ nhận thức và nhiệm vụ giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Yêu cầu về ngữ liệu đòi hỏi các PPDH giúp HS cách tiếp cận nguồn ngữ liệu, cách sử dụng ngữ liệu vào những mục đích học tập khác nhau, chẳng hạn một văn bản được dùng để học đọc đồng thời cũng được dùng để học viết, học nói và nghe. GV cần tổ chức để HS thực hiện các hoạt động kiến tạo kiến thức và các hoạt động tìm kiếm nguồn ngữ liệu, khai thác ngữ liệu cho nhiều hoạt động như đọc, viết, nói và nghe.

### ***1.4. Căn cứ vào định hướng về phương pháp giáo dục trong CT tổng thể***

CT tổng thể đã đưa ra những định hướng cơ bản về PPGD dùng chung cho các môn học. Những định hướng đó là:

- Sử dụng những phương pháp tích cực hóa hoạt động của HS để HS tích cực

tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành.

- Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xemina, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Hình thức học của HS gồm: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, làm việc chung cả lớp.

Môn Ngữ văn lựa chọn những PPDH chung và những PPDH đặc thù của môn học để đảm bảo thực hiện các định hướng nói trên phù hợp với đặc điểm môn học.

### ***1.5. Căn cứ vào thành tựu nghiên cứu về phương pháp giáo dục hiện đại***

Xu thế chuyển đổi từ giáo dục tập trung vào nội dung sang giáo dục nhằm phát triển năng lực đã xuất hiện ở Việt Nam từ những năm đầu của thế kỉ XXI. Kèm theo đó là những tư tưởng và PPDH mới, trong đó có quan niệm phương pháp không chỉ là cách thức GD mà còn là nội dung GD. Để có năng lực HS không chỉ học nội dung khoa học mà còn phải học phương pháp làm việc; phương pháp học vừa là một nội dung HS cần học, vừa là cách thức để HS học.

Nhiều phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học tích cực đã được truyền bá vào nước ta như: phương pháp dạy học kiến tạo, phương pháp học nhóm, phương pháp đặt và giải quyết vấn đề,... Nhiều kĩ thuật dạy học đã được đề cập đến trong các tài liệu tập huấn GV như: học bằng dự án, học trên góc học tập, học theo hợp đồng, mảnh ghép, khăn trải bàn, động não, đọc tích cực, viết tích cực, trình bày một phút, chúng em biết 3, KWL, đặt câu hỏi, đóng vai,...<sup>2</sup>

Những phương pháp và kĩ thuật nói trên đã và đang thực hiện ở nhà trường phổ thông, nay tiếp tục được lựa chọn kết hợp linh hoạt trong CT 2018.

## **2. Phương pháp giáo dục của môn Ngữ văn**

### ***2.1. Định hướng chung***

---

<sup>2</sup>Phương pháp dạy học tích cực, Dự án Việt Bỉ cho các trường sư phạm của 7 tỉnh miền núi phía Bắc pha 1 (2002) và pha 2 (2010), NXB Sư phạm, nhiều tác giả, Tài liệu khóa tập huấn về Kỹ thuật dạy học tích cực ở tiểu học, Vụ tiểu học, Bộ GD&ĐT, 12/2017.

Để chuyển từ dạy học nội dung sang dạy học phát triển năng lực, tất cả các môn học đều cần vận dụng và đáp ứng một số yêu cầu chung về PPGD, gồm:

*a) Phát huy tính tích cực của người học*

Giáo viên cần chú ý hình thành cho HS cách học, phương pháp tiếp nhận và tạo lập văn bản; thực hành, luyện tập và vận dụng nhiều kiểu văn bản khác nhau để sau khi rời nhà trường các em có thể tiếp tục học suốt đời và có khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Nhiệm vụ của giáo viên là tổ chức các hoạt động học tập cho HS; hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ để HS từng bước hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực mà CT giáo dục mong đợi.

Giáo viên cần khơi gợi, vận dụng kinh nghiệm và vốn hiểu biết đã có của HS về vấn đề đang học, từ đó tổ chức cho các em tìm hiểu, khám phá để tự mình bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những hiểu biết ấy. Cần khuyến khích HS trao đổi và tranh luận, đặt câu hỏi cho mình và cho người khác khi đọc, viết, nói và nghe.

*b) Dạy học tích hợp và phân hoá*

Dạy học tích hợp đòi hỏi giáo viên Ngữ văn trước hết phải thấy được mối liên hệ nội môn (đọc, viết, nói và nghe), theo đó nội dung dạy đọc có liên quan và lặp lại ở các nội dung dạy viết, nói và nghe; kiến thức và kĩ năng đọc hiểu mà HS tích lũy được trong quá trình tiếp nhận văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau sẽ giúp cho kĩ năng viết, nói và nghe tốt hơn. Những gì HS học được trong quá trình đọc sẽ được dùng để thực hành viết. Tương tự, những điều học được khi đọc và viết sẽ được HS dùng khi nói. Cùng với yêu cầu tích hợp nội môn, trong khi dạy đọc, viết, nói và nghe, giáo viên còn phải biết tận dụng các cơ hội để lồng ghép một cách nhuần nhuyễn, hợp lí vào giờ học các yêu cầu giáo dục liên môn (Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Nghệ thuật) và những nội dung giáo dục ưu tiên xuyên suốt toàn CT giáo dục phổ thông (chủ quyền quốc gia, hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, giáo dục tài chính,...).

Dạy học phân hoá có thể thực hiện bằng nhiều cách: nêu các câu hỏi, bài tập theo nhiều mức độ khác nhau; yêu cầu tất cả mọi HS đều làm việc và lựa chọn vấn đề phù hợp với mình; động viên và khen ngợi kịp thời các HS có ý tưởng sáng tạo, mới mẻ, độc đáo trong đọc, viết, nói và nghe. Ở trung học phổ thông, dạy các chuyên đề học tập cũng nhằm đạt được mục tiêu phân hoá và góp phần định hướng nghề nghiệp.

*c) Đa dạng hoá các phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học*

Trong quá trình dạy học, giáo viên cần kết hợp các hình thức tổ chức dạy học như tổ chức cho HS làm việc độc lập (học cá nhân), làm việc theo nhóm, làm việc chung cả

lớp, học trong lớp học và ngoài lớp học (thư viện, sân trường, nhà bảo tàng, khu triển lãm,...). Có thể cho HS đi tham quan, dã ngoại, yêu cầu các em ghi chép, chụp hình, quay phim,... quan sát, trải nghiệm và viết báo cáo, thuyết minh, thực hiện dự án,...

Về phương pháp dạy học, giáo viên cần tránh máy móc rập khuôn, không tuyệt đối hoá một phương pháp trong dạy đọc, viết hay nói và nghe mà biết vận dụng các phương pháp phù hợp với đối tượng, bối cảnh, nội dung và mục đích của giờ học. Kết hợp diễn giảng ngắn với nêu câu hỏi, cho HS thảo luận, trình bày, sử dụng các trò chơi ngôn ngữ, nhất là đối với HS tiểu học; hướng dẫn HS cách dùng sơ đồ để thể hiện các ý tưởng, nhất là khi tóm tắt nội dung văn bản, miêu tả hệ thống nhân vật, trình bày các thao tác thực hiện một công việc,...; khuyến khích HS tự tìm đọc, biết cách thu thập, chọn lọc tài liệu trong thư viện và trên Internet để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hay theo nhóm, sau đó trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu trước lớp; rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc trình bày. Tổ chức các hoạt động dạy học sao cho khi kết thúc mỗi cấp lớp, HS đạt được các yêu cầu cần đạt mà CT đã đề ra.

Về phương tiện dạy học, giáo viên cần sử dụng các phương tiện trực quan như tranh ảnh, mẫu vật để giúp HS hiểu rõ đối tượng được miêu tả trong văn bản; dùng sơ đồ để phát triển kỹ năng so sánh, phân tích, tổng hợp cho HS; sử dụng băng hình, các bộ phim để HS so sánh văn bản gốc với văn bản được chuyển thể,... Tuy nhiên, cần tránh lạm dụng hình ảnh vì chất liệu của văn chương là ngôn từ, có khả năng khơi gợi năng lực tưởng tượng của HS.

## ***2.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của môn Ngữ văn***

### ***2.2.1. Phương pháp dạy kỹ năng đọc***

Mục đích chủ yếu của dạy đọc trong nhà trường phổ thông là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách học sinh. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

*a) Dạy đọc hiểu văn bản nói chung:* yêu cầu học sinh đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, đọc hướng tới khách thể (tác phẩm, tác giả) và cách đọc hướng tới chủ thể (người đọc); chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học sinh tìm kiếm, phát hiện, phân tích, bước đầu suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản; hướng dẫn học sinh liên hệ, so sánh giữa các văn bản, bước đầu kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết

nội văn bản với trải nghiệm cá nhân học sinh,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hàng ngày.

*b) **Dạy đọc hiểu văn bản văn học:*** văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên cần tổ chức cho học sinh bước đầu tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật. Học sinh cần được hướng dẫn, luyện tập đọc tác phẩm văn học theo quy trình từ tri nhận văn bản ngôn từ, thể giới hình tượng nghệ thuật và hiểu nội dung ý nghĩa; có ý thức diễn giải mối quan hệ giữa cái “toàn thể” và chi tiết “bộ phận” của văn bản.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ học sinh chủ động, tự tin, phát huy vai trò “đồng sáng tạo” trong tiếp nhận tác phẩm; bước đầu biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên cần chú ý giúp các em tự phát hiện thông điệp, ý nghĩa, góp phần lấp đầy “khoảng trống” của văn bản. Giáo viên cần có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học sinh; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học sinh ở từng lớp và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, diễn kịch, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho học sinh thảo luận về văn bản, vẽ tranh, làm phim, trải nghiệm những tình huống mà nhân vật đã trải qua,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh.

### ***2.2.2. Phương pháp dạy viết***

Ngoài việc viết kĩ thuật và đúng chính tả, mục đích quan trọng của dạy viết theo chương trình mới là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách học sinh. Vì thế khi dạy viết, giáo viên cần chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng bước đầu đảm bảo yêu cầu mạch lạc, sáng



tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên cần tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn học sinh nắm được quy trình tạo lập văn bản; cần sử dụng các câu hỏi giúp học sinh xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; yêu cầu viết văn bản; hướng dẫn học sinh tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên tiêu chí đánh giá bài viết; hướng dẫn học sinh phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản.

Dạy viết có hai yêu cầu: dạy kỹ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kỹ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,... Bên cạnh các văn bản thông thường, học sinh còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học sinh hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học sinh thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học sinh cần thực hiện; yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,... Sau khi viết xong, học sinh cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

### **2.2.3. Phương pháp dạy nói và nghe**

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp học sinh có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học sinh.

Trong dạy nói, giáo viên hướng dẫn cho học sinh quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho học sinh thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên cần hướng dẫn học sinh cách nắm bắt được nội dung

nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, giáo viên cần hướng dẫn học sinh biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho học sinh. Để tạo điều kiện cho mọi học sinh được thực hành nói, giáo viên cần linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học sinh nói cho nhau nghe hoặc học sinh trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học sinh thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

### **2.3. Một số lưu ý về phương pháp dạy học**

*Thứ nhất:* Để dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực có hiệu quả, không nên tuyệt đối hóa vai trò của một phương pháp hoặc kỹ thuật nào. Cần phối hợp một cách hợp lý các phương pháp và kỹ thuật trong từng bài học nhằm đạt mục tiêu của bài học, góp phần đạt được mục tiêu giáo dục của môn học: phát triển phẩm chất và năng lực, nhất là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

*Thứ hai:* Việc lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dạy học cần dựa trên các cơ sở sau:

- Mục tiêu của bài học (bài học phải đạt những yêu cầu cần đạt nào)
- Nội dung của bài học
- Thời lượng của bài học
- Điều kiện về phương tiện và thiết bị dạy học phổ biến
- Yêu cầu dạy học tích hợp và phân hóa trong từng bài học

*Thứ ba:* Tăng cường tổ chức các hoạt động (qua hoạt động, bằng hoạt động) để HS tìm hiểu, trao đổi, thảo luận... sau đó tự rút ra, hoàn chỉnh những hiểu biết của mình. Phương pháp thuyết trình của GV trong dạy học Ngữ văn theo CT mới vẫn cần được sử dụng nhưng cần được đổi mới và giảm thiểu. GV không nên thuyết trình liên tục trong thời gian dài và mang tính áp đặt HS. Cần đổi mới từ thuyết trình theo cách cũ sang cách thuyết trình tích cực bằng các kỹ thuật: trình bày một phút, đặt câu hỏi,

đàm thoại với HS, nói kết hợp với trình chiếu (sử dụng slide), chuyển một phần thuyết trình của GV sang cho HS thuyết trình bằng phát biểu ý kiến. Thời lượng GV thuyết trình luôn cần ít hơn thời lượng để HS hoạt động.

*Thứ tư:* Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với những bài học khác nhau. CT Ngữ văn không đề cập đến bài học mà chỉ đề cập đến những nội dung học tri thức tiếng Việt và văn học, nội dung học kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Do đó ở từng nội dung học cần có sự vận dụng PPGD một cách phù hợp sao cho vừa đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực đặc thù vừa đảm bảo cả mục tiêu phát triển những năng lực chung. Nói đến sử dụng PPGD trong môn Ngữ văn là nói tới việc sử dụng những PPGD chung cho nhiều môn học và sử dụng những PPGD mang tính đặc thù của môn học. Tuy nhiên cũng không có sự phân biệt rạch ròi giữa những phương pháp chung và những phương pháp đặc thù. Những phương pháp đặc thù thực ra cũng là từng nhóm phương pháp chung được vận dụng phù hợp vào dạy học từng nội dung cụ thể.

### **2.3. Hướng dẫn soạn giáo án/ bài soạn**

#### **2.3.1. Xác định mục tiêu bài học**

Mục tiêu (MT) bài học theo chương trình Ngữ văn hiện hành thường được xác định bằng 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ. MT bài học theo CT 2018 cần xác định 2 nội dung: phẩm chất và năng lực. Nhưng cần lưu ý phẩm chất và năng lực cần gắn chặt với nội dung bài học, từ nội dung bài học, không nêu chung chung. Ví dụ: khi dạy tiết đọc hiểu văn bản thơ *Sắc màu em yêu* (lớp 5) thì MT được xác định là:

1) Bài học góp phần khơi dậy ở HS sự xúc động trước hình ảnh thiên nhiên và con người; tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đất nước.

2) Sau khi học bài, HS:

- Nhận biết được một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật trong bài thơ; hiểu được chủ đề của bài thơ.

- Biết liên tưởng màu sắc với các sự vật, hình ảnh giàu ý nghĩa; biết sưu tầm, khai thác tài liệu (video, hình ảnh) phục vụ cho bài học; làm việc nhóm hiệu quả.

Trong MT vừa nêu đã có yêu cầu về phẩm chất (1), năng lực chuyên biệt và năng lực chung (2). Theo yêu cầu tích hợp của CT mới, bài học không chỉ tích hợp nội dung mà còn cả tích hợp các kỹ năng (đọc, viết, nói và nghe) vì thế dung lượng khá lớn, mỗi bài có thể trên dưới 10 tiết học. Theo hướng này, việc xác định mục tiêu bài học lớn sẽ phong phú hơn. Ví dụ: Dạy bài Văn bản tự sự (lớp 6) với văn bản đọc hiểu *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Đế Mèn phiêu lưu kí* - Tô Hoài).

Để thực hiện yêu cầu tích hợp, trong bài học này, HS sẽ đọc hiểu văn bản truyện, viết bài văn tự sự kể về một trải nghiệm, luyện nói về một trải nghiệm đáng nhớ; và tích hợp một số kiến thức tiếng Việt trong quá trình dạy đọc, viết, nói và nghe. Vì thế MT bài học được xác định như sau:

1) Góp phần giúp HS biết yêu thương, giúp đỡ người khác, khiêm tốn, biết tự nhìn nhận lại chính mình để hoàn thiện hơn.

2) Qua bài học, HS:

i. Biết đọc hiểu một văn bản truyện, cụ thể:

+ Nêu được ấn tượng chung về văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong văn bản; phân tích được nội dung, ý nghĩa của văn bản; phân tích, đánh giá được tính cách bông bột, kiêu ngạo nhưng biết hối lỗi của nhân vật Dế Mèn thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật.

+ Chỉ ra, phân tích được những đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả, kể chuyện và sử dụng từ ngữ trong văn bản; nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba...

ii. Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

iii. Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.

iv. Tích hợp ôn lại các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt đã học ở Tiểu học.

Như thế MT của bài học tích hợp đã bao hàm MT của các tiết học đọc, viết, nói và nghe. Tuy vậy mỗi tiết học phải tập trung vào MT chính của tiết học ấy; chẳng hạn: MT của tiết đọc hiểu VB là hiểu văn bản và biết cách đọc văn bản.

Việc xác định MT bài học cần gắn chặt với việc tổ chức các HĐ dạy học bên dưới theo nguyên tắc: cái gì đã đặt ra ở MT thì phải có HĐ dạy học ở dưới để thực hiện được MT ấy. Vì thế 1 bài học phải cân nhắc chỉ nêu một vài MT trọng yếu, không nên quá nhiều, quá xa, không gắn với ND bài học.

### **2.3.2. Thiết bị dạy học**

Đối với giờ học Ngữ văn, SGK (văn bản đọc, hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn tìm hiểu bài) là tối thiểu bắt buộc. Những thiết bị khác như tranh ảnh, máy chiếu, loa đài, CD, các video clip, máy tính và mạng internet... tùy vào điều kiện của GV và

nhà trường, từ yêu cầu cần đạt và nội dung bài học, GV xác định và chuẩn bị các thiết bị dạy học cho phù hợp và có hiệu quả.

### **2.3.3. Tiến trình và nội dung dạy học**

Nội dung dạy học theo yêu cầu của CT mới gồm các HĐ học tập. Dạy học phát triển năng lực đòi hỏi người học phải tham gia làm, thực hành,... vì thế nội dung dạy học cần tổ chức được các HĐ học tập cho HS.

Để xác định được các HĐ, GV căn cứ vào MT của bài học, tiết học để nêu lên các HĐ tương ứng nhằm hiện thực hóa MT ấy. Mỗi MT có thể có 1 hoặc 2 hoạt động lớn. Các HĐ đặt trong tiến trình của cả bài học. Ví dụ trong tiết / giờ dạy học đọc hiểu văn bản thường theo tiến trình với các HĐ chính sau đây:

#### **Bước 1) Mở đầu bài học**

HĐ1: Khởi động, gợi dẫn, tạo không khí, giới thiệu bài học... bằng 1 cách phù hợp với ND bài học và năng lực, sở trường của mỗi GV. Yêu cầu đúng trọng tâm, ngắn gọn, phát động được kiến thức nền của HS...

#### **Bước 2) Tổ chức, hướng dẫn đọc hiểu văn bản**

HĐ2. Tổ chức, hướng dẫn đọc và tìm hiểu hình thức, bề nổi của văn bản: kiểm tra về đọc, đọc minh họa, tìm hiểu từ ngữ khó, kí hiệu, biểu tượng...; tìm hiểu ý nghĩa tên và bố cục văn bản, tóm tắt văn bản... Tùy vào mỗi bài mà xác định 1 vài nội dung chính trong HĐ này, không phải làm tất cả các ND vừa nêu.

HĐ3. Tổ chức, hướng dẫn HS “đọc sâu” văn bản bằng cách nêu lên một số vấn đề trọng yếu:

- Chủ thể phát ngôn trong văn bản là ai? Căn cứ để biết điều đó?
- Văn bản nói tới nội dung gì (ND chính)? Muốn nói với ai? Căn cứ để biết những điều này? (các bằng chứng cụ thể từ văn bản)
- Nội dung của văn bản có ý nghĩa gì? ( chủ đề, cảm hứng, tư tưởng)
- Giá trị chính của văn bản (nội dung và nghệ thuật), có thể so sánh, liên hệ với bối cảnh và các tác phẩm khác.
- Văn bản này tác động đến cá nhân HS như thế nào? Liên hệ những vấn đề đặt ra của văn bản với bản thân và thực tiễn cuộc sống.

#### **Bước 3) Tổng kết giờ đọc hiểu**

HĐ 4) Khái quát chung về kết quả đọc:

- Nêu nội dung và giá trị của văn bản đọc hiểu: bằng các cách thức và kỹ thuật khác nhau như: viết vài câu tóm tắt, lập bảng, sơ đồ tư duy...

- Rút phương pháp, cách đọc kiểu/ thể loại văn bản này. Yêu cầu và gợi ý đọc mở rộng các văn bản tương tự.

#### **2.3.4. Lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học**

Có rất nhiều phương pháp và kỹ thuật dạy học; GV tùy vào yêu cầu cần đạt của CT, nội dung dạy học, đối tượng HS cụ thể để lựa chọn phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học cho phù hợp và có hiệu quả. Định hướng chung là vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo; hạn chế việc GV đọc hộ, hiểu và cảm thụ hộ HS, tôn trọng việc tiếp nhận độc lập của người đọc, tránh áp đặt nhưng cũng cần làm trọng tài và có gợi dẫn, nhận xét, lời bình trong những tình huống cần thiết.

#### **2.3.5. Thiết kế hoạt động dạy học**

Mỗi 1 HĐ thường thiết kế theo các yêu cầu sau:

- Nêu nhiệm vụ cho HS
- Tổ chức cho HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ ( cá nhân hoặc nhóm)
- Tổ chức cho HS trình bày, thảo luận kết quả làm việc.
- Tổ chức nhận xét, đánh giá, kết luận và rút kinh nghiệm.

#### **2.4. Một số lưu ý về giáo án/ bài soạn theo yêu cầu mới**

2.4.1. Giáo án dạy học Ngữ văn theo yêu cầu phát triển năng lực (gọi tắt là giáo án năng lực) đương nhiên cần khác với giáo án dạy học chạy theo nội dung ( gọi tắt là: giáo án nội dung).

Giáo án nội dung là giáo án nêu lên các nội dung bài dạy mà GV cần truyền thụ cho HS. Tức là trả lời câu hỏi: bài học gồm những nội dung gì? (dạy cái gì?). Giáo án năng lực là giáo án nêu lên các hoạt động (công việc) mà GV tổ chức cho HS thực hiện để tìm ra nội dung cần học, qua đó mà biết cách học. Tức trả lời câu hỏi: bài học gồm các hoạt động nào? (dạy bằng cách nào?)

Giáo án nội dung tập trung vào mục tiêu trang bị những kiến thức, hiểu biết của GV về 1 vấn đề nào đó cho HS; HS tiếp thu những kiến thức mà GV cung cấp một chiều và mang tính áp đặt (cũng có phát vấn và yêu cầu HS trao đổi...nhưng cuối cùng vẫn là ý kiến của GV), do đó hạn chế về cách học và tự học. Giáo án năng lực tập trung vào mục tiêu hình thành và phát triển năng lực, HS thực hiện các HĐ để tự tìm ra kiến thức, hiểu biết phù hợp với mình và qua đó biết cách học và biết tự học.

Giáo án nội dung giúp HS biết nhiều nhưng vận dụng được ít, làm và thực hiện rất lúng túng trong tình huống tương tự, nhất là ngữ cảnh và vật liệu mới. Giáo án năng lực giúp HS biết có thể không nhiều nhưng vận dụng được, làm và thực hiện được trong tình huống tương tự, nhất là ngữ cảnh và vật liệu mới.

2.4.2. Cần có quan niệm về giáo án năng lực một cách linh hoạt, vừa chú ý những yêu cầu cứng ( bắt buộc) vừa dành khoảng trống cho sự sáng tạo, khác biệt của mỗi GV. Không có và không nên yêu cầu có một giáo án mẫu, chung cho tất cả mọi GV; chỉ nên nêu lên các yêu cầu cần có của một giáo án theo yêu cầu phát triển năng lực (NL)

Yêu cầu cứng (cần có) của giáo án NL gồm những điểm sau đây:

a) *Mục tiêu bài học* hướng tới việc hình thành và phát triển năng lực, nhất là NL đặc thù của môn học. Cụ thể là mỗi bài học cần xác định mục tiêu phát triển NL đọc, viết, nói và nghe cụ thể như thế nào? NL văn học cụ thể được phát triển qua bài học này như thế nào? Vì thế cần chú ý yêu cầu cần đạt về các NL này đã nêu trong CT mỗi lớp. NL ngôn ngữ và NL văn học là những NL lớn phải qua nhiều bài học mới hình thành được, nhưng mỗi bài học phải hướng tới các biểu hiện cụ thể của NL ấy và gắn với ND bài học cụ thể của giờ học ấy. Chú ý xác định mục tiêu phù hợp với đối tượng, tránh ôm đồm (nhiều) nội dung và yêu cầu quá sức (độ khó).

b) *Tiến trình giờ học* phải thông qua các hoạt động (HĐ) và bằng các HĐ học tập là chính; trong đó HS phải tham gia HĐ: tìm kiếm, phát hiện, nêu vấn đề, trao đổi, phân bác, chứng minh, phân tích.... rút ra nhận xét, kết luận của mình; GV là người nêu (giao) nhiệm vụ, hướng dẫn cách thức HĐ và gợi mở, nêu ý kiến của mình khi cần thiết (đúng lúc, đúng chỗ). GV không làm thay, học thay cho HS; hạn chế diễn giảng, tránh áp đặt ý kiến của mình, tôn trọng ý kiến của HS, nhất là trong tiếp nhận văn bản...

c) *Các HĐ học tập* phải bám sát và tập trung thực hiện mục tiêu đã đề ra, tránh tình trạng MT chỉ nêu cho có mà không có HĐ nhằm thực hiện MT đã nêu. Mỗi MT có thể tổ chức 1 hoặc nhiều HĐ. Nhưng nhìn chung không nên tổ chức quá nhiều HĐ trong một giờ học. Muốn thế cần xác định mỗi bài học theo nguyên tắc vừa có diện (bề rộng), vừa có điểm (trọng tâm). Những nội dung diện dành ít thời gian, tập trung vào HĐ trọng tâm. VD với bài đọc hiểu 1 tác phẩm văn học, diện chính là giúp HS nắm được bao quát chung để thấy tính chỉnh thể của tác phẩm, còn trọng tâm chính là một vài vấn đề sâu sắc và lý thú của tác phẩm. Không nên yêu cầu HS khai thác tràn lan tất cả mọi chi tiết, mọi vấn đề, mọi yếu tố hình thức thể loại của tác phẩm. Việc xác định trọng tâm ấy phụ thuộc vào trình độ của GV dựa trên mục tiêu, yêu cầu của bài học và đối tượng HS. Một văn bản - tác phẩm, nhất là các tác phẩm lớn có rất nhiều vấn đề

cần khai thác, nhưng với từng đối tượng người học GV chỉ nên xác định một vài vấn đề thật thiết yếu và phù hợp; còn lại có thể gợi mở để HS tự tìm hiểu thêm. Vấn đề trọng tâm của mỗi bài học cần bám sát yêu cầu đọc hiểu của chương trình và nên trao đổi trong tổ nhóm để thống nhất chung. Ví dụ ít nhất giờ đọc hiểu phải chú đến các HĐ trọng tâm như: i) Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản thông qua các hình thức nghệ thuật; ii) Hướng dẫn HS liên hệ, kết nối, so sánh với bối cảnh văn hóa xã hội và với những trải nghiệm của bản thân để gắn kết vấn đề đặt ra trong VB với người học... HĐ thứ nhất hướng tới yêu cầu hiểu khách thể (văn bản), HĐ thứ hai hướng tới yêu cầu hiểu chủ thể (người đọc). Đọc hiểu không chỉ là hiểu văn bản mà còn hiểu chính mình.

d) *Chú ý yêu cầu tích hợp*, trước hết là tích hợp dạy học tiếng Việt trong cả nội dung đọc hiểu, viết và nghe, nói. Dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp và nhằm phát triển năng lực đòi hỏi phải gắn các đơn vị kiến thức tiếng Việt vào ngữ cảnh và tình huống giao tiếp. Các kiến thức tiếng Việt phải phục vụ trực tiếp cho yêu cầu hiểu, cảm thụ, thưởng thức tác phẩm cũng như giúp cho kỹ năng viết và nghe nói đúng hơn, hay hơn và thuần thục hơn. Hạn chế tối đa việc dạy tiếng Việt chỉ để biết tiếng Việt, chỉ để nhận diện và miêu tả các đơn vị ngôn ngữ, để nhằm trở thành nhà ngôn ngữ học... Vì thế mỗi bài cần tìm hiểu kỹ ngữ liệu văn bản để xác định được các tình huống, ngữ cảnh xuất hiện các đơn vị tiếng Việt cần dạy, từ đó yêu cầu HS nhận diện, phân tích vai trò tác dụng và ý nghĩa của đơn vị tiếng Việt ấy gắn với văn cảnh cụ thể. HĐ đó vừa là dạy tiếng Việt theo hướng hành dụng, thiết thực, vừa đúng nguyên tắc tiếp nhận văn bản ngôn từ. Việc tích hợp với dạy học Ngữ văn còn cần tích hợp các vấn đề liên môn và xuyên môn. Tuy nhiên văn học chính là cuộc sống, nó hàm chứa trong đó tất cả các vấn đề xã hội và nhân sinh vì thế GV cứ dạy thật tốt giờ Ngữ văn cũng là đã thực hiện tích hợp các nội dung liên môn và xuyên môn rồi.

e) Cuối cùng là cần chú ý *yêu cầu phân hóa*, nghĩa là giờ học cần có các nhiệm vụ, nội dung, cách thức tổ chức học tập phù hợp cho đối tượng HS: yếu kém, trung bình và khá giỏi. Muốn thế cần chú ý đến tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức, hoàn cảnh cá nhân, khai thác vốn hiểu biết và sự trải nghiệm (tri thức nền) của người học.

Trên đây là những yêu cầu bắt buộc cần có với giáo án dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển NL. Tất cả các yêu cầu khác như *các bước lên lớp, mở đầu và kết thúc, sử dụng thiết bị dạy học, hình thức dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học...* đều khuyến khích GV tự chủ, sáng tạo và không cần phải bắt buộc như nhau. Từ các điểm trên GV vận dụng vào các bài học, giờ học đọc hiểu văn bản; viết và nghe - nói một cách linh hoạt.



## **2.4. Bài soạn minh họa** (xem Phụ lục 1, tài liệu TEXT)

### **Nhiệm vụ: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

#### **1. Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình môn học**

Mục tiêu, nội dung, đối tượng và cách thức đánh giá của CT giáo dục phổ thông môn Ngữ văn được xác định dựa trên những căn cứ sau:

##### **1.1. Yêu cầu trong các nghị quyết về đổi mới GD của Đảng, Nhà nước**

Yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT, trong đó có đổi mới về đánh giá đã được nêu trong Nghị quyết số 29 của Trung ương Đảng, Nghị quyết số 88 Quốc hội và Quyết định số 404 của Thủ tướng Chính phủ. Nghị quyết số 29 của Trung ương Đảng yêu cầu: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực HS, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.”

Nghị quyết số 88 của Quốc hội và Quyết định 404 của Chính phủ cũng đều nêu rõ định hướng và yêu cầu đổi mới đánh giá. Những yêu cầu đó đã trở thành cơ sở quan trọng cho việc đổi mới đánh giá kết quả học tập của HS trong môn học Ngữ văn.

##### **1.2. Định hướng đổi mới đánh giá được nêu trong Chương trình tổng thể**

Là một bộ phận hữu cơ của CTGDPT, cũng như các môn học khác, môn Ngữ văn phải tuân thủ theo các định hướng chung đã nêu trong CT tổng thể.

##### **1.3. Đặc điểm của môn học**

Bám sát các yêu cầu về đổi mới kiểm tra, đánh giá nêu trên nhưng cần phù hợp với đặc điểm môn học Ngữ văn. Cụ thể cần chú ý một số điểm sau:

a) Đánh giá kết quả phẩm chất và năng lực ở môn Ngữ văn cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực của môn học này, nhất là các năng lực chuyên môn (năng lực

ngôn ngữ và năng lực văn học). Căn cứ vào các biểu hiện của các phẩm chất và năng lực mà xác định nội dung và hình thức đánh giá cho phù hợp.

b) Đánh giá năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học đều phải thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

c) Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra (đọc, viết, nói, trình bày), bài tập nghiên cứu với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với mỗi cấp lớp. Cần xây dựng được câu hỏi, bài tập một cách rõ ràng, dễ đo lường; các đề thi, kiểm tra quan trọng (cuối kì, cuối cấp) cần yêu cầu HS vận dụng, thực hành với tình huống và ngữ liệu mới.

d) Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo.

#### ***1.4. Xu thế đánh giá của quốc tế***

Do yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu của thị trường lao động hiện đại, việc đánh giá kết quả học tập của các nước đang dần xích lại gần nhau. Rất nhiều tổ chức đánh giá quốc gia, quốc tế ra đời (PISA, TIMS, PIRLS,...). Kết quả nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập của HS phổ thông đạt được nhiều thành tựu cần vận dụng vào giáo dục nhà trường Việt Nam. Xu thế chung là hướng tới đánh giá năng lực người học, giúp người học tiến bộ chứ không chỉ tập trung vào đánh giá để xếp hạng, phân loại HS; chú trọng đánh giá quá trình, giúp HS biết tự đánh giá. CT Ngữ văn mới đã tiếp thu, cập nhật, vận dụng kết quả nghiên cứu về đánh giá nói chung và đánh giá môn học Ngữ văn của nhiều nước tiên tiến.

### **2. Mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình môn Ngữ văn**

#### ***2.1. Mục tiêu đánh giá***

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học thông qua việc hình thành và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Từ đó góp phần điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

#### ***2.2. Căn cứ đánh giá***

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn THCS là các yêu cầu cần đạt

về phẩm chất, năng lực đối với học sinh mỗi lớp học đã quy định trong chương trình.

### **2.3. Nội dung đánh giá**

Trong môn Ngữ văn THCS, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc (chủ yếu là đọc hiểu), viết, nói và nghe.

#### **2.3.1. Đánh giá hoạt động đọc hiểu**

Tập trung vào yêu cầu học sinh hiểu nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về kiểu loại văn bản và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; bước đầu giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong văn bản; liên hệ, so sánh giữa các văn bản và giữa văn bản với đời sống.

#### **2.3.2. Đánh giá hoạt động viết**

- Viết kĩ thuật: Bao gồm các yêu cầu về kiểu chữ, nét chữ, cách viết liền mạch, tốc độ viết; các yêu cầu về chính tả nhất là việc viết đúng chính tả phương ngữ.

- Viết văn bản: Tập trung vào yêu cầu học sinh tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, các yếu tố của văn bản nghị luận, một số kiểu loại văn bản thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày...

#### **2.3.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe**

Tập trung vào yêu cầu học sinh nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, yêu cầu học sinh nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

#### **2.3.4. Đánh giá phẩm chất**

Tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét...

### **2.4. Cách thức đánh giá**

Đánh giá trong môn Ngữ văn thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

#### *2.4.1. Đánh giá thường xuyên*

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức, hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên dùng các kĩ thuật đánh giá như: quan sát và ghi chép hàng ngày, đặt câu hỏi, nhận xét bằng lời, trình bày miệng, viết nhận xét, viết thu hoạch, lập hồ sơ học tập, phân tích và phản hồi, định hướng học tập, xử lí tình huống...

#### *2.4.2. Đánh giá định kì*

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kì, cuối cấp) do cơ sở giáo dục các cấp tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cuối cấp, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của học sinh, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. Học sinh cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

Đối với dạng trắc nghiệm môn Tiếng Việt tiểu học, khi ra đề kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực người học, nên hạn chế những câu trắc nghiệm quá dễ, chỉ yêu cầu học sinh học thuộc lòng hoặc ghi nhớ máy móc mà nên tăng cường các câu hỏi mở, các câu hỏi đòi hỏi học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng được học từ các

môn học và từ thực tiễn cuộc sống để giải quyết.

Đối với đề tự luận môn Tiếng Việt, giáo viên cần linh hoạt trong ra đề kiểm tra, không sử dụng câu hỏi, dạng đề mẫu trong sách giáo khoa, sách hướng dẫn đã quá quen thuộc, nhằm chán đề ra đề cho học sinh; cũng tránh ra kiểu đề rập khuôn máy móc, đặt học sinh ở vị thế của người ngoài cuộc hoặc phán xét, hoặc nói những điều sáo rỗng, hoặc nói theo giọng điệu người khác mà chẳng hiểu mình đang nói gì.

Ra đề theo hướng phát triển năng lực đòi hỏi giáo viên phải tư duy đa chiều đề từ nền tảng là sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn để ra đề kiểm tra mở. Muốn thực hiện tốt điều này, ngay trong các giờ học Tiếng Việt và hoạt động giáo dục trên lớp, giáo viên cần thường xuyên đưa ra các tình huống để học sinh được bộc lộ, thể hiện năng lực của mình. Ở phân môn Tập làm văn, giáo viên cần tận dụng tối đa các dạng đề tự luận ở các lớp 2, 3, 4, 5 để trao cho học sinh cơ hội đặt mình vào vị trí của người trong cuộc, để bộc lộ mình, huy động những tình cảm, suy nghĩ chân thực nhất để đưa vào bài viết, để con người nhân văn trong con người mình lên tiếng.

Đối với môn Ngữ văn nói chung, Tiếng Việt nói riêng, bên cạnh ra đề kiểm tra theo hướng mở, sáng tạo giáo viên cần thiết kế hướng dẫn chấm linh hoạt, tôn trọng cá tính riêng của từng học sinh. Dạy Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực chính là muốn hướng tới khuyến khích học sinh bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc riêng của các em trước một vấn đề trong đời sống. Hướng dẫn chấm cần đặt ra nhiều hướng triển khai nội dung yêu cầu đề, người chấm cần chấp nhận nhiều cách cảm, cách nghĩ, cách tả, cách kể khác nhau miễn là các cách đó được trình bày một cách logic, hướng tới một chủ đích phù hợp với đề bài. Tránh trường hợp hướng dẫn chấm một hướng theo định kiến của người ra đề, người soạn hướng dẫn chấm.

#### **2.4. Đề đánh giá minh họa ở cấp tiểu học và trung học ( Xem Phụ lục 2)**

### **Nhiệm vụ: PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC**

#### **1. Định hướng thiết bị dạy học ở các cấp học**

Cũng như nhiều môn học khác, thiết bị dạy học với môn Ngữ văn là cần thiết nhất là trong bối cảnh xu hướng nghe nhìn đang phát triển, sự vận dụng đa phương tiện trong giải quyết các vấn đề học tập và lao động đang được chú trọng, nhất là tiếp cận với cách mạng công nghiệp 4.0. Môn Ngữ văn mới không chỉ dạy đọc hiểu và tạo lập các văn bản truyền thống (chỉ kênh chữ) mà còn cả các văn bản đa phương thức vì thế phương tiện, thiết bị dạy học cũng cần bổ sung, thay đổi. Tuy nhiên để dạy học Ngữ văn có hiệu quả, khi sử dụng thiết bị, phương tiện cần chú ý một số định hướng sau:

1) Chỉ sử dụng những đồ dùng, phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp với đặc trưng giờ học Ngữ văn. Nội dung dạy học Ngữ văn là dạy cách tiếp nhận và tạo lập văn

bản mà chủ yếu là văn bản ngôn từ, vì thế bản thân văn bản mà HS tiếp xúc đã là 1 công cụ, phương tiện cần thiết nhất và không thiết bị nào thay thế được. Dạy tiếp nhận (đọc hiểu, nghe) văn bản là tổ chức cho HS tiếp xúc với thế giới ngôn từ, giúp HS đánh thức các con chữ để hiểu ra các thông điệp hàm chứa và tiềm ẩn trong đó. Vì thế chủ yếu là hướng dẫn HS tiếp xúc và làm việc với văn bản ( trong SGK hoặc được cung cấp). HS phải trực tiếp đọc từng câu chữ và toàn bộ văn bản trong trang giấy, nhìn thấy hình dạng văn bản, các con chữ và cấu trúc, bố cục văn bản. Từ đó mới nhận diện, lí giải, phân tích, suy luận, hình dung, phán đoán... về các nội dung, ý nghĩa của văn bản. Các thiết bị khác chỉ là hỗ trợ, phụ giúp để HS tiếp nhận tốt hơn. Chẳng hạn sử dụng một số tranh ảnh, biểu bảng hoặc trình chiếu một số đoạn văn bản cần chú ý, ảnh tác giả, tư liệu liên quan đến văn bản... Ngay cả âm thanh, hình ảnh minh họa cũng nên thận trọng, vì ngôn từ văn học đã hàm chứa tính tượng thanh ( nhạc) và tượng hình ( hội họa, điêu khắc) đủ sức gợi ra cho mỗi người đọc một hình tượng của riêng mình; vì thế các minh họa cụ thể rất dễ áp đặt làm mất khả năng liên tưởng, tưởng tượng của HS trong tiếp nhận văn bản nghệ thuật... Tương tự với tạo lập văn bản cũng chủ yếu là sử dụng thiết bị để trình chiếu các mô hình đoạn văn, văn bản; các đoạn văn minh họa dài để HS quan sát trực tiếp, không mất nhiều thời gian và khó chép lên bảng. Còn lại trọng tâm vẫn là dạy cách nghĩ, cách tạo ý, lập ý, triển khai ý và cách diễn đạt suy nghĩ sao cho chặt chẽ, rõ ràng, có sức thuyết phục, sinh động và truyền cảm.

2) Chú ý tính khả thi, hiệu quả, bám sát mục tiêu bài học; tránh lạm dụng, hình thức và phức tạp hóa vấn đề... Việc chuẩn bị thiết bị dạy học nên xuất phát từ hai nguồn: nhà trường và giáo viên. Dù cả 2 nguồn thì vẫn cần chú ý tính khả thi: một là có thiết bị ấy không? Hai là có cần thiết phải cầu kì, mất công sức đến thế không? Ba là có hiệu quả không? Tính hiệu quả trước hết cần đối chiếu với mục tiêu bài học xem các thiết bị ấy có phục vụ trực tiếp cho bài học không? Vận dụng thiết bị ấy có bảo đảm đặc trưng môn học ở bài học này không? Tránh ngộ nhận từ hiện tượng HS thích thú với việc trình chiếu mà hiểu đó là có hiệu quả.

Một số GV lại rơi vào tình trạng lạm dụng thiết bị dạy học, coi đó là bản chất của đổi mới dạy học Ngữ văn, nên bất kì bài học nào cũng vận dụng thiết bị để thay cho nhiều hoạt động đặc trưng của môn học. Nhiều GV dùng kĩ thuật trình chiếu, tranh ảnh, âm thanh, phim hình... để thu hút, gây “hứng thú” cho HS thay cho các hoạt động dạy học đọc hiểu và tạo lập văn bản. Tất cả các biểu hiện đó đều không đúng và cần tránh trong việc vận dụng thiết bị dạy học ở môn Ngữ văn cả hiện hành lẫn CT mới.

Để vận dụng thiết bị hiệu quả, không chỉ phụ thuộc vào việc có thiết bị nhiều hay ít, có tiêu biểu và phù hợp với bài học hay không mà còn phụ thuộc vào khả năng vận dụng của GV. Cụ thể là có thiết bị cần thiết, phù hợp rồi, GV phải biết vận dụng

linh hoạt, sáng tạo, đúng lúc, đúng chỗ, đúng mức... mới có ích, có tác dụng và phát huy được mạnh của thiết bị dạy học.

3) Riêng với tiểu học thì nên sử dụng nhiều hơn các thiết bị dạy học trực quan: tranh ảnh, mô hình, mẫu mã, các video clip về phim hoạt hình, âm thanh... tạo nên sự phong phú, sinh động hấp dẫn đối với HS, giúp các em tiếp nhận nội dung ( kiến thức và kỹ năng) bài học nhẹ nhàng thoải mái hơn.

### C. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TẬP HUẤN (02 ngày)

Thời gian	Nội dung	Cơ sở vật chất, học liệu <sup>3</sup>
Sáng (180 phút)	- Giới thiệu về đợt tập huấn (20 phút) - Mô-đun 1: Tìm hiểu đặc điểm môn học và quan điểm xây dựng CT môn học Ngữ văn (100 phút) Mô-đun 2: Tìm hiểu mục tiêu và yêu cầu cần đạt của CT môn học Ngữ văn (60 phút)	Chương trình môn Ngữ văn, Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018, Tài liệu hỏi đáp về CTGDPT 2018, INFOGRAPHIC và VIDEO
Chiều (180 phút)	- Mô-đun 2: Tìm hiểu mục tiêu và yêu cầu cần đạt của CT môn học Ngữ văn (tiếp) (90 phút) - Mô-đun 3: Tìm hiểu nội dung dạy học của CT môn Ngữ văn 2018 (90 phút)	- Máy chiếu, văn phòng phẩm, standee để học viên ghi hoặc dán câu hỏi
Sáng (180 phút)	Mô-đun 3: Tìm hiểu nội dung dạy học của CT môn Ngữ văn 2018 (tiếp) (120 phút) - Mô-đun 4: Thực hiện dạy học phát triển năng lực theo chương trình môn Ngữ văn (60 phút)	Chương trình môn Ngữ văn, Tài liệu TEXT: Tìm hiểu chương trình chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018, Tài liệu hỏi đáp về CTGDPT 2018, INFOGRAPHIC và VIDEO
Chiều (180 phút)	- Mô-đun 4: Thực hiện dạy học phát triển năng lực theo chương trình môn Ngữ văn (tiếp) - Giao nhiệm vụ mà học viên cần thực hiện sau khóa tập huấn và làm rõ yêu cầu đối với bài thu hoạch cần nộp	- Máy chiếu, văn phòng phẩm

### D. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TẬP HUẤN

<sup>3</sup> Các điều kiện về tài liệu, thiết bị, học liệu,...cần chuẩn bị trước khi tham gia từng ngày học cụ thể (ví dụ nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập, thiết bị cá nhân cần mang theo, thiết bị, dụng cụ cần cho các hoạt động trong phòng học)

1. Nhiệm vụ, bài thu hoạch mà học viên cần thực hiện sau khóa tập huấn:

- Đối với học viên là giảng viên sư phạm chủ chốt, bài thu hoạch có thể gồm:

+ Kế hoạch tập huấn thực hiện Chương trình GDPT môn Ngữ văn cho giáo viên tại khu vực mà Trường sư phạm mình phụ trách.

+ Một bản kế hoạch giáo dục/dạy học một chủ đề cụ thể (giáo án, công cụ đánh giá, phương tiện dạy học,...) theo Chương trình môn học/HĐGD 2018

- Đối với học viên là giáo viên phổ thông cốt cán, bài thu hoạch là 01 giáo án minh họa kèm bộ công cụ đánh giá tương ứng theo Chương trình môn Ngữ văn 2018 và (có thể) kèm video bài dạy thử một phần/toàn bộ giáo án.

2. Phương pháp đánh giá bài thu hoạch sau khóa tập huấn:

- Bài thu hoạch sau khoá tập huấn được xếp thang: Đạt/ Không đạt

3. Đánh giá kết quả tập huấn:

- Đánh giá thường xuyên: các bài trình bày, nội dung thảo luận của các nhóm cập nhật thường xuyên trên Group lớp. Các nhóm nhận xét chéo; báo cáo viên nhận xét, đánh giá chất lượng.

- Đánh giá cuối khóa:

+ Đối với giảng viên sư phạm: 01 bản kế hoạch tập huấn tiếp theo.

+ Tất cả giảng viên và giáo viên được tập huấn: 01 giáo án dạy học Ngữ văn cụ thể kèm phương tiện dạy học và bộ công cụ đánh giá tương ứng theo Chương trình môn Ngữ văn 2018 và (có thể) kèm video bài dạy thử một phần/toàn bộ giáo án.

Sản phẩm được đánh giá, thẩm định chất lượng, có thể dùng chung.



# PHỤ LỤC 1

## PHỤ LỤC 1.1

### GIÁO ÁN MINH HOẠ CẤP TIỂU HỌC

#### Tập đọc (2 tiết)

#### THUYỀN LÁ

##### A. MỤC TIÊU

Bài học giúp học sinh hình thành các năng lực và phẩm chất sau đây:

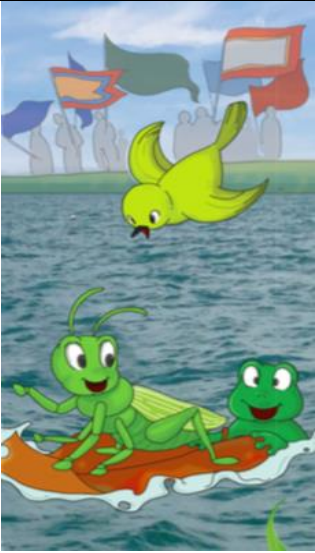
- **Đọc:** Đọc đúng và rõ ràng các từ, các câu trong bài thơ; tốc độ đọc khoảng 60 tiếng trong 1 phút; biết ngắt hơi ở chỗ kết thúc dòng thơ; Trả lời được câu hỏi đơn giản về nội dung của văn bản *Thuyền lá* ; Bước đầu nhận biết được hoạt động của từng nhân vật trong bài dựa vào gợi ý của giáo viên
- **Nói:** Hỏi và trả lời được câu hỏi về việc giúp đỡ bạn
- **Phẩm chất:** Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái (biết giúp đỡ bạn bè).

##### B. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Tranh: Cảnh chích bông, ếch đưa châu chấu qua ao
- Video clip bài hát *Lá thuyền ước mơ*
- Bảng phụ hoặc slide trình chiếu (hoặc bảng viết) sẵn câu thơ, khổ thơ đánh dấu ngắt dòng; in đậm (hoặc gạch chân) các từ khó
- Tranh cho dạy học Mở rộng vốn từ: bắp cải, cặp sách, số năm, con tằm
- Tranh cho dạy học Luyện nói: tranh việc giúp đỡ bạn (khi bạn bị ngã, khi bạn bị ốm...)
- Phiếu bài tập đọc hiểu

##### C. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HD của Giáo viên	HD của học sinh
<b>1. Hoạt động 1: Khởi động</b> 1.1. Cho HS xem hình ảnh những chiếc lá làm thuyền, xem clip bài hát <i>Lá thuyền ước mơ</i> (Phụ lục 1) - Hỏi: Chiếc thuyền trong bài hát làm bằng gì?	- Xem, nghe bài hát <i>Lá thuyền ước mơ</i> kèm theo động tác vận động cơ thể (múa)  - Trả lời: Lá

 <p>1.2.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS xem bức tranh trong bài ở sách giáo khoa (Phụ lục 2)</li> <li>- Hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong tranh có mấy nhân vật? Họ đang làm gì?</li> <li>+ Đoán họ đang đi đến đâu?</li> </ul> </li> <li>- Dẫn: Để biết về câu chuyện của ba người bạn Châu Châu,Ếch, Chích Bông, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài thơ <i>Thuyền lá</i>.</li> <li>- Ghi tên bài lên bảng: <b>Thuyền lá</b></li> </ul>	<p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Châu Châu,Ếch, Chích Bông. Châu Châu đi thuyền lá, Chích Bông bay lượn trên đầu,Ếch bơi và đẩy thuyền lá</i></li> <li>+ <i>Đi hội</i></li> </ul>
<p><b>2. Hoạt động 2: Luyện đọc thành tiếng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu: Đọc đúng và rõ ràng các từ, các câu trong bài thơ; tốc độ đọc khoảng 60 tiếng trong 1 phút; biết ngắt hơi ở chỗ kết thúc dòng thơ</li> <li>- Phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức: Đọc thầm, đọc cá nhân, đọc nhóm</li> </ul>	
<p><b>a) Cho HS đọc thầm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc thầm bài thơ</li> </ul>
<p><b>b) Đọc mẫu 1 lần, ngắt dòng thơ 5 chữ trên slide trình chiếu.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc HS để ý chỗ ngắt nhịp, ngắt dòng</li> </ul> <p><b>Slide:</b></p> <p><i>Bờ bên kia/ mở hội//</i></p> <p><i>Châu châu/ muốn qua chơi//</i></p> <p><i>Mà ao sâu quá đỗi//</i></p> <p><i>Biết làm sao bây giờ? //</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc mẫu theo cô giáo, để ý chỗ ngắt nhịp, ngắt dòng</li> </ul>

<p><i>Thấy châu châu ngẩn ngơ// Chích bông/ thương bạn quá// Bèn ngắt một chiếc lá// Thả xuống ao làm thuyền. //</i></p> <p><i>"Ôp ôp... /câu ngòi yên //</i> <i>Kéo thuyền chao lật đật!"//</i> <i>Éch vừa bơi vừa đẩy //</i> <i>Đưa bạn mình qua ao.//</i></p> <p><i>Ngàn tia nắng/ xông xao //</i> <i>Thấp mùa xuân trên cỏ //</i> <i>Cả ba người bạn nhỏ //</i> <i>Tung tăng vào hội vui.//</i></p>	
<p><b>c) Cho HS đọc tiếng, từ ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc các từ khó đọc hoặc dễ đọc sai do phát âm tiếng địa phương trên slide đã in đậm các từ ngữ khó.</li> </ul> <p><b>MB: ao sâu, làm sao, chao lật, tia nắng, xông xao</b></p> <p><b>MN: biết, kéo, thuyền, ngắt, thấp, tung tăng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ bảng, cho HS đọc các từ ngữ. Lưu ý, chỉ bắt kì không theo thứ tự. Nếu từ nào HS không đọc được thì yêu cầu HS đánh vần rồi đọc trơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều HS đọc to trước lớp</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS tìm hiểu từ ngữ khó</li> <li>- Đọc từ khó: <b>quá đỗi</b></li> </ul> <p>Hỏi: Từ nào dưới đây cho biết ao rất sâu?</p> <p><b>“Mà ao sâu <i>quá đỗi</i>”</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời: quá đỗi</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS tìm hiểu từ ngữ khó</li> <li>- Đọc từ khó: <b>ngẩn ngơ</b></li> </ul> <p>Hỏi: Từ nào trong câu sau cho thấy cháu buồn, tiếc vì không được đi hội?</p> <p><b>“Thấy châu châu <i>ngẩn ngơ</i>”</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời: ngẩn ngơ</li> </ul>
<p><b>d) Tổ chức cho HS đọc từng dòng thơ, khổ thơ</b></p>	
<p><b>Đọc khổ 1</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc cá nhân đồng thanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc cá nhân đồng thanh theo cô từng dòng thơ</li> <li>- HS đọc trong nhóm 4:</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS đọc trong nhóm 4 HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ 4 HS đọc nối tiếp nhau, mỗi bạn 1 câu trong khổ thơ; luân phiên nhau đến hết khổ.</li> </ul>
<p><b>Đọc khổ 2</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc cá nhân đồng thanh</li> <li>- Tổ chức cho HS đọc trong nhóm 4 HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc cá nhân đồng thanh theo cô từng dòng thơ</li> <li>- HS đọc trong nhóm 4: + 4 HS đọc nối tiếp nhau, mỗi bạn 1 câu trong khổ thơ; luân phiên nhau đến hết khổ.</li> </ul>
<p><b>Đọc khổ 3</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc cá nhân đồng thanh</li> <li>- Tổ chức cho HS đọc trong nhóm 4 HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc cá nhân đồng thanh theo cô từng dòng thơ</li> <li>- HS đọc trong nhóm 4: + 4 HS đọc nối tiếp nhau, mỗi bạn 1 câu trong khổ thơ; luân phiên nhau đến hết khổ.</li> </ul>
<p><b>Đọc khổ 4</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc cá nhân đồng thanh</li> <li>- Tổ chức cho HS đọc trong nhóm 4 HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc cá nhân đồng thanh theo cô từng dòng thơ</li> <li>- HS đọc trong nhóm 4: + 4 HS đọc nối tiếp nhau, mỗi bạn 1 câu trong khổ thơ; luân phiên nhau đến hết khổ.</li> </ul>
<p><b>e) Tổ chức HS đọc cả bài thơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS đọc trong nhóm 4 HS.</li> <li>- Tổ chức cho HS thi đọc đúng. Một lượt 2 nhóm. Mỗi nhóm đồng thanh đọc một khổ.</li> <li>- Hỏi: + <i>Nhóm nào đọc đúng, không vấp, rõ ràng ?</i> + <i>Thế nào là đọc tốt?</i></li> <li>- Nhắc: <i>Đọc đúng, đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải, biết ngắt hơi cuối dòng thơ.</i></li> <li>- Cho 2 HS khá đọc toàn bài, mỗi HS đọc 2 khổ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc trong nhóm 4: + 4 HS đọc nối tiếp nhau, mỗi bạn 1 khổ thơ, luân phiên nhau đến hết bài. Chú ý: Bạn đầu tiên đọc cả tên bài.</li> <li>- 4HS/nhóm đồng thanh đọc 1 khổ; 2 nhóm đọc luân phiên nhau.</li> <li>- Trả lời: + <i>Nhóm đọc đúng, không vấp, rõ ràng là...</i> + <i>Đọc tốt là đọc to, rõ ràng, không vấp, không quá chậm,</i></li> </ul>

	<i>không quá nhanh, biết ngắt dòng..</i>
<b>3. Hoạt động 3. Tìm hiểu bài thơ</b>	
<b>3.1. Mở rộng vốn từ “ăm”, “ấp”</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu: Mở rộng vốn từ về sự vật theo âm thanh</li> <li>- Phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức: HĐ nhóm đôi, trò chơi</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi, xem tranh(số năm, con tằm, bắp cải, cặp sách) và thực hiện:</li> <li>+ Đọc từ chứa vần “ăm” và chỉ vào tranh tương ứng</li> <li>+ Đọc từ chứa vần “ấp” và chỉ vào tranh tương ứng</li> <li>- Mời học sinh đọc trước lớp theo tranh trên bảng hoặc slide</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động cặp đôi:</li> <li>+ Đọc từ chứa vần “ăm” và chỉ vào tranh tương ứng <i>ăm: số năm, con tằm</i></li> <li>+ Đọc từ chứa vần “ấp” và chỉ vào tranh tương ứng <i>ấp: bắp cải, cặp sách</i></li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS chơi truyền điện:</li> <li>+ Thi tìm và nói các từ ngữ có chứa “ăm”</li> <li>+ Thi tìm và nói các từ ngữ có chứa “ấp”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>ăm: tằm, tằm, bằm, cằm (hoa), nằm, chằm, năm...</i></li> <li>- <i>ấp: cặp, nắp (chai), gập gỡ, sắp sửa, lặt, thấp (đền), ngăn nắp, khấp, đắp (chăn)...</i></li> </ul>
<b>3.2. Đọc hiểu</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được hoạt động của từng nhân vật trong bài dựa vào gợi ý của giáo viên; Trả lời được câu hỏi đơn giản về nội dung của văn bản <i>Thuyền lá</i>;</li> <li>- Phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức: HĐ nhóm</li> </ul>	
<b>a) Hoạt động 3.2.1:</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc câu hỏi 2 trong SGK</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc câu hỏi: <b>Chích Bông vàẾch Ộp đã làm gì giúp bạn?</b></li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS hoạt động nhóm 4 học sinh đọc thầm và trả lời câu hỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc nhóm theo hướng dẫn:</li> <li>+ Đọc thầm khổ 2, cho biết Chích Bông đã làm gì giúp bạn?</li> <li>+ Đọc khổ 3, cho biếtẾch Ộp đã làm gì giúp bạn?</li> <li>+ Đại diện 2-3 nhóm nêu ý kiến trước lớp</li> <li><i>HS1. Chích Bông ngắt lá thả</i></li> </ul>

	<p><i>xuống ao làm thuyền.</i>  <i>HS2. Éch Ôp vừa bơi vừa đẩy đưa Châu Chấu qua ao</i></p>
<p>- GV chốt ý kiến:  <i>Chích Bông ngắt một chiếc lá thả xuống ao làm thuyền. Éch Ôp vừa bơi vừa đẩy đưa Châu Chấu qua ao.</i></p>	<p>- HS ghi kết quả vào trong phiếu bài tập 1 (Phiếu bài tập 1 (Phụ lục 1)).</p>
<b>b) Hoạt động 3.2.2:</b>	
<p>- Yêu cầu HS đọc câu hỏi 3 trong SGK</p>	<p>- Đọc câu hỏi:  <b>Vì sao cả ba bạn đều vui?</b></p>
<p>- Cho cả lớp thảo luận cả lớp theo hướng dẫn:  + Gọi ý 1: Vì sao Châu Chấu vui?  + Gọi ý 2: Vì sao Chích Bông và Éch Ôp vui?    + Gọi ý 3: Vậy thì, vì sao cả ba bạn đều vui?</p>	<p>- Trả lời:  + Gọi ý 1:  HS1. <i>Châu Chấu vui vì được giúp Chích Bông và Éch Ôp giúp đỡ.</i>  HS2. <i>Châu Chấu vui vì được đi hội.</i>  + Gọi ý 2:  HS1. <i>Chích Bông và Éch Ôp vui vì giúp đỡ được bạn.</i>  HS2. <i>Chích Bông và Éch Ôp vui vì được đi hội với Châu Chấu.</i>  + Gọi ý 3:  HS1. <i>Cả ba bạn đều vui vì được đi hội.</i>  HS2. <i>Cả ba đều vui vì được đi hội cùng nhau, không ai phải ở lại.</i></p>
<p>- Chốt ý kiến đúng:  <i>Cả ba bạn đều vui vì được đi hội.</i></p>	<p>- HS ghi kết quả vào bài tập 2 trong Phiếu bài tập 1 (Phụ lục 1).</p>
<b>3.3. Luyện nói: Hỏi - đáp về việc giúp đỡ bạn</b>	
<p>- Mục tiêu: Hỏi và trả lời được câu hỏi về việc giúp đỡ bạn  - Phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức: HĐ nhóm, Đóng vai, Phỏng vấn</p>	
<p>- Cho HS xem tranh 1 trong SGK.  Hỏi:  + Bạn nhỏ trong tranh đã giúp bạn việc gì?</p>	<p>- Xem tranh 1.  Trả lời:  + Cho bạn mượn sách.</p>

<p>- Gọi 2 HS đọc mẫu hỏi- đáp trong SGK.</p>	<p>- 2 HS đọc</p>
<p>- Hướng dẫn học sinh hoạt động cặp:  + Lần lượt quan sát tranh 2, 3, 4  + Một HS hỏi, một HS trả lời  + Đổi vai</p>	<p>- 2 HS hỏi - đáp theo tranh rồi đổi vai  <b>Tranh 1:</b>  - <i>Cậu đã làm gì giúp bạn?</i>  - <i>Tớ cho bạn mượn sách</i>  <b>Tranh 2:</b>  - <i>Cậu đã làm gì giúp bạn?</i>  - <i>Tớ đỡ bạn khi bạn bị ngã./Tớ an ủi bạn khi bạn đau...</i></p>
<p>- Cho 3 cặp báo cáo kết quả trước lớp.</p>	<p>- Từng cặp hỏi - đáp.</p>
<p>- GV cho HS chơi trò chơi PHÒNG VẤN:  <i>-Bạn đã giúp đỡ bạn của bạn việc gì?</i>  Mỗi bạn cần phỏng vấn 3 người.</p>	<p>- HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV:  Lượt 1: <i>Hỏi đáp giữa 2 HS ngồi cạnh nhau.</i>  Lượt 2: <i>Hỏi đáp giữa 2 HS ngồi bàn trên.</i>  Lượt 3: <i>Hỏi đáp giữa 2 HS ngồi bàn dưới.</i></p>
<p><b>4. Tổng kết giờ học</b>  GV nhận xét về giờ học:  + ưu điểm, nhược điểm (nếu có)  + dặn dò</p>	

## VIDEO CLIP Lá thuyền ước mơ

### PHIẾU BÀI TẬP 1

#### PHIẾU BÀI TẬP 1 (dành cho Đọc hiểu)

1. Đọc khổ 2, 3 và nói: Chích bông,Ếch ộp đã làm việc gì?



Ngắt một chiếc lá thả xuống ao làm thuyền



Vừa bơi vừa đẩy đưa châu chấu qua ao



## PHỤ LỤC 1.2

### GIÁO ÁN MINH HOẠ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Bài dạy tích hợp cả 4 kĩ năng)<sup>4</sup>

#### VĂN BẢN THÔNG TIN

(Thời gian: 10-12 tiết)

Trong bài học này, HS sẽ đọc hiểu văn bản về một danh lam thắng cảnh, viết theo phương thức thuyết minh, từ đó thực hiện các hoạt động viết, nghe và nói theo phương thức thuyết minh. Một số kiến thức tiếng Việt được tích hợp trong khi dạy đọc, viết, nói và nghe.

### ĐỘNG PHONG NHA - ĐỆ NHẤT KÌ QUAN ĐỘNG

#### I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Góp phần giúp học sinh biết yêu mến và tự hào về những danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước; có ý thức bảo vệ và tuyên truyền giới thiệu về những cảnh đẹp ấy. HS có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

2. Qua bài học, HS luyện tập để có các kĩ năng và kiến thức sau:

a) Đọc hiểu: biết đọc hiểu một văn bản thông tin, cụ thể:

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động*; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản *Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động*.

- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (tranh ảnh, bản đồ,...) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản *Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động*.

- Liên hệ với những hiểu biết về danh lam thắng cảnh của bản thân.

- Nhận biết được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...

- Nhận biết được câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép; sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

b) Kĩ năng viết : viết văn bản thuyết minh (về một danh lam thắng cảnh, sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa, bảo đảm các bước).

- Biết cách trích dẫn văn bản của người khác.

<sup>4</sup> Bài soạn của TS. Phạm Thị Thu Hiền, ĐHGĐ, ĐHQG Hà Nội.

c) Kỹ năng nói và nghe

- Thuyết minh miệng về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.

- Nghe và nhận biết được tính hấp dẫn của bài trình bày; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) của bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương tiện dạy học

- Máy tính/điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.
- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng in hoặc dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).
- Văn bản dạy học: ĐÔNG PHONG NHA – ĐỆ NHẤT KÌ QUAN ĐỘNG (lấy theo <https://phongnhaexplorer.com/phong-nha/dong-phong-nha-4.html>)
- Video khám phá Phong Nha, địa chỉ video: <https://www.youtube.com/watch?v=awhITJUx5QE>

2. Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;
- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận...

Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến	Hoạt động của GV và HS
<b>ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6 -7 tiết)</b> <b>ĐÔNG PHONG NHA - ĐỆ NHẤT KÌ QUAN ĐỘNG (4 tiết)</b>	
<p>Huy động những tri thức cần thiết liên quan đến văn bản đọc hiểu</p> <p><b>* Kết quả dự kiến:</b></p> <p>- Nêu được một số thông tin về những địa điểm du lịch qua mạng internet (xem các bài giới thiệu, xem tranh ảnh, video...)</p>	<p><b>1. GV tổ chức hoạt động khởi động: đặt một số câu hỏi, yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời:</b></p> <p>(1) Trước khi đi du lịch, em và những người thân trong gia đình có tìm hiểu trước những thông tin về địa điểm du lịch không? Nếu có, em và mọi người thường tìm hiểu thông tin ở đâu?</p> <p>(2) Những thông tin thu thập được có ảnh hưởng đến quyết định của em và gia đình không?</p> <p>Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và định hướng cho HS.</p> <p><b>2. GV dẫn dắt vào bài:</b></p> <p>Động Phong Nha là một kì quan thiên nhiên nổi tiếng ở nước ta. Hàng năm, nơi đây đã đón rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến thăm. Hãy đọc văn bản “Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động” để hiểu vì sao đây là thông tin được nhiều quan tâm và yêu thích khi muốn tìm hiểu về hang động nơi đây.</p> <p><b>3. GV phát phiếu học tập (theo kĩ thuật KWL), yêu cầu HS điền thông tin vào cột thứ nhất và cột thứ hai, lưu ý HS chỉ điền thông tin vào cột thứ ba sau khi đã đọc hiểu văn bản.</b></p>

Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến	Hoạt động của GV và HS		
	<b>Phiếu học tập số 1</b>		
	Những điều em đã biết về Động Phong Nha	Những điều em muốn biết về Động Phong Nha	Những điều em biết thêm về Động Phong Nha
	..... ..... ..... .....	..... ..... ..... .....	..... ..... ..... .....
	<p><b>4. GV chia lớp thành các nhóm để học tập.</b> Mỗi nhóm có ít nhất 01 máy tính/điện thoại kết nối mạng để HS đọc văn bản trực tiếp trên web.</p>		
<p>- <b>Phân tích</b> được thông tin cơ bản của văn bản, giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.</p> <p><b>Kết quả dự kiến:</b></p> <p>(1) - “Đệ nhất kì quan động”: hang động đẹp kì lạ bậc nhất.</p> <p>- Người viết khẳng định vị trí kì lạ và quý hiếm bậc nhất của Động Phong Nha trong số các hang động trên thế giới.</p> <p>(2) - Văn bản giới thiệu về đặc điểm, vẻ đẹp của Động Phong Nha và một số thông tin liên quan về tham quan, du lịch ở nơi đây.</p>	<p><b>GV hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung khái quát của văn bản “Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động”</b></p> <p>(1) GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc kĩ nhan đề văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa của cụm từ: “đệ nhất kì quan động”.</li> <li>- Nhan đề cho thấy đánh giá của người viết về “Động Phong Nha” như thế nào?</li> <li>- Từ việc tìm hiểu nhan đề văn bản, hãy đoán xem văn bản sẽ viết về những gì ở Động Phong Nha?</li> </ul> <p>(2) GV yêu cầu HS đọc lướt toàn bộ văn bản, xem video đính kèm, nhận xét ấn tượng nổi bật nhất của văn bản đối với bản thân bằng việc thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát nội dung chính của văn bản.</li> <li>- Đọc xong văn bản, điều gì làm em nhớ nhất? Vì sao?</li> </ul> <p>Sau khi HS trả lời, GV gọi mở hoặc tổng kết dựa trên các ý kiến của HS. Lưu ý: GV chỉ chốt lại những ý chính.</p>		
<p>- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh; chỉ ra</p>	<p><b>GV hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản “Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động”</b></p> <p>(1) GV yêu cầu HS đọc kĩ văn bản, làm việc nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn và thực hiện các yêu cầu sau:</p>		

<b>Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến</b>	<b>Hoạt động của GV và HS</b>
<p>được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.</li> <li>- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (tranh ảnh, video gồm cả hình ảnh và lời nói) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.</li> <li>- Nhận biết được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...)</li> <li>- Nhận biết sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.</li> <li>- Lựa chọn được câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép.</li> </ul> <p><b>Kết quả dự kiến:</b></p> <p>(1) - Văn bản chia làm ba phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần mở đầu: Từ đầu đến “du lịch Quảng Bình”: giới thiệu khái quát về Động Phong Nha”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu bố cục và nội dung chính của mỗi phần trong văn bản.</li> <li>- Xác định phương thức biểu đạt chính và các phương thức biểu đạt khác được kết hợp trong văn bản.</li> <li>- Ngoài ngôn ngữ, văn bản còn sử dụng các phương tiện gì để chuyển tải thông tin?</li> <li>- Văn bản được đăng trên trang web <a href="https://phongnhaexplorer.com">https://phongnhaexplorer.com</a>. Theo em, mục đích của việc đăng văn bản này là gì? Việc kết hợp các phương tiện trình bày có giúp văn bản đạt được mục đích đó không?</li> </ul> <p>(2) GV yêu cầu HS đọc kỹ phần mở đầu của văn bản, làm việc cá nhân và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ “danh thắng” trong dòng đầu tiên của đoạn mở đầu.</li> <li>- Động Phong Nha có mấy tiêu chí được xếp thứ “nhất”. Việc nêu các tiêu chí này ở phần mở đầu của văn bản có tác dụng gì?</li> </ul> <p>(3) GV yêu cầu HS đọc kỹ phần giữa/phần chính của văn bản, làm việc nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra trình tự giới thiệu về Động Phong Nha.</li> <li>- Có bao nhiêu địa điểm nổi tiếng ở quần thể Động Phong Nha được giới thiệu trong bài viết? Hãy vẽ sơ đồ tư duy về các địa điểm được nhắc đến trong quần thể Động Phong Nha theo trình tự được nhắc đến trong văn bản.</li> <li>- Với mỗi địa điểm, ghi lại các từ ngữ mà em cho là làm nổi bật được vẻ đẹp của địa điểm đó.</li> <li>- Với mỗi địa điểm, bài viết sử dụng bao nhiêu ảnh minh họa? Dưới mỗi ảnh là một chú thích. Nội dung của các chú thích là gì? Có chính xác không? Hãy so sánh cách giới thiệu về Động Phong Nha bằng ngôn ngữ và bằng hình ảnh.</li> <li>- Việc đưa vào “một câu chuyện li kì” để giới thiệu về sông Son có tác dụng gì?</li> <li>- Các số liệu trong bài viết được dùng để làm gì?</li> <li>- Vì sao khi đang giới thiệu về Động Phong Nha, người viết lại đưa vào các thông tin về “Giá vé tham quan Động Phong Nha 2019” và “Tham khảo các tour du lịch đến Động Phong Nha”?</li> <li>- Xem video về Động Phong Nha (đính kèm cuối văn bản) và cho biết: Nội dung chính của video là gì? Video sử dụng những phương tiện nào để chuyển tải nội dung ấy? Tác dụng của video đó là gì?</li> <li>- Đọc đoạn “Động Phong Nha là hang động tiêu biểu nhất... Là hang nước dài nhất”. Đoạn văn đã nêu ra 7 tiêu chí để cho rằng Động Phong Nha xứng đáng là di sản thế giới thứ 5 của Việt Nam</li> </ul>

<b>Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến</b>	<b>Hoạt động của GV và HS</b>																											
<p>+ Phần giữa: Tiếp theo đến hết bức ảnh với chú thích “Hình ảnh mái tóc tiên”.</p> <p>+ Phần cuối: còn lại.</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính: thuyết minh; các phương thức được kết hợp: miêu tả, tự sự, biểu cảm.</p> <p>- Sử dụng ngôn từ, tranh ảnh, video để chuyển tải thông tin.</p> <p>- Mục đích: giới thiệu và mời du khách đến với Động Phong Nha.</p> <p>(2)- Nêu các tiêu chí để thu hút sự chú ý của người đọc/gây sự tò mò của người đọc ngay từ đầu văn bản.</p> <p>(3)- Trình tự thời gian (hành trình vào động).</p> <p>- Mỗi phương tiện có một ưu thế riêng: ngôn từ khơi gợi liên tưởng, tưởng tượng của người đọc; hình ảnh giúp người đọc biết chính xác đặc trưng của cảnh.</p> <p>- Văn bản cũng là một hình thức quảng cáo về du lịch đến Động Phong Nha, nên việc đưa các thông tin về “giá vé” và “các tour” du lịch nhằm đạt được đó.</p>	<p>được UNESCO công nhận vào năm 2003. “UNESCO” là viết tắt của tổ chức nào? Tổ chức ấy có tên tiếng Anh là gì?</p> <p>Sau đây là viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,... Bằng hiểu biết của mình hoặc sử dụng các công cụ tìm kiếm trên mạng internet, hãy cho biết mỗi tên đầy đủ của mỗi tổ chức quốc tế nêu trên (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh); đồng thời, giới thiệu ngắn gọn chức năng của các tổ chức đó.</p> <p>- Tìm trong văn bản một số thông tin được trích dẫn trực tiếp và một thông tin được trích dẫn gián tiếp. Hãy cho biết loại dấu câu được sử dụng tương ứng với mỗi loại trích dẫn ấy.</p> <p>- Hoàn thành phiếu bài tập dưới đây:</p> <table border="1" data-bbox="598 795 1460 2004"> <thead> <tr> <th colspan="3" data-bbox="598 795 1460 862"><b>Phiếu bài tập số 2</b></th> </tr> <tr> <td colspan="3" data-bbox="598 862 1460 952">Trong các câu dưới đây, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Trong các câu ghép, câu nào có kết từ để nối các vế câu?</td> </tr> <tr> <th data-bbox="598 952 1173 1064"><i>Câu</i></th> <th data-bbox="1173 952 1308 1064"><i>Kiểu câu</i></th> <th data-bbox="1308 952 1460 1064"><i>Kết từ (nếu có)</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="598 1064 1173 1198"><i>Động Phong Nha là danh thắng tiêu biểu nhất của hệ thống hang động thuộc quần thể danh thắng Phong Nha – Kẻ Bàng.</i></td> <td data-bbox="1173 1064 1308 1198"></td> <td data-bbox="1308 1064 1460 1198"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="598 1198 1173 1388"><i>Một năm kia xảy ra đại hạn, muôn vật khô héo; để cứu dân, vị tiên sư đại pháp lên về Trời khơi trộm nguồn nước từ thiên cung chảy xuống nơi là dòng sông Sơn bây giờ.</i></td> <td data-bbox="1173 1198 1308 1388"></td> <td data-bbox="1308 1198 1460 1388"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="598 1388 1173 1534"><i>Dòng nước tưới mát cỏ cây, cứu sống muôn loài, nhưng vị đại sư bị triệu về Trời chịu hình phạt.</i></td> <td data-bbox="1173 1388 1308 1534"></td> <td data-bbox="1308 1388 1460 1534"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="598 1534 1173 1635"><i>Sông Sơn chảy từ động Phong Nha và nối vào sông Gianh.</i></td> <td data-bbox="1173 1534 1308 1635"></td> <td data-bbox="1308 1534 1460 1635"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="598 1635 1173 1825"><i>Lòng núi bị đào thành hang động, đường hầm, sông ngầm, giếng sâu; các khối núi bị tách thành vách dựng đứng và những cảnh tượng lạ lùng...</i></td> <td data-bbox="1173 1635 1308 1825"></td> <td data-bbox="1308 1635 1460 1825"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="598 1825 1173 2004"><i>Nếu gõ nhẹ vào chuỗi thạch nhũ giống hình phím đàn thì người ta tưởng như đang thưởng thức âm điệu của tiếng đàn tơ-rưng trầm bổng âm vang.</i></td> <td data-bbox="1173 1825 1308 2004"></td> <td data-bbox="1308 1825 1460 2004"></td> </tr> </tbody> </table>	<b>Phiếu bài tập số 2</b>			Trong các câu dưới đây, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Trong các câu ghép, câu nào có kết từ để nối các vế câu?			<i>Câu</i>	<i>Kiểu câu</i>	<i>Kết từ (nếu có)</i>	<i>Động Phong Nha là danh thắng tiêu biểu nhất của hệ thống hang động thuộc quần thể danh thắng Phong Nha – Kẻ Bàng.</i>			<i>Một năm kia xảy ra đại hạn, muôn vật khô héo; để cứu dân, vị tiên sư đại pháp lên về Trời khơi trộm nguồn nước từ thiên cung chảy xuống nơi là dòng sông Sơn bây giờ.</i>			<i>Dòng nước tưới mát cỏ cây, cứu sống muôn loài, nhưng vị đại sư bị triệu về Trời chịu hình phạt.</i>			<i>Sông Sơn chảy từ động Phong Nha và nối vào sông Gianh.</i>			<i>Lòng núi bị đào thành hang động, đường hầm, sông ngầm, giếng sâu; các khối núi bị tách thành vách dựng đứng và những cảnh tượng lạ lùng...</i>			<i>Nếu gõ nhẹ vào chuỗi thạch nhũ giống hình phím đàn thì người ta tưởng như đang thưởng thức âm điệu của tiếng đàn tơ-rưng trầm bổng âm vang.</i>		
<b>Phiếu bài tập số 2</b>																												
Trong các câu dưới đây, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Trong các câu ghép, câu nào có kết từ để nối các vế câu?																												
<i>Câu</i>	<i>Kiểu câu</i>	<i>Kết từ (nếu có)</i>																										
<i>Động Phong Nha là danh thắng tiêu biểu nhất của hệ thống hang động thuộc quần thể danh thắng Phong Nha – Kẻ Bàng.</i>																												
<i>Một năm kia xảy ra đại hạn, muôn vật khô héo; để cứu dân, vị tiên sư đại pháp lên về Trời khơi trộm nguồn nước từ thiên cung chảy xuống nơi là dòng sông Sơn bây giờ.</i>																												
<i>Dòng nước tưới mát cỏ cây, cứu sống muôn loài, nhưng vị đại sư bị triệu về Trời chịu hình phạt.</i>																												
<i>Sông Sơn chảy từ động Phong Nha và nối vào sông Gianh.</i>																												
<i>Lòng núi bị đào thành hang động, đường hầm, sông ngầm, giếng sâu; các khối núi bị tách thành vách dựng đứng và những cảnh tượng lạ lùng...</i>																												
<i>Nếu gõ nhẹ vào chuỗi thạch nhũ giống hình phím đàn thì người ta tưởng như đang thưởng thức âm điệu của tiếng đàn tơ-rưng trầm bổng âm vang.</i>																												

<b>Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến</b>	<b>Hoạt động của GV và HS</b>
	<p>(4) GV yêu cầu HS đọc kỹ phần cuối/đoạn cuối của văn bản, làm việc cá nhân và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi lại các từ ngữ dùng để ca ngợi Động Phong Nha.</li> <li>- Theo em, cách viết ở phần cuối/đoạn cuối của văn bản có khơi gợi được niềm yêu thích của người đọc đối với Động Phong Nha không? Vì sao?</li> <li>- Hoàn thành nội dung của cột thứ ba trong Phiếu học tập số 1.</li> </ul> <p><i>Với mỗi hoạt động trên đây, sau khi HS trả lời/trình bày, GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt lại những ý chính.</i></p>
<p>Nêu được tác động của văn bản.</p> <p><b>Kết quả dự kiến:</b></p> <p>Người viết là người của công ty du lịch hoặc được công ty du lịch thuê viết thuyết minh để quảng cáo cho du lịch đến Động Phong Nha. Người viết hướng tới đối tượng là những du khách muốn tìm hiểu và đến thăm Động Phong Nha. Người viết đã sử dụng một văn bản đa phương tiện để đạt được mục đích đó.</p>	<p><b>GV hướng dẫn HS tìm hiểu tác động của văn bản:</b></p> <p>GV nêu các câu hỏi, yêu cầu HS trả lời cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người viết văn bản trên là ai? Hướng đến đối tượng đọc nào?</li> <li>- Bài viết thu hút sự quan tâm của nhiều người muốn tìm hiểu và đến thăm Động Phong Nha. Theo em, làm thế nào để người viết đạt được mục đích của mình?</li> <li>- Em có bị lôi cuốn bởi cách trình bày cũng như nội dung của bài viết không? Vì sao?</li> </ul> <p><i>Sau khi HS trả lời/trình bày, GV nhận xét.</i></p>
<p>Liên hệ, mở rộng, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.</p> <p><b>Kết quả dự kiến:</b></p> <p>HS thực hiện, trả lời theo quan điểm cá nhân, miễn là có sức thuyết phục.</p>	<p><b>GV tổ chức cho HS liên hệ, mở rộng, vận dụng</b></p> <p>GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện một trong số hoặc một số nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu được chọn đi thăm một trong các hang động nổi tiếng ở Việt Nam, em có chọn Động Phong Nha không? Vì sao?</li> <li>- Sau khi đọc văn bản, em có ý định giới thiệu với người thân trong gia đình về Động Phong Nha không? Vì sao?</li> <li>- Giả sử trong kì nghỉ hè tới, em và gia đình sẽ đi thăm Động Phong Nha. Hãy phác thảo kế hoạch cho chuyến đi ấy. (Gợi ý: kế hoạch cần nêu được: thời gian, phương tiện, những nơi sẽ đến, những việc dự kiến sẽ làm, kinh phí dự kiến,...).</li> <li>- Dựa vào những thông tin từ văn bản, kết hợp với sự liên tưởng, tưởng tượng của mình, hãy vẽ lại một địa điểm nào đó trong quần thể Động Phong Nha.</li> </ul>

<b>Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến</b>	<b>Hoạt động của GV và HS</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được giá trị nội dung và hình thức của văn bản.</li> <li>- Đọc thêm các văn bản có cùng chủ đề và độ dài tương đương với văn bản đã học.</li> </ul>	<p><b>GV tổng kết và củng cố bài học:</b></p> <p>(1) GV chốt lại giá trị nội dung và hình thức nổi bật của văn bản.</p> <p>(2) GV yêu cầu HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các công cụ tìm kiếm trên mạng internet, sưu tầm 02 văn bản khác cũng viết về Động Phong Nha (trong đó có sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp). Sau đó, so sánh để chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau (một cách khái quát) về nội dung và cách trình bày của các văn bản.</li> <li>- Với 02 văn bản đã tìm được, HS nhận xét về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; chỉ ra một số câu ghép có sử dụng kết từ để nối các vế câu.</li> </ul>
<p><b>Thực hành đọc văn bản thông tin tương tự</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng từ bài học chính để tự đọc hiểu văn bản thông tin tương tự.</li> </ul>	<p><b>Hướng dẫn HS tự đọc văn bản thông tin - 3 tiết</b></p> <p>GV chọn một văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh bất kỳ, trong đó có sử dụng kênh hình (văn bản đa phương thức); sau đó yêu cầu HS thực hành đọc hiểu với một số yêu cầu cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích và nội dung chính của văn bản, mối quan hệ giữa nội dung và mục đích</li> <li>- Tìm hiểu ý nghĩa tên văn bản, nguồn dẫn,</li> <li>- Vai trò và ý nghĩa của bố cục văn bản, các tiêu đề nhỏ, các dấu hiệu hình thức nổi bật trong văn bản</li> <li>- Vai trò và tác dụng của kênh hình trong văn bản</li> <li>- Giá trị của văn bản đối với xã hội và bản thân</li> </ul>
<b>VIẾT - 3 tiết</b>	
<p>Huy động những hiểu biết về cách viết văn thuyết minh.</p>	<p><b>GV tổ chức hoạt động khởi động:</b></p> <p>GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi khuyên ai đó đến thăm một nơi mà em đã đến và rất thích, em sẽ giới thiệu những gì và bằng phương tiện nào để người đó hứng thú và muốn đến nơi ấy?</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa, bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin,</li> </ul>	<p><b>GV tổ chức cho HS thực hành viết văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.</b></p> <p>GV nêu yêu cầu: Giả sử, em được một công ty du lịch thuê viết bài giới thiệu về một danh lam thắng cảnh trên đất nước ta mà du khách sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị khi đến đó.</p> <p>1) <i>Tìm hiểu đề và lập dàn ý (1 tiết)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định nơi em định giới thiệu.</li> <li>- Đối tượng (độc giả) mà bài viết hướng tới.</li> </ul>

<b>Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến</b>	<b>Hoạt động của GV và HS</b>
<p>tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.</p> <p>- Có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.</p>	<p>- Chỉ ra các nguồn mà em sẽ lấy thông tin để viết bài và cho biết em sẽ dẫn các nguồn thông tin đó trực tiếp hay gián tiếp.</p> <p>- Xác định nội dung chính của bài giới thiệu.</p> <p>- Xác định các phương thức biểu đạt và các phương tiện sẽ sử dụng để giới thiệu.</p> <p>- Xác định trình tự giới thiệu (theo thời gian hay không gian...?)</p> <p>- Lập dàn ý cho bài viết.</p> <p><i>2) Viết thành bài văn thuyết minh (2 tiết)</i></p> <p>Trong quá trình HS làm bài, GV quan sát và hỗ trợ; nhắc HS dành thời gian đọc lại và sửa lỗi trước khi nộp bài.</p>
<p>Nâng cao kỹ năng làm bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.</p>	<p><b>GV yêu cầu HS về nhà:</b></p> <p>- Tạo 01 bài trình bày trên máy vi tính hoặc đề cương bài nói để giới thiệu về danh lam thắng cảnh mà em đã viết trong bài..</p> <p>- Trao đổi với người thân trong gia đình về đề tài, nội dung và cách viết về đề tài đó. Ghi lại ý kiến của mọi người để rút kinh nghiệm.</p>
<b>NÓI VÀ NGHE - 2 tiết</b>	
<p>- Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.</p> <p>- Nghe và nhận biết được tính hấp dẫn của bài trình bày (bằng ngôn ngữ nói); chỉ ra được những hạn chế (nếu có) của bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh (bằng ngôn ngữ nói).</p>	<p><b>Sau khi nhận xét bài viết trên lớp, GV yêu cầu HS trao đổi về bài tập đã chuẩn bị ở nhà (bài trình bày trên máy tính hoặc đề cương bài nói); yêu cầu mỗi nhóm thống nhất nội dung và hình thức bài nói để thuyết trình trước lớp:</b></p> <p>- GV chia lớp thành 04 nhóm, mỗi nhóm sẽ bốc thăm để 01 HS thuyết trình.</p> <p>- HS trình bày, kết hợp ngôn ngữ nói với các điệu bộ, cử chỉ phù hợp; sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa đã chuẩn bị để làm tăng sức hấp dẫn cho bài viết.</p> <p>- Sau khi HS trình bày xong, GV đề nghị cả lớp nhận xét bài thuyết trình của bạn, tập trung vào tính rõ ràng, mạch lạc và hấp dẫn của nội dung cũng như hình thức trình bày.</p> <p>- GV có thể hỏi 1 số HS:</p> <p>+ Nghe xong bài thuyết trình của bạn, em có muốn đến nơi đó không? Vì sao</p> <p>+ Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn</p> <p>+ Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì nhất trong phần trình bày của bạn</p> <p><b>Cuối cùng, GV chốt lại những yêu cầu cơ bản về cách thuyết trình về một danh lam thắng cảnh.</b></p>



## **Phân tích bài soạn minh họa**

a) Bài thiết kế được biên soạn theo hướng tích hợp các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, với cấu trúc 03 phần:

- Phân đọc hiểu là bài học *Động Phong Nha – Đệ nhất kì quan động*. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) yêu cầu cần đạt của đọc hiểu văn bản thông tin cho HS lớp 9 là: *Đọc hiểu nội dung, Đọc hiểu hình thức, Liên hệ, so sánh, kết nối, Đọc mở rộng*. Vì thế, giáo án đã thiết kế các hoạt động dạy đọc hiểu văn bản hướng đến các yêu cầu cần đạt này. Ngoài ra, để phát triển năng lực đọc hiểu của HS, bài soạn minh họa còn có nội dung đọc mở rộng, hướng dẫn HS cách đọc một văn bản khác cùng thể loại và đề tài gần gũi. Các mục tiêu đặt ra đều có các HĐ dạy học tương ứng.

- Phân viết: Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) yêu cầu cần đạt của hoạt động viết cho HS lớp 9 gồm: Quy trình viết và “Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.”

Giáo án đã thiết kế nội dung viết nhằm đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chương trình và kết nối tích hợp với nội dung đọc hiểu. Mặt khác, bài soạn thiết kế hoạt động viết theo tiến trình với các bước cụ thể nhằm phát triển năng lực cho HS.

- Phân nói và nghe, với văn bản thông tin, chương trình yêu cầu HS:

+ Nói: “Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa”. Do đó, ở phần này, bài soạn minh họa đã đưa ra những yêu cầu cụ thể cho HS để phát triển năng lực nói và nghe.

+ Nghe: Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế như lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan.

Ngoài ra, bài soạn minh họa còn tích hợp các kiến thức sau vào phần đọc hiểu và viết:

+ Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...)

+ Câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép

+ Các kết từ để nối các vế câu ghép

+ Sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

## PHỤ LỤC 1.3

### GIÁO ÁN MINH HOẠ CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Thể loại: đọc hiểu truyện ngắn Việt Nam hiện đại

**BÀI HỌC: VỢ NHẬT (KIM LÂN)**

**(Thời lượng: 3 tiết)**

<p><b>MỤC TIÊU BÀI HỌC:</b></p> <p><b>-Bồi dưỡng phẩm chất:</b></p> <p>Lòng nhân ái, niềm tin tưởng, lạc quan vào sức sống mãnh liệt của con người; trân trọng khát vọng đổi đời, khát vọng hạnh phúc của con người.</p> <p><b>-Phát triển năng lực:</b></p> <p>+Năng lực chung: Tự học, Giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.</p> <p>+Năng lực môn học:</p> <p>Năng lực ngôn ngữ và văn học: Phát triển kĩ năng đọc hiểu văn bản văn học.</p>	<p>-Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.</p> <p>- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.</p> <p>- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.</p> <p>- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật</p> <p>- So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.</p>
<p><b>TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b></p>	<p>-HS tóm tắt được văn bản;</p> <p>-HS phát biểu được đặc điểm của nhân vật, phân tích và đánh giá được nhân vật (Nhân vật Tràng, bà cụ Tứ, chị “vợ nhật”);</p> <p>-HS chỉ ra các yếu tố: người kể chuyện, điểm nhìn trần thuật, không gian, thời gian, tình huống truyện, các chi tiết nghệ thuật đặc sắc và phân tích, đánh giá được giá trị của các yếu tố này;</p>

	<p>-HS liên hệ, so sánh được với các truyện ngắn viết về người nông dân trước cách mạng tháng Tám;</p> <p>-HS phân tích và đánh giá được chủ đề của truyện “Vợ nhặt”, nêu được thông điệp của văn bản với bản thân (gợi ý: Sống yêu thương, nhân ái, lá lành đùm lá rách; Tin tưởng, trân trọng khát vọng sống, khát vọng đổi đời và khát vọng hạnh phúc của con người; Nhìn nhận, phát hiện những khía cạnh tích cực, nhân văn của cuộc sống,...)</p>		
<b>PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN CHỦ YẾU</b>	<p>-Gợi mở, Tái tạo, Nêu và giải quyết vấn đề, Trò chơi, Làm việc nhóm</p> <p>-SGK, SGK, Phiếu học tập (Từ tài liệu “<i>Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn chương qua hệ thống phiếu học tập</i>”, lớp 12, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, H. 2019); Điện thoại thông minh (Để chụp ảnh sản phẩm của HS), máy chiếu (để trình chiếu sản phẩm học tập của học sinh).</p>		
<b>MÔ TẢ KHÁI QUÁT TIẾN TRÌNH DẠY HỌC</b>	<p><b>1)Giai đoạn chuẩn bị bài của HS:</b></p> <p>- Thực hiện mục 2 phiếu học tập số 1; Phiếu học tập số 2; Hoạt động 1 trong phiếu học tập số 3 (Có thể làm vào trực tiếp vào phiếu, hoặc dựa vào phiếu để đánh dấu thông tin bằng các màu mực khác nhau vào văn bản)</p> <p>-Làm việc nhóm đôi (sử dụng kĩ thuật mảnh ghép): Dây số 1với phiếu học tập số 4, 5 để tìm hiểu tình huống truyện (mỗi HS làm một phiếu); Dây số 2: Cả 2 thành viên cùng làm phiếu số 5 để tìm hiểu nhân vật Tràng; Dây số 3: Cùng làm phiếu số 6 để tìm hiểu nhân vật Thị; Dây số 4 thực hiện phiếu số 7, 8 để tìm hiểu nhân vật bà cụ Tứ.</p> <p>Cách thực hiện: Dựa trên hướng dẫn của phiếu để thực hiện hoạt động, chỉ ghi vắn tắt, có thể ghi bằng tất cả các kí hiệu do cá nhân sáng tạo (không vi phạm chuẩn mực đạo đức và luật pháp).</p> <p><b>2)Giai đoạn thực hiện bài học trên lớp (3 tiết):</b> GV tổ chức hoạt động học tập, tiếp nối các hoạt động HS đã thực hiện để đạt mục tiêu bài học.</p> <p><b>3)Giai đoạn ôn tập, củng cố ở nhà sau bài học:</b> HS thực hiện phiếu học tập số 9, 10, Đọc truyện “Một đám cưới” và làm bài tập đánh giá.</p>		
<b>THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TRÊN LỚP</b>			
<b>Hoạt động 1: Huy động tri thức, trải nghiệm nền của HS</b>			
<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>HĐ của GV</b>	<b>HĐ của HS</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>
-HS tái hiện được các tác phẩm viết về người nông dân, chuẩn bị tâm thế học tập tích cực	-Nêu yêu cầu HĐ số 1 trong phiếu HT số 1. -Hình thức làm việc: Chia sẻ theo cặp. -HĐ báo cáo kết quả	- HS trong cặp đứng quay mặt vào nhau, cùng chia sẻ. -Xung phong báo cáo kết quả hoạt động trong thời gian 1	-Nêu đúng tên các tác phẩm (Lão Hạc, Tắt đèn (HS có thể kể tên “Tức nước vỡ bờ” là tên đoạn trích trong SGK); Chí

	trong 1 phút sau khi đã chia sẻ.	phút	Phèo.  -Nêu được ấn tượng đặc biệt về một trong số ba nhân vật : Lão Hạc, chị Dậu, Chí Phèo.
<b>Hoạt động 2: Bổ sung tri thức nền (Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm)</b>			
-HS đọc và thu hoạch các thông tin về tác giả, tác phẩm  -Định hướng cách đọc và tìm hiểu văn bản	-Dựa vào yêu cầu số 2 trong phiếu học tập số 1 HS đã thực hiện ở nhà để tổ chức chơi trò chơi.  -GV mời 2 HS xung phong lên chơi. HS thay phiên nhau hỏi đáp để khoanh đáp án trả lời.  -HS xung phong giới thiệu bằng lời về tác giả, tác phẩm (Hoạt động 3 trong phiếu học tập số 1)  -Yêu cầu HS nêu định hướng đọc hiểu	-HS xung phong chơi trò chơi.  -Thay nhau hỏi đáp  -Giới thiệu bằng lời về tác giả, tác phẩm.  -Nêu định hướng đọc hiểu văn bản (theo mẫu cú pháp gợi ý: <i>Tôi biết đây là một tác phẩm thuộc thể loại..... viết về đề tài..... ở giai đoạn..... của tác giả..... Do đó, tôi nghĩ mình sẽ phải quan tâm đến ..... khi đọc hiểu.</i>	-Nêu được các thông tin về tác giả, tác phẩm.  -Xác định được định hướng ban đầu để đọc hiểu truyện ngắn hiện đại: cần quan tâm đến cốt truyện, nhân vật người kể chuyện, các nhân vật, điểm nhìn, tình huống truyện, giá trị, thông điệp của truyện,...
<b>Hoạt động 3: Tìm hiểu ấn tượng ban đầu, bối cảnh, thời gian nghệ thuật, nhan đề của truyện</b>			
Tóm tắt văn bản  Nêu ấn tượng ban đầu  Xác định và phân tích được bối cảnh không gian, thời gian của truyện.  Hiểu và lí giải được nhan đề của truyện	GV chiếu phiếu HT số 2, yêu cầu HS trình bày cá nhân phần tóm tắt văn bản.  -Yêu cầu HS nêu ấn tượng nổi bật của họ về văn bản bằng 1 từ. (Khoảng 10HS phát biểu. Gv ghi vắn tắt từ đó vào góc bảng)  -Chiếu từ khóa trung tâm “Nhan đề Vợ nhặt”. Yêu cầu: Nhan đề này có thể gợi ra các câu hỏi	-Tóm tắt văn bản  -Lần lượt nêu ấn tượng  -Ghi lại các câu hỏi xoay xung quanh nhan đề.  -Tự trả lời các câu hỏi đã đặt, đánh dấu vào câu chưa trả lời được để hỏi bạn và giáo viên	-Nêu được các sự việc chính của truyện.  -Sử dụng được một từ để nêu ấn tượng của bản thân về văn bản.  -Đặt được ít nhất 3 câu hỏi quanh nhan đề (ví dụ: <i>Vợ nhặt nghĩa là gì? Ai là “vợ nhặt”? Ai là người “nhặt” vợ?,...</i> )

	<p>gì? Hãy ghi lại.</p> <p>Cho HS trả lời các câu hỏi.</p> <p>-Yêu cầu HS phân tích bối cảnh của truyện theo gợi ý dẫn của phiếu số 3.</p> <p>(Gv chụp một vài sản phẩm của HS, chiếu lên máy để HS trình bày)</p>		<p>-Liệt kê đúng các chi tiết về bối cảnh nạn đói được cảm nhận qua thị giác, thính giác, khứu giác, ngoại hình con người, hành động của con người.</p> <p>-Hình dung, cảm nhận, suy luận, lí giải được giá trị của các chi tiết trong việc tạo nên bối cảnh đời sống cho câu chuyện</p>
<b>Hoạt động 4, Hoạt động 5, Hoạt động 6, Hoạt động 7: Tìm hiểu tình huống truyện, nhân vật Tràng, nhân vật bà cụ Tứ, chị vợ nhặt</b>			
<p>-Phân tích tình huống truyện</p> <p>-Phân tích các nhân vật: Tràng, bà cụ Tứ, chị vợ nhặt</p>	<p>- Yêu cầu HS trao đổi kết quả cá nhân theo cặp dựa trên sản phẩm phiếu học tập đã thực hiện ở nhà, thống nhất nội dung trình bày.</p> <p>-Yêu cầu HS thuyết trình về phân tích tình huống truyện.</p> <p>-Chụp “nhật kí “ của Tràng. Một vài HS vào vai Tràng trình bày.</p> <p>-Yêu cầu HS thuyết trình về nhân vật bà cụ Tứ.</p> <p>-Yêu cầu HS thực hiện cuộc phỏng vấn Tràng về nhân vật Thị</p>	<p>-HS làm việc nhóm, thống nhất ý kiến.</p> <p>-HS thuyết trình</p> <p>-HS vào vai trình bày về Tràng</p> <p>-HS thực hiện cuộc phỏng vấn để tìm hiểu về Thị.</p>	<p>-Nêu được tình huống truyện.</p> <p>-Liệt kê được các chi tiết về phản ứng của các nhân vật trước tình huống truyện;</p> <p>Liệt kê được các chi tiết thể hiện sự thay đổi của các nhân vật khi tình huống xảy ra.</p> <p>-Cắt nghĩa, lí giải và đánh giá được giá trị của tình huống truyện.</p> <p>-Liệt kê được các chi tiết về ngoại hình, nghề nghiệp, suy nghĩ, hành động của nhân vật, mối quan hệ với các nhân vật khác, lời bình của người kể chuyện về</p>

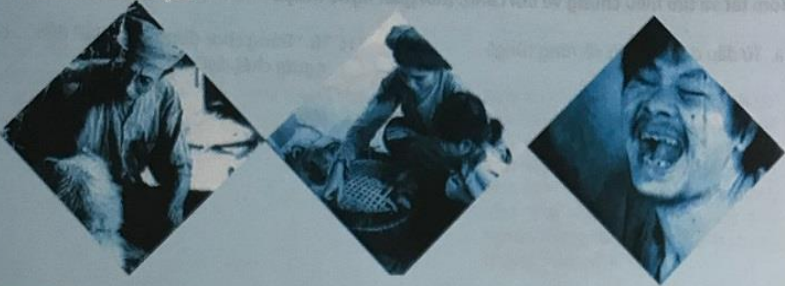
			<p>nhân vật.</p> <p>-Khái quát được các đặc điểm của nhân vật.</p> <p>-Chỉ ra và phân tích giá trị của các biện pháp nghệ thuật trong việc khắc họa nhân vật.</p> <p>-Suy luận, đánh giá được thông điệp nghệ thuật từ các nhân vật.</p>
<b>Hoạt động 8: Tổng kết bài học</b>			
<p>Tổng kết về nội dung, nghệ thuật của văn bản</p> <p>Rút ra cách thức đọc hiểu văn bản theo thể loại</p>	<p>-Sử dụng kĩ thuật viết 1 phút để yêu cầu HS tóm tắt nội dung và nghệ thuật của văn bản (<i>gợi ý cú pháp:....</i>)</p> <p>-Yêu cầu HS nêu cách thức đọc hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại</p> <p>-Cho HS chia sẻ theo cặp. Chọn một vài HS trình bày.</p>	<p>-HS thực hiện hoạt động viết 1 phút.</p> <p>-Chia sẻ theo cặp và trước lớp</p>	<p>-Tóm tắt được nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <p>-Nêu được ít nhất 3 điều trong đọc hiểu truyện ngắn hiện đại (ví dụ: quan tâm đến tình huống, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện,...)</p>
<b>Hoạt động 9: Luyện tập và mở rộng</b>			
<p>HS vận dụng được cách thức đọc hiểu để tự phân tích kết thúc truyện.</p> <p>-Liên hệ so sánh với các nhân vật trong các văn bản khác.</p> <p>-Tưởng tượng sáng tạo</p>	<p>-GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà phiếu học tập số 9, số 10</p> <p>- Xin ý kiến nhận xét của 01HS khác về sản phẩm của mình (kĩ thuật 321)</p> <p>- Nộp sản phẩm và nhận xét trong buổi học sau</p>	<p>HS thực hiện yêu cầu, hoàn thiện sản phẩm.</p> <p>-xin được ý kiến nhận xét về sản phẩm của bạn</p> <p>-Nộp sản phẩm.</p>	<p>-Hoàn thành được 2 phiếu học tập</p> <p>-Xin được ý kiến nhận xét trong lớp (sử dụng kĩ thuật 321)</p>

Các phiếu học tập kèm theo (từ phiếu số 1-10 trong cuốn sách *Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn chương qua hệ thống phiếu học tập*)

**VỢ NHẬT**  
Kim Lân

Phiếu học tập số **1**

**TRƯỚC KHI ĐỌC**



1. Những hình ảnh này gợi cho anh/chị nhớ đến các tác phẩm văn học nào? Hãy chia sẻ bằng lời ấn tượng đặc biệt nhất của anh/chị về một trong số các nhân vật văn học này.

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, kết hợp với hiểu biết của anh/chị và dựa vào gợi ý dưới đây để tìm các mật mã được giấu trong ma trận theo chiều dọc, chiều ngang và đường chéo bằng cách đánh dấu vào ma trận.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
a	A	H	I	K	L	M	N	H	A	K	L	V	G	X	T
b	B	Ã	C	N	G	U	Y	Ê	N	V	Ã	N	T	A	I
c	C	E	I	U	Ô	K	Ơ	M	N	S	Ô	T	V	I	H
d	B	L	D	G	H	I	K	L	M	H	Ơ	G	U	Y	Ê
e	C	A	V	Ã	N	H	O	A	C	Ư	U	Q	U	Ô	C
g	D	O	Ã	Ã	T	A	I	N	L	H	A	I	Ê	N	O
h	C	H	T	R	U	Y	Ê	N	N	G	Ã	N	N	G	N
i	S	A	M	B	C	N	V	S	T	L	H	I	K	H	C
k	R	C	Đ	Ê	Ơ	M	E	H	G	L	S	V	I	A	H
l	T	H	O	V	T	R	Ã	N	Q	A	I	Y	Ê	I	O
m	V	Q	N	G	Ư	Ơ	I	N	Ô	N	G	Đ	Ã	N	X
n	L	Ê	K	H	O	T	Y	N	H	G	A	N	H	K	Ã
o	N	G	X	O	M	N	G	U	C	Ư	Ô	Ê	I	Ư	U
p	A	B	V	N	S	T	Y	I	O	P	B	K	H	Ã	X
q	M	O	N	E	G	O	N	C	G	Ư	Ô	M	R	K	I

(1) Đây là tên khai sinh của nhà văn Kim Lân.  
 (2) Đây là tên tổ chức mà nhà văn Kim Lân đã tham gia từ trước Cách mạng tháng Tám.  
 (3) Kim Lân đã vào vai nhân vật này trong bộ phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*.  
 (4) Thể loại sở trường của cây bút Kim Lân là ...  
 (5) Nhà văn Kim Lân thường viết về đề tài ...  
 (6) Đây là tên một tác phẩm của nhà văn Kim Lân được học ở chương trình Ngữ văn THCS.  
 (7) Đây là tên nhân vật chính trong một truyện ngắn của Kim Lân mà anh/chị đã được học.

(8) Đây là tên một tập truyện ngắn của Kim Lân.  
 (9) Truyện *Vợ nhật* được in trong tập ...  
 (10) Tiền thân của truyện ngắn *Vợ nhật* là tiểu thuyết ... được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và thất lạc bản thảo.

3. Dựa vào kết quả đọc phần *Tiểu dẫn* và các mật mã đã tìm được, hãy giới thiệu bằng lời những nét chính về tác giả Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhật*.

15



# VỢ NHẬT

Kim Lân

1. Tóm tắt và tìm hiểu chung về bối cảnh, thời gian nghệ thuật, nhan đề của truyện theo gợi ý dưới đây.

1a. Từ đầu đến "...vùng về, lúng túng".

1c. Từ "Tràng chợt đứng dừng lại" đến "...Cố người chết đói".



1b. Từ "Thị lẳng lặng" đến "... cùng đẩy xe bò về".

1d. Từ "Sáng hôm sau" đến "... là cờ đỏ bay phấp phới".

1e. Hãy chỉ ra bối cảnh chung của câu chuyện.

1g. Truyện mở đầu vào thời gian nào? Kết thúc vào thời gian nào? Cách mở đầu và kết thúc như vậy gợi cảm nhận gì cho người đọc?

1h. Hãy nêu ý nghĩa nhan đề của truyện.

2. Nhìn vào sơ đồ, hãy tóm tắt bằng lời truyện ngắn *Vợ nhật* của nhà văn Kim Lân. Chia sẻ ngắn gọn với các bạn ấn tượng ban đầu của anh/chị về truyện.



# VỢ NHẬT

Kim Lân

gợi dẫn:

Tìm hiểu bối cảnh của truyện theo gợi dẫn:

2. Các chi tiết về nạn đói trong văn bản gợi cho anh/chị cảm nhận gì?

3. Nêu nhận xét của anh/chị về nghệ thuật thể hiện bối cảnh nạn đói của nhà văn.

4. Xem thêm các tư liệu hình ảnh về nạn đói năm 1945 trong phần Ngữ liệu đọc hiểu (tr.83). Những bức ảnh này cùng với các chi tiết trong văn bản giúp anh/chị hình dung như thế nào về cuộc sống của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?

1. Liệt kê các chi tiết về bối cảnh nạn đói được cảm nhận qua:

1a. Thị giác:

1b. Thính giác:

1e. Hành động của con người (nhân vật "thị");

1c. Khứu giác:

1d. Ngoại hình của con người:

# VỢ NHẬT

## Kim Lân

Làm việc theo cặp, hoàn thành Phiếu học tập số 4, 5 để tìm hiểu tình huống truyện.  
Trong Phiếu học tập số 4, anh/chị thực hiện các mục 1, 2, 3.

Làm việc theo cặp  
Trong Phiếu học

3b. Người dân xóm ngụ cư cảm thấy thế nào trước điều này?

3c. Bà cụ Tứ có thái độ, cảm xúc gì trước tình huống đó?

3a. Những đứa trẻ phản ứng ra sao?

3a. Những  
ra sao

"Một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa."

3. Nêu tình huống của câu chuyện:

1. Bạn biết gì về gia cảnh và bản thân Tràng?

2. Bạn biết gì về gia cảnh và bản thân "thị"?

5. Lí do n  
sự thay  
nhân v

3d. Còn bản thân Tràng thì sao?

5. ...

4. Mái nhà hạnh phúc

Hãy phát hiện và ghi lại sự thay đổi của các nhân vật trong buổi sáng hôm sau.

6. ...

Chia sẻ, thống nhất kết quả làm việc trong cặp và chuẩn bị thuyết trình trước lớp.

Chia s



# VỢ NHẶT

Kim Lân

Phiếu học tập số  
**5**

Làm việc theo cặp, hoàn thành Phiếu học tập số 4, 5 để tìm hiểu tình huống truyện.  
Trong Phiếu học tập số 5, anh/chị thực hiện các mục 4, 5, 6.

3b. Người dân xóm ngụ cư cảm thấy thế nào trước điều này?

3c. Bà cụ Tứ có thái độ, cảm xúc gì trước tình huống đó?

3a. Những đứa trẻ phản ứng ra sao?

1. Bạn biết gì về gia cảnh và bản thân Tràng?

2. Bạn biết gì về gia cảnh và bản thân "Thị"?

3. Nêu tình huống của câu chuyện:

3d. Còn bản thân Tràng thì sao?

**4. Mái nhà hạnh phúc**  
Hãy phát hiện và ghi lại sự thay đổi của các nhân vật trong buổi sáng hôm sau.

5. Lí do nào làm nên sự thay đổi của các nhân vật?

4a. Tràng thay đổi:

4b. "Thị" thay đổi:

4c. Bà cụ Tứ thay đổi:

6. Có người cho rằng Kim Lân đã xây dựng được một tình huống bất thường để thể hiện khát vọng bình thường của con người. Lại có ý kiến khẳng định, từ tình huống bình thường, nhà văn cho độc giả thấy những điều thật phi thường. Hãy nêu và giải thích bằng lời ý kiến của anh/chị.

Anh/Chị đoán xem người dân xóm ngụ cư liệu có thay đổi không? Vì sao?

Chia sẻ, thống nhất kết quả làm việc trong cặp và chuẩn bị thuyết trình trước lớp.

2; sau đó trả lời



ật  
n hành  
xúc,...

## VỢ NHẬT

Kim Lân

Phiếu học tập số  
6

1. Hãy nhập vai nhân vật Tràng, dựa vào văn bản để trả lời các câu hỏi phỏng vấn dưới đây:

1a. Chào anh Tràng! Đến bây giờ anh đã biết tên chị nhà chưa ạ? Trong tác phẩm, nhà văn Kim Lân đã gọi chị bằng cái tên nào? Anh có thể cho biết vì sao nhà văn lại gọi chị nhà như vậy không?

1b. Ấn tượng của anh về lần đầu tiên gặp chị là như thế nào?

1c. Anh có thể kể cho mọi người nghe lần thứ hai anh gặp chị như thế nào không (về hoàn cảnh, ngoại hình, hành động, ngôn ngữ,...)?

1d. Gặp lại trong hoàn cảnh đó, cảm xúc của anh đối với chị là gì? Vì sao?



1e. Trên đường về, anh thấy chị như thế nào? Lúc gặp mẹ anh, chị có lo lắng, sợ hãi, tủi hổ không?

1g. Lần đầu tiên anh phát hiện ra những điều mới mẻ, tốt đẹp về chị là khi nào? Đó là những điều gì? Cảm xúc của anh khi đó ra sao?

1h. Anh nghĩ điều gì đã giúp chị trở lại đúng là mình? Qua câu chuyện của mình, anh muốn nhắn gửi điều gì đến các bạn đọc yêu quý?

1i. Trong cuộc trò chuyện này, anh có muốn nói gì với mẹ và vợ anh không? Anh có muốn nói gì với nhà văn Kim Lân không?

đã sinh ra

*Trân trọng cảm ơn anh về cuộc trò chuyện! Chúc gia đình anh chị trăm năm hạnh phúc!*

2. Dựa vào bài phỏng vấn đã hoàn thành, hãy phát biểu bằng lời về ấn tượng, cảm xúc của anh/chị với nhân vật người "vợ nhật" và nghệ thuật thể hiện nhân vật của nhà văn Kim Lân.



## VỢ NHẬT Kim Lân

Làm việc theo cặp, hoàn thành Phiếu học tập số 7 để tìm hiểu tâm trạng của bà cụ Tứ.  
Trong Phiếu học tập số 7, anh/chị tìm hiểu tâm trạng của nhân vật vào buổi tối hôm trước.

Làm việc theo cặp, hoàn thành Phiếu học tập số 8.

1. Khi vừa bước vào nhà, bà cụ Tứ cảm thấy ...

2. Vì sao bà lại có tâm trạng này?

3. Khi nghe Tràng trình bày, bà lão đã ...

4. Có những trạng thái cảm xúc nào đang diễn ra bên trong bà cụ Tứ khi đó?

5a. Bà cụ Tứ nói gì với các con? Bà nghĩ đến điều gì?

6a. Dòng tâm trạng của bà cụ Tứ trong buổi tối hôm trước cho anh/chị biết những gì về người mẹ này?

5b. Hãy phân tích câu nói đầu tiên bà dành cho "nàng dâu mới".

5c. Những giọt nước mắt và cái nghẹn lời của bà cụ Tứ gợi cho anh/chị cảm nhận gì?

6b. Hãy chỉ ra nghệ thuật thể hiện tâm trạng nhà văn của nhà văn Kim Lân được thể hiện trong phần văn bản này.

Chia sẻ, thống nhất kết quả làm việc theo cặp và chuẩn bị thuyết trình trước lớp.

Chia sẻ, t

# VỢ NHẬT

## Kim Lân

Làm việc theo cặp, hoàn thành Phiếu học tập số 7, 8 để tìm hiểu tâm trạng của bà cụ Tứ. Trong Phiếu học tập số 8, anh/chị tìm hiểu tâm trạng của bà cụ Tứ vào buổi sáng hôm sau theo gợi dẫn:

1. Gương mặt, thần thái:

3. Câu chuyện của bà trong bữa cơm:

CHI TIẾT  
TRONG VĂN BẢN

2. Hành động:

4. Câu trả lời và cử chỉ khi đáp lời hỏi của "thị":

CẢM NHẬN  
CỦA TÔI

5. Câu chuyện bà nói trong bữa cơm gợi nhắc tới bài ca dao miền Trung nào? Hãy ghi lại câu ca dao thể hiện rõ nhất niềm lạc quan, tin tưởng của người lao động trong bài ca dao đó.

8. Tại sao nhà văn Kim Lân lại để cho nhân vật bà cụ Tứ, người đã ở độ tuổi "gần đất xa trời" nói nhiều đến tương lai?

6. Dấu chấm lửng (...) đặt cuối câu văn "Này ngoảnh đi... cho mà xem..." gợi ra những điều gì cho người đọc?

9. Kết hợp với Phiếu học tập số 7 để chỉ ra nghệ thuật thể hiện tâm trạng nhân vật của nhà văn.

7. Tâm trạng, cảm xúc của bà cụ Tứ có gì khác với tối hôm trước? Điều gì đã làm nên sự thay đổi này?

Chia sẻ, thống nhất kết quả làm việc theo cặp và chuẩn bị thuyết trình trước lớp.



Tim hiểu phần kết truyện theo gợi dẫn:

2. Hình ảnh kết thúc này từng xuất hiện như thế nào trước đó?

3. Hình ảnh này xuất hiện trong bối cảnh nào?

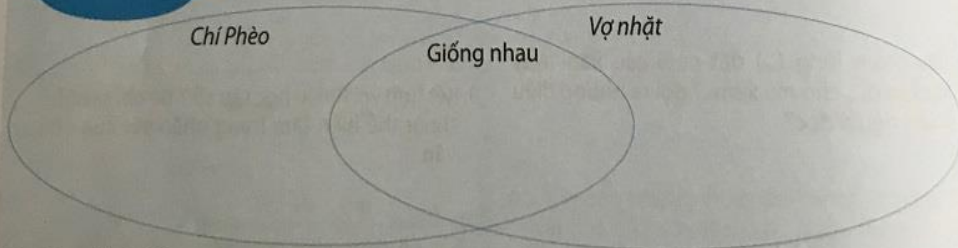
"Trong óc Trần  
pháp phối..."  
Trong khoảng  
câu chuyện  
thức thể hiện  
làm thơ, viết

1. Hãy ghi lại câu văn kết thúc truyện:

4. Nếu truyện kết thúc ở chi tiết bà cụ Tứ khóc thì cảm nhận của người đọc sẽ ra sao? Từ đó, anh/chị nhận ra những ý nghĩa gì trong cách kết thúc truyện của nhà văn?



5. Hãy so sánh cách kết thúc truyện ngắn *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Chí Phèo* (Nam Cao):



Lí giải sự khác biệt:

6. Từ phần kết thúc tác phẩm, hãy tưởng tượng và phát biểu bằng lời về cuộc sống của gia đình Tràng sau buổi sáng hôm đó. (Ghi các từ khoá của phân tưởng tượng vào đây trước khi phát biểu)

# VỢ NHẬT

Kim Lân

ào?

"Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới..."

Trong khoảng một trang giấy, anh/chị hãy sáng tạo tiếp câu chuyện *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân bằng hình thức thể hiện anh/chị thấy thú vị nhất (ví dụ: vẽ tranh, làm thơ, viết văn, viết truyện tranh,...).



Từ  
ra  
ý  
ủa





## **Phân tích bài soạn, mục tiêu đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản truyện hiện đại Việt Nam**

### ***1. Đánh giá trong quá trình thực hiện bài học trên lớp***

- Thời gian, địa điểm thực hiện: Thực hiện ở trên lớp, trong khi dạy học
  - Chủ thể đánh giá: Giáo viên, Học sinh
  - Minh chứng để đánh giá: Các sản phẩm của HS (sản phẩm phiếu học tập; câu trả lời miệng, phần thuyết trình trên lớp; phần phản hồi và tự phản hồi trên lớp của HS)
  - Tiêu chí đánh giá : Đã xác định trong phần thiết kế bài học
  - Công cụ đánh giá:
- + Phản hồi của GV: GV tập trung phản hồi vào nhiệm vụ, với 3 câu hỏi gợi ý phản hồi chính như sau:

*Mục tiêu của bạn là gì? Bạn đang ở đâu? Bạn cần làm gì tiếp theo?*

- + Tự phản hồi và phản hồi cho bạn của HS (đánh giá đồng đẳng): Các hoạt động nhận xét của HS, kĩ thuật phản hồi 321.

### ***2. Đánh giá sau khi thực hiện bài học***

- Thời gian, địa điểm đánh giá: Sau giờ học, ở nhà
  - Chủ thể đánh giá: Học sinh, Giáo viên
  - Minh chứng: Bài tập tự thực hành đọc ở nhà của HS
  - Tiêu chí đánh giá: Dựa trên mục tiêu bài học
  - Công cụ đánh giá: Câu hỏi trắc nghiệm khách quan; Bài tập tự luận ngắn
- Dự kiến sẽ đưa vào truyện “Một đám cưới” (Nam Cao) để HS đọc. Sử dụng khoảng 10 câu hỏi trắc nghiệm, 1-2 câu hỏi tự luận ngắn để đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản của HS.

## PHỤ LỤC 1.4

### GIÁO ÁN MINH HOẠ CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

**Thể loại: Đọc văn bản tiểu thuyết chương hồi**

**Bài học: Hồi trống Cổ Thành (La Quán Trung)**

**(Thời lượng: 2 tiết)**

Gợi ý về tiến trình bài dạy và tổ chức các hoạt động học tập trên lớp:

Trong khi soạn giáo án và thực hiện bài dạy, GV cần thường xuyên đổi chiều *nội dung* hoạt động dạy học với *yêu cầu cần đạt*. Chẳng hạn:

<b>Hoạt động của GV và HS</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<p>Hoạt động 1. Khởi động</p> <p>1. GV khơi gợi kiến thức nền của HS, bằng một trong hai cách sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HS kể lại ấn tượng/ki niệm sâu đậm nhất về tấm gương trung thực, một hành động quyết liệt không chấp nhận thỏa hiệp nào đó mà em đã đọc hay chứng kiến trong đời. Từ câu trả lời của HS, GV giới thiệu về văn bản <i>Hồi trống Cổ Thành</i>.</li><li>- Cho HS thảo luận nhóm (sau khi đọc trước ở nhà phần tiểu dẫn và cốt truyện trong SGK) về bối cảnh (bối cảnh lịch sử, bối cảnh cụ thể trong truyện) và nhớ lại tác phẩm cùng loại (<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>).</li></ul>	
<p>Hoạt động 2. Tìm hiểu tác giả La Quán Trung và thể loại văn bản</p> <p>2. GV có thể kể sơ lược một số chi tiết về La Quán Trung – tác giả của một số tiểu thuyết lịch sử nhưng tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là <i>Tam quốc diễn nghĩa (Đệ nhất tài tử thư, đệ nhất kì thư)</i>.</p> <p>3. <u>Thảo luận nhóm</u>: Văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết gì? Dựa vào đâu mà em cho là như vậy?</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV khơi gợi những đặc điểm thể loại tiểu thuyết chương hồi mà HS đã học qua văn bản <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> học ở lớp 9:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Những tiểu thuyết trường thiên bao gồm nhiều hồi, đầu mỗi hồi có “hồi mục”, là một hoặc hai câu thất ngôn dự báo tình tiết chính của hồi, mỗi hồi hoặc nhiều hồi, viết về một sự kiện chủ yếu và kết thúc hồi có lời dẫn dắt đến hồi tiếp;</li><li>+ Tiểu thuyết chương hồi lịch sử mang đậm tính sử thi với giọng</li></ul></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết chương hồi: cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính (tình huống bất ngờ, hồi hộp, chò đợi), nhân vật có tính cách (2.a).</li></ul>

<p>kẻ hùng tráng, không gian chiến trận được miêu tả rõ nét;</p> <p>+ Nhân vật thuộc dạng nhân vật “tính cách” – mỗi nhân vật mang một đặc điểm phẩm chất rõ ràng, cụ thể, chẳng hạn “nóng như Trương Phi”, “Đa nghi như Tào Tháo”, “Trí tuệ như Khổng Minh”, “Phản trắc như Ngụy Diên”...</p> <p>4. GV giới thiệu vị trí đoạn trích:</p> <p>– Trích nửa đầu hồi 28. Hồi 27 kể việc Quan Công hộ tống hai chị từ Hứa Đô sang Hà Bắc gặp anh kết nghĩa Lưu Bị. Trên đường đi ông đã chém 6 tướng của Tào Tháo cản trở, vượt qua năm ải quan, thu phục được hai tướng trẻ: Quan Bình, Châu Thương. Một ngày kia đoàn người ngựa đến trước một toà thành nhỏ...</p> <p>– Nửa sau của hồi 28 là cảnh gặp gỡ hội ngộ cảm động của ba anh em kết nghĩa vườn đào.</p>	
<p>Hoạt động 3. Đọc diễn cảm tác phẩm</p> <p>5. Từ các đặc điểm của thể loại tiểu thuyết chương hồi, GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản bằng giọng đọc rõ ràng, truyền cảm, thể hiện được giọng điệu và tâm thế của từng nhân vật; thể hiện được ngữ điệu của từng lời văn đối thoại mang sắc thái biểu cảm của người kể và của nhân vật.</p>	
<p>Hoạt động 4. Tìm hiểu phản ứng của Trương Phi khi Vân Trường (Quan Công) đến</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn: <i>“Phi nghe xong... lập tức mặc giáp, vác mâu, lên ngựa... đi tắt... trợn... vênh... hò hét... múa... đâm...”</i></p> <p>GV nêu các câu hỏi:</p> <p>6. Em có nhận xét gì về ngoại hình, hành động và lời nói của Trương Phi? Vì sao Trương Phi có hành động và lời nói như vậy?</p> <p>7. <u>Thảo luận nhóm</u>: Tìm những từ ngữ miêu tả ngoại hình, lời thoại và giọng nói, hành động của Trương Phi và điền vào Phiếu HT (1).</p>	<p>- Đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết chương hồi: nhân vật tính cách, Trương Phi: tuyệt trực (2.a).</p>
<p>Hoạt động 5. Miêu tả và nhận xét phản ứng của Trương Phi khi Sái Dương xuất hiện</p> <p>GV nêu các câu hỏi:</p> <p>8. <u>Thảo luận nhóm nhỏ</u>: Tại sao Trương Phi không để ý đến những lời thanh minh của Quan Công? Tìm những chi tiết miêu tả tâm trạng, suy nghĩ của Trương Phi rằng Quan Công</p>	<p>- Đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết chương hồi: cốt truyện kịch tính, nhân vật tính cách, Trương</p>

<p>đến đây để lừa dối, vây bắt mình. Những suy nghĩ đó cho biết Trương Phi là người thận trọng, tinh tế, khôn ngoan?</p> <p>9. Theo em, lòng trung thành, sự chính trực, thái độ quyết liệt (qua lời nói, hành động) của Trương Phi đã tác động đến sự hình thành và phát triển cốt truyện của <i>Hồi trống Cổ Thành</i> như thế nào? Sự phát triển cốt truyện như thế góp tô đậm nét tính cách nào của Trương Phi?</p> <p>10. <i>Thảo luận nhóm đôi</i>: rút ra các sự việc chính gắn với Trương Phi và tác động của chúng trong việc hình thành, thúc đẩy sự phát triển cốt truyện.</p> <p>GV có thể gợi ý HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lòng trung thành, sự chính trực, thái độ quyết liệt của Trương Phi đã tạo nên kịch tính cho các sự kiện và thúc đẩy cốt truyện phát triển theo hướng Quan Công buộc phải tự mình oan cho mình bằng hành động.</li> <li>- Nhiều nét tính cách của Trương Phi được tô đậm qua sự phát triển của cốt truyện: dũng cảm, cương trực, trung nghĩa, nóng nảy, thô lỗ mà tinh tế và phục thiện.</li> </ul>	<p>Phi: tuyệt trực (2.a).</p>
<p>Hoạt động 6. Phân tích hình tượng Quan Công</p> <p><i>GV dẫn giải</i>:</p> <p>11. - Vượt qua năm cửa quan chém bay đầu sáu tướng của Tào Tháo, Quan Công không hề băn khoăn do dự bởi ông một dạ đi tìm anh, trước sau vẫn coi Tào Tháo là kẻ thù. Thế nhưng, đến Cổ Thành, gặp người em kết nghĩa Trương Phi, lại chính là điều ông không ngờ nhất đây chính là cửa quan thứ sáu và viên tướng chặn đường ông lại chính là em mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với Quan Công đây là cửa quan khó vượt qua nhất bởi vì đó là cửa quan <i>thử thách lòng trung nghĩa, cửa quan bày tỏ sự trong sáng, cửa quan không dung những kẻ tham vàng phụ nghĩa</i> nên không thể vượt qua bằng cách vung cây thanh long đao lên.</li> </ul> <p>GV nêu các câu hỏi:</p> <p>12. - Quan Công rơi vào hoàn cảnh bất ngờ và khó khăn như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chi tiết cho thấy thái độ, tình cảm và phẩm chất của nhân vật Quan Công?</li> </ul> <p>GV gợi ý: Con người thông minh, chính trực, độ lượng, có tài năng và khí phách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết chương hồi: cốt truyện kịch tính: tình huống gay cấn, hồi hộp, hấp dẫn... nhân vật tính cách, Quan Công: tuyệt dũng, (2.a).</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ,</li> </ul>

<p>Hoạt động 7. Âm vang hồi trống Cổ Thành</p> <p><i>GV nêu câu hỏi trắc nghiệm:</i></p> <p>13. Trong bốn dòng khái quát ý nghĩa của “hồi trống” trong “Hồi trống Cổ Thành” dưới đây, dòng nào khái quát ý nghĩa đúng nhất?</p> <p>A. Hồi trống thử thách tài năng của Quan Công</p> <p>B. Hồi trống minh oan cho Quan Công</p> <p>C. Hồi trống biểu hiện lòng cương trực của Trương Phi.</p> <p>D. Hồi trống giải tỏa niềm hoài nghi của Trương Phi.</p> <p>(<i>Đáp án: B. đúng nhất.</i>)</p> <p>14. Có người cho rằng chủ đề chính của đoạn trích này là vấn đề “trung thành hay phản bội?”. Ý kiến của em như thế nào?</p> <p>15. GV nêu vấn đề: Ngoài ý nghĩa khái quát của toàn văn bản “Hồi trống Cổ Thành”, từ mỗi hình tượng nhân vật chính (Trương Phi, Quan Công) người đọc còn có thể suy ngẫm, rút ra các ý nghĩa thành phần của văn bản theo cách riêng của mình. Với bản thân em, các ý nghĩa đó là gì?</p> <p>(HS điền ý kiến của bản thân vào Phiếu HT (2)).</p>	<p>tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống (3.c).</p> <p>- Phân tích và đánh giá được chủ đề của văn bản (1.d).</p>
<p>Hoạt động 8. Luyện tập</p> <p><i>GV nêu yêu cầu:</i></p> <p>16. Hãy tóm tắt câu chuyện trong trích đoạn bằng 3-5 câu.</p> <p>17. Nếu em là Trương Phi hoặc Quan Công thì em hành động như thế nào?</p> <p>18. Sau khi học đoạn trích, nhân vật Quan Công để lại trong em ấn tượng gì sâu đậm nhất?</p> <p>19. Lập bảng so sánh tính cách của Quan Công và Trương Phi trong đoạn trích. (HS có thể điền thông tin vào Phiếu HT (3))</p>	
<p>Hoạt động 9. Tổng kết</p> <p>20. <u>Thảo luận nhóm đôi</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định chủ đề của văn bản.</li> </ul> <p>21. <u>Thảo luận nhóm</u> về đặc sắc nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm 1,2: Xác định một số chi tiết thể hiện rõ nhất tính chất gay cấn, hội họp, hấp dẫn của cốt truyện trong văn bản.</li> <li>- Nhóm 3,4: Xác định một số chi tiết thể hiện rõ nhất tính cách tuyệt trực của Trương Phi và tuyệt dũng của Quan Công.</li> </ul>	

Gợi ý mẫu *Phiếu học tập* có thể sử dụng cho bài học

Phiếu HT (1)

Đặc điểm nhân vật Trương Phi

Nhóm: ..... Lớp: .....

*Yêu cầu:* Điền thông tin về đặc điểm của nhân vật Trương Phi vào các ô “ngoại hình”, “lời thoại và giọng nói”, “hành động” trong bảng tổng hợp sau:

<b>Ngoại hình</b>	<b>Lời thoại và giọng nói</b>	<b>Hành động</b>
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Phiếu HT (2)

Ý nghĩa của *Hội trống Cổ Thành* nhìn từ hình tượng mỗi nhân vật Trương Phi, Quan Công theo quan điểm riêng của bản thân học sinh

Nhóm: ..... Lớp: .....

*Yêu cầu:* Hãy đọc kỹ văn bản “*Hội trống Cổ Thành*” và nêu ý nghĩa của văn bản được thể hiện qua mỗi hình tượng nhân vật (Trương Phi, Quan Công) theo các ô trong bảng sau

<b>Từ hình tượng nhân vật Trương Phi</b>	<b>Từ hình tượng nhân vật Quan Công</b>
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Phiếu HT (3)

Ý nghĩa của *Hội trống Cổ Thành* nhìn từ hình tượng mỗi nhân vật Trương Phi, Quan Công theo quan điểm riêng của bản thân học sinh

Nhóm: ..... Lớp: .....

*Yêu cầu:*

1. Điền thông tin vào các ô “ngoại hình”, “lời thoại & giọng nói”, “hành động” trong bảng so sánh dưới đây

<b>Nhân vật</b>	<b>Ngoại hình</b>	<b>Lời thoại &amp; giọng nói</b>	<b>Hành động</b>
TRƯƠNG PHI			
QUAN CÔNG			

2. Tổng hợp tính cách nhân vật bằng một số cụm từ

a) Tính cách của Trương Phi, chung quy, có thể khái quát bằng một số cụm từ sau:.....

.....

b) Tính cách của Quan Công, chung quy, có thể khái quát bằng một số cụm từ sau:.....

.....

## PHỤ LỤC 2

### ĐỀ KIỂM TRA MINH HOẠ

#### Đề kiểm tra môn Tiếng Việt<sup>5</sup> lớp 5

(Thời gian làm bài: 60 phút)

#### A. ĐỌC HIỂU

##### 1. Đọc bài sau: Mèo Gấu và buổi sáng mùa đông

Sáng hôm qua, một buổi sáng mùa đông trời mưa rả rích. Mèo Gấu nằm ngắm mưa gần suốt cả buổi sáng và trong khi chú ngắm mưa, hình bóng của Áo hoa vẫn cứ hiện trong tâm trí chú.

Tiếng mưa mỗi lúc một tí tê, vẩy bọc chú, giam chú trong nỗi sầu muộn. Chú ngơ ngạo đầu, gơ tay lay nhẹ một cọng rìa và âu sầu tự hỏi:

*Bàn tay em vẫy ngoài xa vắng*

*Có phải lòng anh đang có mưa.*

Trong hơi giá rét, đầu chú mỗi lúc như một chú xuồng.

Nhưng sáng hôm nay khi mèo Gấu đang thiu thiu ngủ thì cô chủ đã cất tiếng:

*Ôi, trời nắng rồi, mèo Gấu ơi!*

Mèo Gấu choàng mắt. *Chà, trời hửng nắng ấm.* Mèo Gấu có cảm giác chú đang trải qua những khoảnh khắc đẹp nhất mà một buổi sáng mùa đông có thể đem lại. Chú thấy lòng mình thật nhẹ nhõm.

*Này, cô chủ có muốn nghe tôi làm thơ không? Tôi đọc nhé:*

*Một chiếc lá rơi*

*Rơi hai chiếc lá*

*Ba chiếc lá rơi*

*Bốn rơi chiếc lá*

*Haha, mèo Gấu đúng là một thi sỹ đích thực. Cô chủ cất tiếng cười.*

Mèo Gấu bẽn lẽn đọc tiếp:

*Ba chiếc rơi ngược*

*Sáu chiếc rơi xuôi...*

Những chiếc lá tiếp tục nhảy múa trong đầu mèo Gấu cho đến khi chú nhìn thấy một chuyện mà chú chưa từng bắt gặp trong đời.

(Trích *Hai chú mèo ngồi bên cửa sổ* Nguyễn Nhật Ánh)

##### 2. Trả lời câu hỏi

###### 2.1. Em làm bài tập sau:

---

<sup>5</sup> Đề của PGS.TS. Đỗ Xuân Thảo, ĐHSP Hà Nội



a. Đánh dấu vào dòng thể hiện đúng nhất ý nghĩa của chi tiết: *Mèo Gấu nằm ngắm mưa gần suốt cả buổi sáng và trong khi chú ngắm mưa, hình bóng của Áo hoa vẫn cứ hiện trong tâm trí chú.*

Mèo Gấu là:

- Là chú mèo lười biếng.
- Là chú mèo đỏng đảnh.
- Là chú mèo chỉ thích ngắm cảnh.
- Là chú mèo thích làm thơ.
- Là chú mèo ưa chạy nhảy.
- Là chú mèo lãng mạn, dễ thương.
- Là chú mèo béo ú với lớp lông dày.

Từ chi tiết đó, theo em tác giả định kể cho người đọc điều gì về chú mèo Gấu?

b. Em hãy sắp xếp các ý sau theo đúng trình tự của câu chuyện:

- (1). Mèo Gấu thiu thiu ngủ.
- (2). Mèo Gấu cảm thấy sầu muộn vì trời mưa
- (3). Mèo Gấu nhìn thấy một việc chưa từng có trong đời
- (4). Cô chủ gọi mèo Gấu dậy.
- (5). Mèo Gấu làm thơ cho cô chủ nghe.

Thứ tự sắp xếp là:.....

2.2. Dựa vào bài em hãy điền từ miêu tả thời gian của câu chuyện: cảnh vật đó diễn ra vào khi nào?



Đó là cảnh vào.....



Đó là cảnh vào.....

Em hãy nối thời gian với tâm trạng của chú mèo Gấu

Thời gian

Tâm trạng

a. Sáng hôm qua

(1). Mèo Gấu thấy lòng nhẹ nhõm vui tươi và chú muốn làm thơ

b. Sáng nay

(2). Mèo Gấu thấy lòng sầu muộn và chú mơ màng nhớ đến người bạn Áo hoa của mình.

2.3. Nếu bây giờ câu chuyện về chú mèo Gấu được chính chú kể lại thì câu mở đầu sẽ được viết là: .....

Em có thích cách chú mèo Gấu được kể lại câu chuyện của mình không? Hay em thích cách kể chuyện như văn bản đọc ở trên?

2.4. Em làm bài tập sau:

a. Em có khi nào nghĩ là các chú mèo có thể thay đổi tâm trạng theo thời tiết không? nhìn các hình ảnh dưới đây và đoán xem từng chú mèo đang ở tâm trạng nào?



b. Em thấy mèo Gấu giống chú mèo nào nhất trong các bức hình trên?

c. Một bạn nói: *Hôm qua thời tiết xấu nên tớ làm bài kiểm tra không tốt.* Ý kiến của em là gì?

## **B. VIẾT**

Dựa vào câu chuyện Mèo Gấu và buổi sáng mùa đông, em hãy tưởng tượng mình là chú Mèo Gấu để kể lại câu chuyện theo lời của em nhé.

## **ĐÁP ÁN**

### **Đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 5**

#### **A. BÀI ĐỌC HIỂU (6 điểm)**

Câu 2.1. (2 điểm)

a. (1 điểm)

- Đáp án đúng nhất là dòng thứ 6 (học sinh có thể chọn các dòng 3 hoặc 4 nhưng mức điểm thấp hơn) (0,5 điểm).

- Tác giả định kể cho người đọc hiểu về chú mèo Gấu có tâm hồn lãng mạn. Nhờ vậy chú mới có thể làm thơ tặng cô chủ (0,5 điểm).

b. (1 điểm) Trình tự câu chuyện là 2 – 1 – 4 – 5 – 3.

Câu 2.2. (1 điểm)

Ý 1 (0,5 điểm): Từ cần điền là: *sáng hôm qua* cho bức tranh 1, *sáng nay* cho bức tranh 2.

Ý 2 (0,5 điểm) Nói: a – 2, b – 1.

Câu 2.3. (1,5 điểm)

Ý 1 (1 điểm): Thay từ *mèo Gấu*, *chú* bằng các từ: *tớ*, *mình*, *tôi*... cho thích hợp với văn cảnh.

Ý 2 (0,5 điểm): Em có thể thích cách chú mèo Gấu được kể chính câu chuyện của mình vì tạo được cảm giác gần gũi, thân mật. Hoặc em thích cách kể như nguyên bản vì tác giả có cái nhìn vừa khách quan, vừa có sự sáng tạo và bày tỏ được tình cảm của mình với các nhân vật.

Câu 2.4 (1,5 điểm)

a. (0,5 điểm) Mèo có thay đổi tâm trạng theo thời tiết. Theo thứ tự, trạng thái các chú mèo có thể là: Ngạc nhiên, buồn ngủ, giận dữ, mơ màng.

b. (0,5 điểm): Chọn bức ảnh thứ tư ( tuy nhiên HS có thể chọn bức thứ hai).

c. (0,5 điểm) Phủ nhận ý kiến này. Vì: Thời tiết không ảnh hưởng đến chất lượng bài làm của bạn. Tuy nhiên, có thể có bạn cho rằng, vì thời tiết xấu, tớ bị mệt nên làm bài không tốt thì cũng có thể cho điểm.

## **B. VIẾT (4 điểm)**

\* Bài viết đạt 4 điểm khi đủ 4 ý, mỗi ý 1 điểm

- Biết thay đổi ngôi kể: Dựa vào câu trả lời của câu hỏi ở mục 2.3 phần Đọc hiểu (có thể là “tớ”, “mình”, “tôi”)

- Biết sắp xếp các ý theo trình tự câu chuyện (dựa vào câu trả lời của ý b mục 2.1 phần Đọc hiểu)

- Biết cách miêu tả trạng thái phù hợp với khung cảnh và thời gian (dựa vào câu trả lời của mục 2.2 phần Đọc hiểu)

- Bài văn cần đủ 3 phần với các ý có mối liên hệ lô gic, văn phong có cảm xúc,

không sai lỗi chính tả, lỗi câu

\* Với những bài không đạt đủ các yêu cầu trên thì tùy mức độ mà cho điểm phù hợp.

## **ĐỀ THI HỌC KÌ I<sup>6</sup>**

MÔN: NGỮ VĂN 8 (Thời gian làm bài: 90 phút)

### **Phần I – Đọc hiểu (5 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Toàn thế giới đã ấm lên hơn 1 độ C kể từ thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp. Trong khi đó, thỏa thuận khí hậu Paris đặt ra mục tiêu duy trì tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức dưới 2 độ C so với thời kỳ Cách mạng công nghiệp, thậm chí chỉ là 1,5 độ C vào năm 2030 đã không được ký kết vào Ngày Trái đất trong năm 2016.



Sự ấm lên được cảm nhận rõ ở các vùng đất liền, Bắc Cực và nhiều khu vực ở Nam Cực. Con số 1 độ C nghe có vẻ thấp, nhưng xét theo nhiệt độ trung bình của bề mặt một hành tinh, nó thực sự là mức cao. Các nhà khoa học tin rằng trái đất bắt đầu nóng lên kể từ năm 1950 do hiệu ứng nhà kính. Nếu sự phát thải không được kiểm soát, giới khoa học tin rằng nhiệt độ trái đất có thể tăng quá 4,5 độ C. Mức nhiệt này sẽ làm biến đổi hành tinh của chúng ta và suy yếu khả năng hỗ trợ của trái đất cho một lượng dân số khổng lồ.

Tính từ năm 1850, nhiệt độ trung bình của Trái Đất đã tăng 1 độ C. 2 độ C là mức tăng nhiệt độ Trái đất mà các nhà đàm phán khí hậu đã đặt ra vào năm 2050 để có

---

<sup>6</sup> Đề của TS. Phạm Thị Thu Hiền- ĐHGĐ thuộc ĐHQG Hà Nội

thể giảm thiểu các tác động từ biến đổi khí hậu. Lượng khí CO<sub>2</sub> trên Trái Đất đã tăng 30% kể từ thời tiền công nghiệp.



Năm 1979, lần đầu tiên chúng ta biết được sự nóng lên toàn cầu, lượng băng tại Bắc Cực đã giảm 4%. Và mỗi năm, bằng cách đốt than, dầu và khí đốt, loài người ngày càng thải vô tội vạ lượng carbon dioxide vào bầu khí quyển khiến trái đất nóng lên.

Đầu tháng 2/1979, tại Hội nghị khí hậu thế giới đầu tiên ở Geneva, các nhà khoa học đến từ 50 quốc gia nhất trí rằng phải hành động khẩn cấp trước vấn đề biến đổi khí hậu. Bốn tháng sau, tại cuộc họp nhóm G7 ở Tokyo, các nhà lãnh đạo của 7 quốc gia giàu có nhất thế giới đã ký một tuyên bố cam kết giảm lượng khí thải carbon.



Vào đầu những năm 1980, một báo cáo được Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia (Hoa Kỳ) đề nghị rằng: “Vấn đề carbon dioxide cần phải được đưa vào chương trình nghị sự quốc tế trong bối cảnh tối đa hóa hợp tác và xây dựng đồng thuận, giảm thiểu các tác động chính trị, tranh cãi và phân chia”. “Nếu thế giới thông qua đề xuất được xác nhận rộng rãi vào cuối những năm 80 – hạn chế đến mức thấp nhất khí thải carbon, với mức giảm 20% vào năm 2005 thì sự nóng lên có thể đã được giữ ở mức dưới 1,5 độ” – một chuyên gia nhận định.

Năm 1990, thế giới đốt cháy hơn 20 tỷ tấn carbon dioxide. Kể từ năm 2000, thế giới ghi nhận 9 năm nóng kỷ lục. Nhiều người lo ngại biến đổi khí hậu trở thành mối nguy còn lớn hơn cả khủng bố. Đến năm 2017, con số carbon dioxide bị đốt cháy tăng lên 32,5 tỷ tấn, một con số kỷ lục.

Sự biến đổi khí hậu của hành tinh chúng ta vẫn đang diễn ra từ từ xen lẫn đột ngột. Nếu không có sự can thiệp cứng rắn, bất cứ điều gì xảy ra trong vấn đề biến đổi khí hậu sẽ ngày càng tồi tệ và ảnh hưởng lớn đến thế hệ mai sau.

(Theo Minh Hoàng, <https://ngaynay.vn>, ngày 22/8/2018)

**Câu 1.** Hãy đặt tên cho văn bản trên.

**Câu 2.** Các thông tin trong văn bản được trình bày theo trật tự nào?

**Câu 3.** Nội dung chính của văn bản này tập trung vào vấn đề gì?

**Câu 4.** Các con số trong văn bản trên liên quan đến những vấn đề gì? Việc đưa các số liệu vào văn bản nhằm mục đích gì?

**Câu 5.** Ba bức hình minh họa có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của văn bản trên?

**Câu 6.** Từ văn bản, em hãy cho biết, em và các thành viên trong gia đình có thể làm gì để “hạn chế đến mức thấp nhất khí thải carbon” ra môi trường?

### **Phần II – Viết (5 điểm)**

Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm của ai?

### **ĐÁP ÁN**

#### **Đề thi Học kì**

**Câu 1.** HS tự đặt tên cho văn bản, song cần làm bật lên được ý chính: môi nguy hiểm khi trái đất nóng lên. Tham khảo: *Trái Đất nóng lên – Môi nguy hiểm quá lớn* (nhân đề cho tác giả đặt).

**Câu 2.** Trật tự thời gian.

**Câu 3, Câu 4:** HS tìm thông tin trong văn bản để trả lời.

**Câu 5.** HS nêu nội dung của từng bức hình và cho biết mỗi bức hình minh họa, làm rõ hơn nội dung nào trong văn bản.

**Câu 6.** Ví dụ: hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông của cá nhân, sử dụng phương tiện giao thông công cộng; sử dụng nguồn năng lượng mặt trời; tắt đèn khi không sử dụng; không chặt phá rừng; trồng nhiều cây xanh,...

### **Phần II – Viết**

Tham khảo yêu cầu về bài viết dưới đây:

Yêu cầu chung: HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

Yêu cầu cụ thể:

- Mở bài: Nêu được vấn đề, bảo vệ môi trường là nghĩa vụ và trách nhiệm không của riêng ai

- Thân bài:



+ Trình bày/Phân tích được thực trạng của môi trường sống của con người (trong nước và trên khắp hành tinh) hiện nay, nhấn mạnh việc môi trường bị ô nhiễm và tàn phá nghiêm trọng.

+ Phân tích tác hại của việc môi trường bị ô nhiễm và tàn phá nghiêm trọng.

+ Nêu và phân tích nguyên nhân gây ô nhiễm và tàn phá môi trường.

+ Chỉ ra trách nhiệm của những đối tượng liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

+ Liên hệ bản thân và rút ra bài học.

- Kết bài: Kêu gọi về việc bảo vệ môi trường.

## **Phân tích đề đánh giá minh họa ở cấp tiểu học/THCS/THPT**

### **1. Đề lớp 5 (tiểu học)**

a. Đề trên được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, dựa trên thước đo là các chuẩn yêu cầu cần đạt về các kỹ năng Đọc, Viết, Nói và Nghe của chương trình Tiếng Việt tiểu học mới ở từng lớp.

b. Các đề này dùng để kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II áp dụng cho từng lớp.

c. Tùy theo yêu cầu và mức độ cũng như mục tiêu đánh giá, các đề có thể kiểm tra cả 4 kỹ năng hoặc kiểm tra hai kỹ năng Đọc và Viết.

d. Các đề được thiết kế theo những tiêu chí ở bảng tổng hợp những dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá năng lực người học và đánh giá kiến thức, kỹ năng người học. Trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chí:

- Mục đích chủ yếu: Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học ở từng lớp vào việc giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống gần gũi, thiết thực với trẻ em. Đánh giá vì sự tiến bộ của người học so với chính bản thân các em sau một năm học.

- Ngữ cảnh đánh giá: Gắn với nội dung các ngữ liệu, theo sát chủ đề mà học sinh đã được học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

- Nội dung đánh giá: Đánh giá tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ theo mức độ phát triển phù hợp với tâm sinh lý của từng lớp.

- Công cụ đánh giá: Các nhiệm vụ được thiết kế theo tình huống, bối cảnh trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng vận dụng ngữ liệu đã học.

- Kết quả đánh giá: Đáp án được xây dựng phụ thuộc vào độ khó của bài tập mà học sinh hoàn thành, khuyến khích các câu hỏi vận dụng sáng tạo của người học.

e. Trong số các bài tập ở những đề kiểm tra, có bài tập tự luận, bài tập trắc nghiệm. Các bài tập được xây dựng theo hướng mở tạo cơ hội cho học sinh đưa ra những cách hiểu, cách lập luận của mình.

g. Thang điểm chấm được xây dựng phù hợp với ma trận đề kiểm tra. Các kỹ năng đánh giá theo hướng khách quan, cụ thể. Ở các bài tự luận có mô tả các mức độ cần đạt được của học sinh.

## **2. Đề lớp 8**

*Đề:* biên soạn đề kiểm tra, chúng tôi dựa vào yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn mới cho mỗi hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Ở đây chỉ minh họa cho hai hoạt động đọc và viết. Các ngữ liệu được lựa chọn cho hoạt động đọc là những văn bản/đoạn trích mới, HS chưa được học chính thức nhưng cùng thể loại và chủ đề với các văn bản được dạy học trong chương trình. Hoạt động viết (nếu có) sẽ tích hợp về chủ đề với hoạt động để HS có thể vận dụng những tri thức đã đọc hiểu được, kết hợp với trải nghiệm của bản thân để giải quyết yêu cầu của đề bài.

*Đáp án*

### *a) Phần đọc hiểu*

Với những câu hỏi chỉ có 1 câu trả lời đúng, chúng tôi chỉ đưa ra 01 đáp án. Với câu hỏi có thể có nhiều câu trả lời, chúng tôi đưa ra các phương án trả lời đúng khác nhau. Với câu hỏi mở, chúng tôi chỉ đưa yêu cầu về cách trả lời, không áp đặt câu trả lời cho HS.

### *b) Phần viết*

Đáp án là những yêu cầu cần đạt về quy trình và kỹ năng viết, không áp đặt nội dung cụ thể mà HS đưa vào bài làm để HS có cơ hội bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân, giúp phát triển năng lực sáng tạo của người học.